

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

SÁNG TẠO

THÁNG MƯỜI MỘT 1958

KHẢO LUẬN

NGUYỄN SỸ TẾ Tạp luận
THANH TÂM TUYỀN Nhân nói về hội họa

SÁNG TÁC

MAI THẢO Hợp mặt ngày giỗ bạn
TRẦN THANH HIỆP Thế giới Quách Thoại
THỦY THỦ Nỗi buồn trên đất liền
THAO TRƯỜNG Đò dọc

THƠ TỰ DO

TÔ THÙY YÊN - DUY THANH
TRẦN DẠ TỪ - VƯƠNG TÂN
DUY NĂNG - HOÀNG BẢO VIỆT - NGỌC DỪNG

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN THỤY: DÀN NHẠC ĐẠI HÒA TẤU của VNCH - MẠC
SƠN: DUY THỨC HỌC THÔNG LUẬN của THẠC ĐỨC - VƯƠNG
TÂN: GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NOBEL NGA - NGUYỄN
ĐẰNG: TIẾNG BÊN TRỜI THƠ của HÀ LIÊN TỬ - GỖ ĐẦU TRẺ
truyện ngắn của NGUYỄN SA.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

số **26**

80 trang GIÁ : 10\$00

tạp chí văn nghệ

Sáng Tạo

số 26

tháng Mười Một 1958

nguyễn thiệu lâu - thao trường

nguyễn đăng - tô thùỳ yên

lữ hồ - thái bạch - hồ nam

duy thanh - trần dạ từ

huy quang - thanh tâm tuyền

hoàng bảo việt - thủy thủ

hoàng khanh - duy năng

vương tân - trần thanh hiệp

nguyễn sỹ tế

Sáng Tạo số 26 tháng 11 - 1958

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 26
tháng 11 - 1958

MỤC LỤC

	Trang
1. HỌP MẶT NGÀY GIỖ BẠN MAI THẢO	9
2. THẾ GIỚI QUÁCH THOẠI TRẦN THANH HIỆP	33
3. Ở LẠI VƯƠNG TÂN	53
4. BÀI THƠ HOANG NGỌC DŨNG	55
5. TÌM EM HOÀNG BẢO VIỆT	57
6. TẬP LUẬN NGUYỄN SỸ TẾ	63
7. SỢI DÂY DUY THANH	74
8. NHÂN NGHĨ VỀ HỘI HỌA THANH TÂM TUYỀN	97
9. THÂN PHẬN THI SĨ TÔ THÙY YÊN	114
10. CÓ AI - MỘNG ĐẦU - BƯỚC ĐI TRẦN DẠ TỪ	119
11. THỜI GIAN - ĐÊM DUY THANH	123
12. THƠ NHẬT BẢN HỒ NAM	125
13. MỘT CÔNG TÁC KIẾN THIẾT NGUYỄN THIỆU LÂU	135
14. DÒ DỌC THAO TRƯỜNG	143

15. THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA THÁI BẠCH	160
16. NGƯỜI HÀ NỘI HUY QUANG	177
17. NỖI BUỒN TRÊN ĐẤT LIỀN THỦY THỦ	189
18. TRUYỆN KIỀU HẤP HỐI LỮ HỒ	199
19. HÀ NỘI CÒN NỮA HOÀNG KHANH	216
20. TÂM HỒN DUY NĂNG	218
21. HIU QUẠNH VƯƠNG TÂN	220

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN THỤY: DÀN NHẠC ĐẠI HÒA TẤU của **VNNH** (trang 222) – MẠC SƠN: DUY THỨC HỌC THÔNG LUẬN của **THẠC ĐỨC** (trang 226) – **VƯƠNG TÂN**: GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NOBEL NGA (trang 228) – **NGUYỄN ĐĂNG**: TIẾNG BÊN TRỜI THỜ của **HÀ LIÊN TỬ** (trang 234) – GỖ ĐẦU TRẺ truyện ngắn của **NGUYỄN SA** (trang 236).

ĐỔI NGÀY PHÁT HÀNH

Vì lý do kỹ thuật, bắt đầu từ số tháng sau (số 27, tháng 12 - 1958) Sáng Tạo sẽ phát hành vào ngày 15 mỗi tháng. Xin báo tin để bạn đọc lưu ý.

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO

Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:

133B, đường Ký Con – SAIGON

HỌP MẶT NGÀY GIỖ BẠN

MAI THẢO

TRÊN chiếc ghế dài kê sát tường trong căn phòng trai chùa Phước Hòa, chúng tôi ngồi chờ Lý Hoàng Phong, anh ruột Quách Thoại. Chị Tuệ Mai rót nước cho chúng tôi uống. Mười hai chiếc chén thủy tinh đựng một thứ trà vàng đậm, khói bốc nghi ngút, chúng tôi truyền tay cho nhau yên lặng uống từng hớp nhỏ. Một vài người châm thuốc lá. Mười hai giờ kém mười lăm. Nắng lớn trên con đường đất đỏ chạy vòng quanh chùa. Những đứa trẻ đánh đáo dưới một bóng cây. Cửa hiệu tạp hóa bên kia đang đóng cửa, tôi đoán chừng để ăn cơm trưa. Trong cái yên lặng ngà ngà mệt mỏi của ngày giỗ bạn, ngôi chùa yên tĩnh như một

thế giới riêng biệt. Tự một lúc nào đó, tiếng mõ tụng niệm đã nổi lên. Từng tiếng một. Đều và ngắn.

Quách Thoại nằm xuống đã được một năm, tính từng ngày trên đốt ngón tay. Tôi nghĩ đến khoảng thời gian này, tôi nghĩ đến người bạn đã chết, tôi nhìn những người bạn còn sống. Chúng tôi còn trẻ quá, kể cả “ông già” Trần Thanh Hiệp. Quách Thoại cũng vậy. Duy Thanh ngồi kia với đôi mắt to lớn bờ ngõ. Mái tóc xõa của Doãn quốc Sỹ. Cái áo sơ-mi hở cổ của Ngọc Dũng. Cái đầu hói ngắn của Thanh Tâm Tuyền. Và cái hiền lành của Nguyễn Sỹ Tế. Và cái tuổi hai mươi bảy của Quách Thoại. Giữa cái sống và cái chết, không có bờ vực, không có khác biệt. Trong tâm sự và cảnh ngộ của một lớp người thời đại, tôi ghi nhận trong ngày giỗ đầu Quách Thoại sự hiện hữu của Quách Thoại giữa chúng tôi. Từ ngày Quách Thoại nằm xuống, thế giới và cuộc đời đổi thay ở đâu không biết, riêng chúng tôi vẫn không thay đổi. Mọi người vẫn sống, sống vô điều

kiện với cuộc sống và tôi có cảm tưởng như sự đón nhận cuộc sống của chúng tôi còn trở nên thư thái, dễ dàng, vô điều kiện hơn nữa, từ cái chết của Quách Thoại.

Thực vậy, cái chết của bạn có để lại một bài học. Đúng hơn, một nhận định. Camus nói: “Khi nào con người坦然 được trước mọi sự kiện của cuộc đời, hẳn tự do”. Khoảng xanh biếc bên kia tôi muốn tin là có chỉ trong giờ phút này nhớ tới Quách Thoại, Quách Thoại đã tự do và những bạn hữu anh còn ở lại không có lý do gì thương xuống cái giấc ngủ bình yên vĩnh viễn ấy sau một chuyến đi ngắn nhưng đầy đau thương, đầy mâu thuẫn, đầy gió bão là hình ảnh lạ lùng cuộc đời Quách Thoại.

Tôi nhìn các bạn tôi, tôi nhìn những người còn sống, trong tôi nổi lên một ý nghĩ so sánh. Tôi thấy thế này: cõi sống thực ra chẳng có quyền gì kiêu hãnh với cõi chết, những người còn sống chẳng có gì đáng kiêu hãnh hơn những người đã chết. Chúng tôi sống cũng

không có gì đáng kiêu hãnh hơn Quách Thoại chết. Trường hợp có thể còn trái lại nữa.

Từ ngày đến với nhau trên tờ Dân Chủ, Người Việt, và bây giờ tờ Sáng Tạo, cái tâm sự chung nhiều băn khoăn, nhiều đau khổ của bọn chúng tôi không giảm bớt, lại có phần tăng lên từ ngày Quách Thoại bỏ đi. Còn Quách Thoại, mất Quách Thoại, chúng tôi vẫn chưa làm được gì, chưa có gì, nếu không là cái tiêu cực của sự thành hình một ý thức càng chua xót, sâu đậm mãi về cái thân phận của con người trước những vấn đề xã hội, trước trạng thái phi lý của đời sống, cái hữu hạn của kiếp này.

Quách Thoại chết ném thêm vào cuộc đời chúng ta một bằng chứng cụ thể về cái thân phận chung ấy và người sống hãy cứ suy nghĩ hãy cứ giải quyết thân phận mình chứ đừng vội gửi lòng thương đến những người đã chết. Dù cái chết xảy đến trong một trường hợp thế nào. Huống hồ Quách Thoại chết không như một nhánh củi khô mục, một con sâu một

cái kiến. Văn học sử đã nhận anh vào cái lĩnh vực trường cửu của nó. Tôi không muốn xót thương Quách Thoại. Mà sự thực không bao giờ tôi nhớ tôi nghĩ đến Quách Thoại bằng một cảm giác xót thương. Quách Thoại không cần ai thương xót, ngày trước anh kéo lê thể xác bệnh hoạn đến gõ cửa đến nhờ vả từng người và bây giờ cũng vậy, khi anh đã nằm yên dưới mộ.

Anh đã sống, anh về được rồi. Buông xuôi hai tay, anh đã trả cả vốn lẫn lời cho những ai muốn đòi hỏi, bằng cuộc sống hoảng hốt gió bão của anh. Anh còn có thừa dư tình thương gửi cho những kẻ không sống gì trong cuộc sống nữa. Tôi muốn nói đến những con người hình nhân, những con người thùng rỗng, những con người giả tạo, những cái bóng người đến nay còn chê bai lối sống Quách Thoại, hoặc phô trương những xót thương kẻ cả về Quách Thoại. Thơ anh đã là tiếng nói lớn của tình thương bao la ấy, nó quý giá vì nó là tình thương của một kẻ nghèo nhất thế gian gửi cho những

người tưởng là giàu có nhất thế gian. Vì nó là tình thương của kẻ nằm dưới gầm cầu gửi cho người ngủ trên nhà chóc trời. Tại sao không? Tình thương không phải là một vật bỏ thí, một độc quyền, một sự nhìn xuống. Nó được định nghĩa theo tôi, như một sự thông cảm, cái ý thức chân thành của con người cùng thấu hiểu chung cái thân phận cuối cùng của con người, và ở điểm này, Quách Thoại đã là một bể châu ngọc, một Quách Thoại triệu phú.

Người đời không biết tưởng Quách Thoại xin, Quách Thoại nhận, kỳ thực Quách Thoại chỉ cho đi và các kho tàng tâm hồn ấy Quách Thoại đã cho đi, cho hết, cho đến nỗi anh phải chết vì sức mạnh của sự cho đi ấy. Tôi muốn hiểu cuộc đời, con người Quách Thoại như vậy, không phải để thần thánh hóa để bênh vực anh. Anh có nhận của ai là nhận những cái vô giá trị, anh cho đi là cho đi cái chỉ có một, cái hồn cái tủy, cái đáng giá ngàn vàng. Đó là sự cho đi của những chú láikhờ, của những người nghệ sĩ, nó kết đọng thành một nghiệp dĩ nghìn đời.

Mười hai người họp mặt ở phòng trai chùa Phước Hòa buổi trưa ngày 7 tháng 11 năm nay, tài năng có thể hơn Quách Thoại, sự nghiệp văn nghệ có thể vĩ đại hơn những bài thơ Quách Thoại để lại, nhưng chưa từng ai được sống cái cuộc đời nghệ sĩ ấy như Quách Thoại. Quách Thoại dám nhận sự thua thiệt, sự non yếu để được sống nghệ sĩ cho đến hơi thở cuối cùng. Cuộc sống ấy vèo đi. Tôi không thấy nó thâm trầm nữa mà nó rực rỡ như một ngọn lửa bùng. Nó vút đi như một cánh hạc. Nó đầy. Nó không ngày lại ngày. Nó mở hết tốc độ rồi đứng sững lại. Nó mang cái đẹp của một hình tượng, một xuất hiện. Những sức mạnh siêu hình và những quan niệm xã hội dưới đó con người khuất phục và tuân theo để kéo dài thêm một khoảng thời gian nữa của đời sống, không đụng chạm được tới Quách Thoại. Chết và sống Quách Thoại đều tự do nhất trong bọn chúng tôi.

Cuộc đời điêu đứng bệnh hoạn của anh không có những khoảng trống, cái lúc xế

chiều. Chỗ đó đủ cho những người còn sống hãy tự thương lấy mình và nếu cần, kiểm điểm lại lối sống, nó là một sức mạnh chứ không phải là một sự kéo dài. Thói quen của một nhà văn đôi khi thường làm tôi so sánh cuộc đời Quách Thoại với một bài thơ tự do, vần điệu giải phóng, ý tứ cô đọng, mỗi chữ mỗi dòng đựng chứa muôn vàn hình ảnh ý nghĩa trong khi chúng tôi còn loay hoay với những chương những mục lê thê và nhạt loãng là cuộc đời mình. Đời sống Quách Thoại thiếu về lượng, có phẩm, và như thế là đủ. Cho nên cái chết của Quách Thoại vẫn có cái ánh sáng chiếu rọi của một bài học về nhân sinh quan, sự cấu thành một thái độ sống. Đó là: cả cái chết vẫn hàm chứa một ý nghĩa sống động, nếu kẻ gặp nó, sớm muộn không thành vấn đề, đã sống hết sức mình. Sống mãnh liệt thì chết là một tiếng nổ lớn. Tôi nghe cái chết của Quách Thoại như một tiếng nổ lớn. Tiếng nó khiến tôi không bao giờ nhớ tới anh như một kỷ niệm một hình bóng thoáng. Mà như một vấn đề, một trường hợp.

Trường hợp Quách Thoại là trường hợp một người phải chết vì lối sống tự mình lựa chọn. Nghĩa là, tự tạo lấy định mệnh. Điểm này chính là cái tự do của Quách Thoại. Sống như Quách Thoại sống thì chết như Quách Thoại chết. Cái xã hội luân lý cái xã hội trật tự này không chứa đựng nổi những khối sống đầy ắp chất nổ như con người Quách Thoại. Cho nên tôi vẫn thấy cuộc đời Quách Thoại biểu tỏ một trạng thái chống đối. Quách Thoại không tự hủy diệt nhưng anh đã khởi một trận đánh vào những chỗ bất động của đời sống vây hãm anh, và ngã xuống. Hiểu theo nghĩa đó Quách Thoại không chỉ làm thơ, anh đã chiến đấu, anh đã thành đã đạt tới cuộc sống.

Nếu như trong lòng mỗi người sống có nắm mộ của người đã chết, tôi mượn một ý của Sacha Guitry, thì nắm mộ Quách Thoại vẫn có một bông hoa sự sống nở lên. Nó phơ phới nó ngạo nghễ như nụ cười, như cuộc đời Quách Thoại.

Mãi suy nghĩ tôi không biết có Hà Việt Phương đến. Theo sau là Thái Tuấn. Hà Việt Phương mặc âu phục. Thái Tuấn ngậm tẩu, vẫn cái tẩu lạnh. Chị Tuệ Mai rót thêm hai chén trà nữa. Có tác giả Thăng Kinh buổi họp mặt bắt đầu ồn ào. Tôi quên đi Quách Thoại, góp tiếng vào cuộc thảo luận về kịch trường sân khấu vừa được đặt ra, bởi một người bỗng nhắc tới sự thiếu mặt của Vũ Khắc Khoan.

Thanh Tâm Tuyên tuyên bố mê thích sáu câu vọng cổ và nói vọng cổ được đỡ bởi tiếng nhạc lục huyền cầm thì tuyệt hay. Người bạn thơ tự do lại mê thích vọng cổ. Tôi mỉm cười thích thú. Trần Thanh Hiệp đồng ý nhưng lại bênh vực cái âm thanh xa vắng, thần thánh của cây đàn nhị nếu được điều khiển bởi một bàn tay nhạc công lão luyện. Duy Thanh chêm vào: anh cũng thích vọng cổ, bằng chứng là sáu câu đã thuộc được hai. Mọi người cười ồ vì câu nói đùa. Rồi từ vọng cổ chuyển sang trình diễn thơ

mới. Hà Việt Phương nêu lên vấn đề làm thành truyền thống ngâm thơ, biểu diễn thơ Việt Nam bằng cách tạo thành một tổ chức ngâm thơ thường xuyên có đạo diễn có tập luyện như việc thực hiện một bản kịch. Tôi nhìn đồng hồ nghĩ thầm: cứ cái đà này kéo dài thì không phải là sáu câu mà là sáu nghìn câu vọng cổ. Nhưng Lý Hoàng Phong đã đến. Bỏ dở, cuộc thảo luận mọi người rời phòng trai lên chùa.

Lễ cầu siêu cho Quách Thoại bắt đầu. Những ngọn nến cháy trên bàn thờ Phật và trên linh vị thi sĩ. Vị sư trẻ tuổi mặc áo vàng ngồi xếp chân trước linh đài Quách Thoại giờ cao lá sớ đọc theo nhịp mõ tụng. Tôi lắng tai nhưng không hiểu gì. Lá sớ chữ Hán. Tôi chỉ nghe thoáng thấy hai chữ Đoàn Thoại (họ Đoàn là họ thực) rồi cháy bùng lên ngọn lửa đốt sớ. Những tàn than lả tả rụng xuống trong buổi trưa nắng. Từng người một, chúng tôi tiến vào trước ban thờ. Bạn hữu kẻ trước người sau đứng lễ Quách Thoại, cử chỉ nghiêm trang có pha một chút lúng túng. Duy Thanh hỏi nhỏ

Trần Thanh Hiệp: « lễ hay vái và mấy lần? »
Hỏi xong anh đứng chếch một phía lễ tới. Cái lễ nghiêng nghiêng. Có tiếng nói đùa: « đúng là lối lễ lập thể », và nhiều tiếng cười nhỏ. Tôi nhớ tới những ngày gặp nhau trong cái quán nước ám khói phía sau tòa báo Dân Chủ, trên một ngã tư đường Bô-Na hoặc trong ngõ hẻm Casino, chúng tôi chỉ quen bắt tay, cãi nhau, văng tục với Quách Thoại. Nào có ai nghĩ đến một ngày đứng trước vong hồn bạn, chấp tay và cúi đầu?

Lễ xong, mọi người đi giày lại và trở xuống phòng trai. Tôi đứng lại ngoài hiên nói chuyện với Lý Hoàng Phong. Chính lúc đó tôi nhận viết thay anh những dòng này về Quách Thoại. Anh thuật lại cho tôi nghe những ngày Quách Thoại ở chùa, Quách Thoại mặc áo nâu, Quách Thoại tụng kinh, Quách Thoại ăn cơm chay. Ra vào những cổng chùa, đến với Phật nhiều lần nhưng rồi lần nào Quách Thoại cũng bỏ dở mà về lại với những xúc cảm tục lụy. Nghe chuyện tôi càng nhìn thấy rõ thêm cái thực chất của

con người có một cuộc sống cực kỳ mâu thuẫn cực kỳ biến động là Quách Thoại. Tâm hồn hỗn loạn và hoang vu ấy, lúc như là một cái chợ, lúc như là một bãi sa mạc, lúc vươn tới những đỉnh siêu thoát, lúc ngụp lặn trong tật nguyên trong bệnh hoạn, phải chăng là cái hình ảnh đúng và thực của con người với bộ mặt thần thánh và bộ mặt thú vật của nó. Phải chăng là cái bản thể của con người vừa ý thức trọn vẹn được mình lại vừa không hiểu được mình, ngược đường sự sống, tìm kiếm không ngừng và bản khoản vĩnh viễn?

Mười lăm phút sau, chúng tôi đã ngồi trước ba mâm cỗ chay đặt cách nhau trên chiếc bàn chạy dài ở giữa phòng. Nhìn những món ăn thanh tịnh mà một bàn tay khéo léo đã chế biến rau củ đúng hệt như một mâm cỗ mặn, Thái Tuấn phát biểu một nhận xét nhỏ: “cỗ chay đánh lừa được mắt được miệng không đánh lừa được mũi người ăn ». Không khí nhà chùa chỉ có chị Tuệ Mal là quen thuộc hơn cả. Chị nói chuyện thân mật với vị sư nữ, đoạn quay lại

hỏi và tôi trả lời chị: « tôi ăn bữa cỗ chay này là bữa thứ nhì. Bữa đầu là ở chùa Quán Sứ ngoài Hà Nội ». Bàn bên kia Duy Thanh vọng sang: « tôi lần đầu ăn cỗ chay và lần đầu trông thấy anh Hà Việt Phương mặc tây ». Mọi người lại cười. Có thể nói, ngày giỗ Quách Thoại, Duy Thanh đã đóng trọn một vai kếp hề. Đến nửa bữa cái ghế trống ở đầu bàn thứ ba tôi tưởng như tình cờ dành cho Quách Thoại có thêm một Hồ Nam mặt đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại đến ngồi. Thế là vừa tròn. Chúng tôi ăn thật nhanh đứng dậy. Vừa nghe Lý Hoàng Phong nói mộ Quách Thoại ở một nghĩa địa Trung Hoa ngoài thành phố. Đường xa, đến nơi còn phải tìm mới thấy. Vì vậy phải đi sớm một chút để anh kịp giờ đến sở.

Một giờ trưa mọi người ra khỏi chùa. Chiếc xe cũ của tôi hôm nay chở vừa đủ một nửa số người, cộng thêm một vòng hoa. Khung kính nhỏ trước tay lái hắt trả lại những đầu ngọn lung lay theo nhịp xe như trước một trận gió đồng thổi lớn. Hồng đỏ và huệ trắng. Mùi thơm

phảng phất trong nắng thành phố. Tôi chợt nhớ đến hai câu trong một bài thơ của Thanh Tâm Tuyền:

Xin trao thi sĩ vòng hoa tặng

Chúng ta đã thắng giữa cuộc đời

Năm ngoái, ít lâu sau ngày Quách Thoại mất, tác giả Bếp Lửa nhắc đến những kỷ niệm chung sống của anh với Quách Thoại, đến bài thơ bảy chữ làm tặng Quách Thoại thời kỳ Quách Thoại đau nặng vào nằm trong bệnh viện bà phước ở Thị Nghè có tỏ ý ân hận là chưa từng có một vòng hoa thật nào tặng Quách Thoại lúc còn sống. Và câu thơ chỉ là đánh lừa bạn. Hôm nay đã có một vòng hoa. Nó đi theo chúng tôi lên mộ Quách Thoại. Lát nữa những bàn tay bạn hữu sẽ đặt nó lên một nắm đất, nó sẽ là cái mái thơm mát phủ xuống giấc ngủ nghìn đời của Quách Thoại. Để làm gì? Để làm gì nữa? Tôi nghĩ rằng vòng hoa ngày giỗ bạn dầu có đặt ngay ngắn trên cửa mộ, mỗi bông mỗi

cánh là một niềm chân thành, cũng vẫn chỉ là một vòng tròn màu sắc công thức.

Tôi lái xe đi qua thành phố với ý nghĩ cái vòng hoa đăng sau hòm xe vẫn chỉ là một sự đánh lừa bạn. Như hai câu thơ trên. Con người sống tự đánh lừa mình. Chúng ta đánh lừa nhau. Mà đánh lừa một cách hết sức thành thực. Tương quan giữa người với người, ngay trong lĩnh vực thăm thẳm nhất là tình bằng hữu, có cái chơi với, cái nhờ nhờ vả ngô nghĩnh vừa chua xót như vậy đó. Cho nên bài học Quách Thoại trước sau vẫn là sự duyệt lại một thái độ sống. Với mình. Với nhau. Ở cái chỗ dãi dẳng. Trường hợp, ý nghĩa sự cho và sự nhận. Bởi vì một hành động cao đẹp thường chỉ được biểu tỏ khi cái đối tượng của nó đã mất. Tính chất thực tiễn không còn mà chỉ còn lại một ý nghĩa phiến diện điển hình.

Buổi họp mặt, vòng hoa tang, tấm lá sớ, những ánh nến cháy, một cử chỉ tưởng niệm thành kính, cái cúi đầu chỉ là những biểu tỏ

điển hình, đề đánh lửa « một cách hết sức thành thực » những cái không phải, những thiếu sót, những lò lững tổng hợp thành cái tương quan giữa chúng tôi với Quách Thoại.

Ý nghĩa lễ kỷ niệm ngày bạn nằm xuống không vượt khỏi một sự sám hối thâm kín. Và vòng hoa đựng chứa mười hai cái hối hận cộng lại. Tôi đã nghĩ thế. Tôi mong Quách Thoại đã hiểu thế. Nếu cái chết làm cho con người lớn lên thì tâm hồn thi sĩ Quách Thoại bên kia chắc đã là một trời quảng đại và bao dung, một bể tha thứ, để từ dưới thước đất cái nhìn anh gửi cho bạn hữu còn ở trên này vẫn là nhìn xuống.

Tôi vừa đặt lại vị trí sự thực, tương quan Quách Thoại với chúng tôi. Suy diễn rộng đó cũng là cái tương quan chung giữa người và người. Con người vốn tốt vốn đẹp, không phải vì tính bản thiện nhưng vì là một động vật có ý thức phản tỉnh. Bộ mặt muông thú hung dữ lông lá ghê khiếp đến mấy cũng phải có lúc rụng xuống. Và bộ mặt thiên thần chói lòa hiển

hiện. Nhưng sự thực chưa xót vẫn là: trên cái xong xuôi của một đồ vỡ một thảm trạng nào đó bộ mặt thiên thần và ý thức phản tỉnh mới có. Hoa có tan tành mới ngót bão và mới có nắng lên. Nghĩa là chậm, là muộn. Thảm kịch khởi đầu bằng những chậm muộn định mệnh này. Nếu con người bớt sống lương tâm, sống tâm hồn nhiều hơn nữa, nếu những đăi đẳng, tinh thần và vật chất chúng tôi gửi cho Quách Thoại, thực tiễn hơn đúng lúc hơn thì làm gì có cái bảng đen trên ngày mùng 7 tháng 11, vòng hoa và cuộc viếng thăm mộ bạn. Thì Quách Thoại đã chưa mất.

Nhưng mà chúng tôi, đội trên đầu cái dấu hiệu bằng hữu, cũng đã thuộc vào thành phần của thế hệ này tôi muốn mệnh danh là thế hệ của sự thản nhiên ghê gớm. Hoa bằng hữu ít hoa thực, hoa giấy nhiều gấp bội. Người ta quay lưng vào nhau. Sự rời cách của những mặt phẳng. Những miệng ngọc câm và những da ngọc nín. Những mùa lạnh của cuộc sống kéo dài vì thiếu vắng ánh lửa người. Những bàn tay

thờ ơ. Những tâm sự đóng kín. Những khoảng cách biệt thăm thẳm. Những con người đi qua, những con người nhìn thẳng. Một thái độ sống đản đo ngờ vực. Những con mắt mèo đen nhìn lạnh lùng những con mắt mèo đen. Sự phản tỉnh muộn. Sự giác ngộ của người sống chỉ đến trên cái chết của một người.

Cho nên cái chết của Quách Thoại đã có tác động của một tiếng nổ lớn. Nó hàm chứa ý nghĩa một tử tiết. Như con người ngày nào trên cây thánh giá. Quách Thoại chết đã nói lớn với chúng tôi: tao chết cho chúng mày đặt lại cái tương quan sống với nhau, cho những miếng ngọc hết cầm cho những da ngọc hết lạnh. Cho mỗi người chúng mày còn lại không phải là mỗi số phận Quách Thoại.

* * *

Chúng tôi ngừng xe đợi nhau trước cửa trường đua Phú Thọ, Từ đây Lý Hoàng Phong dẫn đường. Lối đi ngoại ô công kênh xe cộ đủ

cỡ lớn nhỏ. Xe ngựa xe bộ xe thổ mộ. Nắng chói chang đổ xuống những bánh xe lọc cọc lần đi chậm chạp. Mọi người im lặng. Lối nhỏ phía tay phải đưa đến nghĩa trang mở vào một con đường hết sức thôn quê. Mặt đất lồi lõm đầy ngập sắc lá. Chúng tôi gặp một đám ma Trung Hoa ngừng lại một bên đường. Những người mã phu ngồi nghỉ dưới bóng rợp chiếc xe nhà táng cao ngất với những màu sắc xanh đỏ rực rỡ yên lặng ngó chúng tôi đi qua. Nhiều khoảng đất hoang, nhiều cánh cổng rêu nhiều cụm hoa dại nữa. Lại một con đường chỉ nhỏ bằng nửa con đường bỏ lại rồi đoàn xe ngừng lại ở một khoảng trống. Nghĩa địa trước mặt.

Nguyễn Sỹ Tế trao bao diêm cho Lý Hoàng Phong. Thanh Tâm Tuyên và Duy Thanh mỗi người một tay hạ vòng hoa xuống đất. Một bông hồng đứt rời rớt xuống bờ cỏ như một giọt máu. Không khí bình yên. Có tiếng chim hót trong một bụi cây. Nắng vẫn lớn. Cảnh tượng u tịch với những nắm mộ ngổn ngang không hàng lối, nắm cao nắm thấp ẩn ẩn hiện

hiện trong đám cỏ bông ngọn khiến tôi nhớ đến cảnh bài trí nghĩa địa một cuốn phim Tàu xem từ hồi nhỏ, người thiếu nữ chết oan khuất hiện hồn về đòi những kẻ sát nhân phải đền tội. Tôi nói nhận xét này với Doãn Quốc Sỹ. Phía trước mặt, Thanh Tâm Tuyền kêu mời tay, đã trao lại một bên vòng hoa. Lý Hoàng Phong đi đi lại lại, nhận phương hướng rồi lại đi nữa. Phải tìm mới thấy thật.

Quách Thoại nằm mãi tận phía trong cùng nghĩa địa, mộ chỉ là một tấm đá nhỏ mấy hàng khắc kín khắp mặt đá. Nét khắc lệch lạc vụng dại. Quách Thoại 27 tuổi nằm giữa hai người đã sống đủ tuổi người. Ông lão bên trái 64. Bà lão bên phải 72. Lý Hoàng Phong đốt lửa thắp hương cắm xuống cái lỗ nhỏ trước mộ chí. Những đợt khói gày nếp vào thành đá bay lên từ những thân hương rung rinh. Chị Tuệ Mai che lên đầu một tờ báo. Chúng tôi mỗi người đứng một chỗ cùng nhìn xuống chỗ Quách Thoại nằm. Yên lặng như thế một lát. Vẫn có tiếng chim hót trên một ngọn cây. Vòng hoa

tròn nằm im dưới nắng đứng bóng. Rồi Hà Việt Phương cất tiếng nói lớn: « Thôi ra cả đây lễ đi. Chúng mình lễ ông ấy bốn lễ, phải không nào? » Mọi người gật đầu đồng ý. Lễ xong lại lui cả vào bóng rợp của một cụm tre già. Chấm rút những nghi lễ đơn giản ngày giỗ bạn, Lý Hoàng Phong bằng một giọng ngập ngừng tỏ ý cảm ơn mọi người đã đến thăm mộ em anh. Anh nói: « Hôm nay chắc Thoại nó vui lắm ». Chúng tôi cúi đầu không nói gì. Mãi sau Duy Thanh mới trả lời: « Chính chúng tôi phải xin lỗi vì mãi một năm sau mới đến đây với Quách Thoại ». Những câu nói thừa nhưng cứ phải nói.

Ra khỏi nghĩa địa chúng tôi chia tay nhau sau khi tôi hẹn với Hà Việt Phương và Doãn Quốc Sỹ ngày mai sẽ đến đón các anh để cùng thay mặt cho tất cả đi viếng Cụ Hồ Biểu Chánh. Nắng vẫn lớn. Vẫn có tiếng chim hót trên một ngọn cây.

Những người làm văn học sử Việt Nam sau này sẽ nói gì về Quách Thoại? Tôi không lường đoán được. Có thể hàng nghìn trang sách. Có thể chỉ một vài dòng. Quách Thoại thuộc vào những trường hợp đặc biệt. Và giải phẫu, phân tích Quách Thoại không thể bằng con dao, cái kéo của một phương thức cổ điển. Với riêng tôi, trước cuộc sống Quách Thoại, trước cái chết Quách Thoại, hai sự kiện đã hoàn toàn kết liễu, có một vấn đề chung vừa được đặt ra. Đúng hơn, vừa được đặt lại, vì nó vẫn có. Đó là con người và Thượng Đế. Những thời kỳ khủng hoảng tinh thần Quách Thoại để tìm gặp chân lý và sự giải thoát trong thế giới tôn giáo. Anh đã thất bại khiến tôi càng thấy rằng kẻ có thẩm quyền lên tiếng phán xét cuối cùng về Quách Thoại, vẫn chỉ là Quách Thoại.

Người chết làm chắc vững thêm trong tôi cái quan niệm mỗi con người đã là một Thượng Đế của chính mình, cho chính mình. Bởi vì mỗi con người đã là một ý thức một giác ngộ. Nó tạo lấy thế giới nó, chọn lấy định mệnh. Nó

dành quyền tự phán xét. Thượng Đế của Quách Thoại chính là con người Quách Thoại cao lớn trong đau khổ, làm chủ những tư tưởng thần thánh trong khi sống khổ nạn không hơn gì một kẻ ăn mày.

Ngày giỗ đầu cái chết của bạn, mặc dầu sự nhớ tiếc bằng hữu, mặc dầu cái tuổi 27 của bạn, tôi sống một cảm giác yên tâm, tôi nhìn một hình ảnh trọn vẹn, tôi lĩnh hội một ấn tượng vũ trụ. Quách Thoại về không phải cúi đầu trước một đấng tối cao nào để tôi thấy cần phải tìm cho anh một sự tiếp diễn trong cái thế giới bên kia. Quách Thoại chết (07/11/1957 - ngày 16 tháng 9 năm Đinh Dậu) và Thượng Đế của anh cũng đã chết theo. Mỗi người chúng tôi cũng sẽ như thế.

Saigon, 28/10/1958

(16 tháng 9 năm Mậu Tuất)

MAI THẢO

THẾ GIỚI QUÁCH THOẠI

TRẦN THANH HIỆP

QUÁCH THOẠI chết đã được một năm.

Quách Thoại đã có một năm để được người ta nhắc nhở tới. Bởi vì trước một năm đó Quách Thoại đã bị bỏ quên trong cái thân phận một thi sĩ vừa nghèo túng lại vừa đau ốm. Cho đến cái ngày Quách Thoại chết trong một hình ảnh rất khốn nạn như đã có lần chính Quách Thoại đoàn trước: chết trần truồng không cơm áo. Cái chết ấy đối với Quách Thoại dù sao cũng là một giải thoát. Có lúc chúng tôi — một số bạn thân của Thoại — ước mong Thoại chết. Vì sao? Thanh Tâm Tuyền đã giải thích: sự tàn ác của những lòng thương bất lực.

Nhân ngày giỗ đầu Thoại, tôi muốn nói ít nhiều về người bạn quá cố ấy. Nhưng tôi sẽ không nói về cái chết của Thoại sợ bị hiểu lầm rằng tôi muốn đòi hỏi cho Thoại lòng thương xót, điều mà Thoại không bao giờ mong đợi: *Những người chết đi là chết đi.*

Tôi cũng không nói về cái chết của Thoại dù cái chết ấy là chứng tích của một giai đoạn và của một thế hệ:

Có những người đã hát

Những khúc hát hùng ca

Những lực lượng ô ạt

Đang xây những thành núi cửa nhà

Những buổi chiều bao la

Mà hy vọng chói lòa

Tôi úp mặt khóc òa ...

Tôi muốn bàn về thơ của Thoại. Những bài thơ Thoại đã làm thật nhiều, nhỏ lệ trong đêm thâu, những bài thơ của mê say, sau khi

nhà cháy và đời trắng hai tay. Những bài thơ chưa được may mắn xuất bản thành tập, đó chỉ là một tập nhỏ. Sự thiệt thòi ấy chúng tôi đã nhiều lần dự tính tìm cách đền bù cho Thoại nhưng chẳng bao giờ được như ý.

Nhưng thơ của Thoại đã có mặt và tiếng nói của Thoại đã vọng lên. Tôi muốn nhắc tới một Quách Thoại không như một người xấu số bạc mệnh mà như một tác giả của một thế giới riêng biệt — Thế Giới Quách Thoại ... trong vũ trụ của các nhà thơ Việt Nam.

Trước đây, thương tiếc Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền đã mượn chủ quan của một người bạn Thoại nói rằng cái chết của Thoại là một cái tang lớn cho văn học trong mười năm trở lại đây.

Theo tôi để tới kết luận ấy không cần phải nhờ đến chủ quan của một người bạn.

Người làm nghệ thuật chân chính nào cũng mang trong mình một thế giới. Thế giới

ấy vừa là đối tượng nhằm đạt tới lại vừa là chủ quan của người làm nghệ thuật. Giữa nó và thực tại bao giờ cũng có sự khác biệt. Có khi vì thực tại được tô điểm thêm bằng một thứ nghệ thuật thỏa hiệp. Có khi lại là một thế giới tân tạo không liên lạc gì với thực tại bởi nó là nơi giải thoát của những nhà nghệ thuật vô trách nhiệm. Có khi là một thực tại đã bị mỗ xẻ, đập phá của thứ nghệ thuật chống đối, nổi loạn. Nhưng đã sao, nghệ thuật lúc nào cũng thường mang tính chất của một sự phản kháng lớn lao, bị đát và trường cửu để phản kháng lại định mệnh.

Rằng hay thì thực là hay.

Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.

Một điều ai cũng nhìn nhận là thơ Quách Thoại rất buồn, ngay cả những khi Quách Thoại vui mừng ca hát:

Thế hệ mới mắt sáng ngời tin tưởng

Ta đứng chết bên gốc đường

Một phút lòng say chiêm ngưỡng

Nhưng trong thơ Việt Nam không phải chỉ có riêng thơ Quách Thoại buồn mà thôi. Chúng ta chưa quên cái buồn của thơ Huy Cận ngày hôm qua còn tràn ngập khắp vũ trụ, tan biến vào lòng người, run lên những tiếng than vãn thê lương. Nỗi buồn ấy không của riêng Huy Cận hay của ai mà chỉ là cái ngăn ngor của những thứ gì vắng thiếu hay mất đi thương nhớ một thứ quê hương không xác định.

Người ta cũng có thể nói trong thơ Quách. Thoại thấy phảng phất thơ Hàn Mặc Tử và người ta sẽ dễ dàng đặt hai người vào một cảnh ngộ (bị xã hội bỏ quên) để rồi tìm một cách giải thích chung cho thơ hai người. Tôi thấy cái buồn của Quách Thoại có một bản sắc riêng và bởi thế thơ Quách Thoại đã dành cho Quách Thoại một chỗ đứng riêng biệt Quách Thoại không là một Huy Cận hay một Hàn Mặc Tử thời hậu chiến Trước hết bởi vì Quách Thoại đã đi trên những buổi chiều:

*Vì tiếng súng cối xay
Đêm sắp tới rồi
Người ta đang giết nhau quá mê say
... Những buổi chiều lỗi lầm
Mà nước Việt tôi
Ôi thôi
Phải chịu lạng càm*

Và cũng vẫn trên những buổi chiều ấy, tưởng chừng như những buổi chiều tận thế, Quách Thoại than khóc một loài người trần trướng không Thượng Đế. Kể lại những chuyện thật:

*Ôi! Em bé mồ côi
... Mẹ nó chết rồi
... Cũng vừa lúc đó
Lũ người già òn đing
Đến nhìn em nhỏ
Nói nhau rất rõ
Thằng bé nó cười*

Bắn nó chết tươi.

Và một hôm tự nhiên trong chùa người ta giết nhà sư lớn rồi “chúng ta chôn bây cùng một lỗ”. Hay là một lũ người tự xưng là cùng đinh, đem bắt trói tôi vào cột đình vì người ta gọi tôi là địa chủ. Cũng vẫn lũ người ấy một buổi chiều ở ngoài đồng đã lấp đất chôn một người vẫn còn sống. Cũng vẫn ở ngoài đồng bên một gốc đa, cùng vẫn một buổi chiều, một thầy ma nằm chết trần truồng, cổ họng bị bắn toạc, một bà già có con trai, cháu trai toàn dòng họ Việt Nam cả...

Thơ Quách Thoại buồn vì cần phải mô tả thảm cảnh ấy, vì là tiếng nói của thảm kịch thời đại đang dày vò đau đớn nước Việt Nam.

Tôi không muốn nói rằng thực tại ấy chỉ có riêng với Quách Thoại. Việt Nam từ hơn mười năm nay đã viết cho mình những trang sử mới, một sự thay đổi thật lớn lao đã diễn ra. Người ta bắt gặp những kích thích mới, ngày

ngắt chiều cao mới, chìm xuống chiều sâu mới, thân thang chiều rộng mới. Tất cả đều biến hình. Nghệ thuật của chúng ta — là ... trong trường hợp này tôi nói riêng về thơ — được tiếp nhận một sức sống mới nên cũng đột biến. Những nhà thơ, địa vị tưởng đã yên ổn trong làng thơ, cũng vội vàng rung lên tiếng mới. Thời đại mở ra một chân trời rực rỡ màu sắc lạ. Không ai chỉ muốn nỉ non kể lể tâm tình mà muốn thét lên những tiếng lớn: người ta mượn tiếng gầm của đại bác, tiếng hô xung phong phá đồn, tiếng kèn đồng xuất trận. Thơ Việt Nam từ mười năm nay đã trở thành một tiếng nói chung của một dân tộc ào ào chuyển mình.

Cũng như nhiều nhà thơ đương thời. Quách Thoại đã mặc cho thơ mình những bộ áo mới. Nhưng Quách Thoại không bắc loa tuyên truyền, không thuyết lý. Quách Thoại đã làm thơ. Và không làm cho riêng mình. Việc đời đã chạy đến đọng ở con người bệnh tật ấy, nhưng rất ham sống và sống hết mực. Để rồi mở thêm cửa ngõ đón chúng ta vào đất lạ. Quách Thoại

đã khai phá, đắp thành những con đường có hoa lá cũ nhưng ở toàn thì vẫn phô bày một chút gì mới lạ dẫn chúng ta đi về với Quách Thoại, nhưng kỳ thật là về với con người chung của những con người thời đại. Sự khác biệt giữa Quách Thoại với các nhà thơ đương thời là ở đó. Người ta đã mượn thực tại để hút thêm hơi thở, để được tiếp máu, người ta đã phóng mình lớn cho bằng thực tại. Ngược lại, Quách Thoại đã thu gọn thực tại vào trong lòng mình:

Hồi linh hồn ta

Chập chờn xao xuyên lửa

Bởi hôm nay ta vừa gặp ta

... Tâm linh bỗng nhiên thành vũ trụ vô lường

... Nhân loại đi về trong chốn ta

Mất mát gì đâu nơi vô cùng chân ngã

Ta nghe kết thành

Âm thanh bao nhiêu thế giới kỳ lạ giữa sâu xa

Thế giới ấy chính là cảnh giới mà Quách Thoại âu yếm. Tất cả đã trút bỏ hình hài, siêu

thoát thành những bản hợp tấu, chỉ còn âm thanh và màu sắc: đâu biết màu xanh, ấy chính âm thanh. Đọc thơ Quách Thoại, chúng ta nhìn qua những hàng chữ, nghe qua những lao xao của tiếng nói, một bao la yên tĩnh. Phải rồi, giá mà Quách Thoại đã chấp cho mình một đôi cánh và bay bổng thật xa, phảng phất chốn trăng sao, thì người thơ ấy đã lạc vào nơi bất sinh bất diệt. Một buổi sáng Quách Thoại nhìn ra cuộc đời:

Ta nghe gió thổi ạt ào

Những người đi

Và tiếng nói lao xao

Những chân bước

Cùng đất cười huyền ảo

Nắng chảy dội tuôn trào

Ta bỗng thấy

Những ngàn xanh

Trong cặp mắt trong xanh

Dạt dào sóng vô đại dương xanh

Và một buổi chiều:

Những chiều đi không nói năng

Hỡi cuộc đời

Hỡi bình minh ánh nắng

Ôi mệnh mang biển không gian

Quách Thoại đưa chúng ta tới xứ sở của chàng. Xứ sở chứa đựng cả chủ quan lẫn đối tượng. Đường đi không quanh co. Ta chẳng phải cần có thái độ những tín đồ ngoan đạo, hay lòng thâm tín một huyền bí. Bỗng nhiên, chúng ta được đặt vào giữa những âm thanh màu sắc mệnh mang xa thẳm. Có lẽ bởi vì chính Quách Thoại đã thấy chân lý ấy vì đã mang nó trong mình mà chẳng cần phải ngơ ngác tìm kiếm hay chỉ trở huyền thuyên. Quách Thoại đã đưa tay lên và nắm lấy thiên đường.

Ai cũng biết rằng Quách Thoại đau ốm. Cái thân xác ấy luôn luôn vật vờ trên giường bệnh. Mà lại là những giường bệnh xiêu vẹo dưới căn nhà lụp xụp miền ngoại ô — căn nhà sau một

đêm bỗng cháy trụi — hay là giường bệnh ở một nhà thương thí. Nhưng thơ Quách Thoại chẳng bao giờ cho chúng ta nghe thấy tiếng rên la của bệnh nhân Quách Thoại. Chính ở ngay thiên đường của mình mà Quách Thoại đã úp mặt khóc nức nở. Bởi Quách Thoại còn nặng nợ với chúng ta, Quách Thoại còn muốn nhìn sâu hun hút lòng người. Ở mãi tận trong ấy (hay dưới ấy) có gì?

Đêm sắp tới rồi

Người ta đang giết nhau quá mê say

... Và đồng bào tôi

Đang giết nhau

Những thảm cảnh giết nhau ấy Quách Thoại đã không nhìn từ thiên đường, mà đã nhìn thật gần và rất thật: Những lính mang giày đinh bắn chết tươi em bé đang cười vừa mồ côi mẹ được hai ngày. . . Quách Thoại đã kể rành mạch không thêm bớt, không cảm hờn hay ghê khiếp. Để chỉ nói một sự thật trống trơn. Chưa hết. Còn nhiều đau thương, đường

vô kể để Quách Thoại phải kêu lên:

Liệu loài người sẽ quyết định chi đây?

Đêm đã đến, chiều nhân gian hấp hối.

và Quách Thoại tưởng chừng như nghe réo gọi một chiều tận thế, rùng mình cho cái phút lâm chung của loài người trần trướng không Thượng Đế.

Thì ra thiên đường của Quách Thoại lại chính là một sân khấu trên đó đang khởi diễn thảm kịch nhân loại mà Quách Thoại muốn nhận hết thảm kịch ấy như một thảm kịch riêng tư. Quách Thoại đã sống con người muôn thừa vì tội lỗi của chính nó mà vì cả thần thánh trong nó.

Chúng ta tưởng chừng như Quách Thoại muốn réo lên như tiếng kêu đoạn trường:

Ta úp mặt mình ta khóc nức nở

Cả loài người đang gục đầu than thở!

*. . . Cuồng phong! Cuồng phong! Sóng dậy
buồm chìm*

Lạc loài kêu xơ xác một đàn chim

*Ai hoi hóp đang bùng bằng giữa bể . . .
... Vì thương yêu ta xót xa than thở
Tình thì nhân, lòng thủ thi lệ mờ
Cảm hồn đau ta viết vội thành thơ
Ta úp mặt mình ta khóc nức nở*

Giả thử Quách Thoại làm thơ lục bát có lẽ Quách Thoại có thể cho chúng ta nghe thơ Nguyễn Du. Tác giả truyện Kiều cũng chứa chất một thứ thương xót ấy, có điều khác với trường hợp Quách Thoại chưa được cá nhân hóa qua một Thúy Kiều.

Quách Thoại không nghi ngờ gì nữa rồi. Loài người (và đặc biệt là thời đại Quách Thoại) đã đau khổ quá rồi. Cuộc đời như một thể xác của thân mỗ xẻ. Khao khát ánh sáng đến vô cùng. Nên Quách Thoại quỳ xuống:

*Mẹ đời ơi! Hồn xác đã bơ phờ
Ta sẽ đến dâng trọn mình tôi tớ
Đẩy xe đời qua hết nẻo hoang sơ*

Ta xót xa nhìn thế kỷ mong chờ

Đời nhân loại trong mùa xuân sắp nở

Thơ Quách Thoại buồn vì Quách Thoại đau khổ thay cho loài người. Nhưng sự đau khổ ấy không du đến tuyệt vọng và đã ươm mầm hy vọng.

Không! Không! tôi vẫn còn trông ngóng

Chúng ta đã thấy Quách Thoại cầu khẩn. Quách Thoại muốn rời mắt khỏi sâu thẳm khổ não ấy nhìn lên đối điểm của nó, Quách Thoại kêu gọi Chúa Trời và van xin cho mình một lòng tin rằng Thượng Đế mãi mãi vẫn là huyền bí. Quách Thoại còn muốn hy vọng và tin tưởng ở hy vọng ấy. Vì Quách Thoại mang nặng một lòng thương, vì thiên đường của mình chính là lòng thương để tưởng như “đời không có gì là chua cay, không kể gì mình bệnh hoạn khổ sở như kẻ ăn mày”. Lòng thương ấy, tha thứ cho xã hội đã bỏ quên mình, Quách Thoại đã dùng để trấn áp những đau khổ vật chất của

một cuộc đời tĩnh vật. Lòng thương ấy, Quách Thoại có thể làm tất cả để tìm thấy:

Loài người ơi! Ta chấp cả hai tay

Đầu cúi lạy ta nguyện cầu nhân nhỏ

Vì khổ đau! Ta phải cần xin xỏ

Chút tình thương, buộc chặt giữa người người

Vì cuộc đời thiếu tình thương:

Chúng ta phải tạo tình thương

Thành những quả bom

Những quả bom không nổ mà trong đó

Tình thương nổ

Tình thương tàn phá những đau khổ

Tình thương xây dựng những thành phố

Tình thương sẽ thành cơ cứu khổ

Bởi hãy còn thương xót nên Quách Thoại còn đứng lại giữa cuộc đời với chúng ta nghe cuộc đời đi:

Bởi quá vui nên hét lớn ta cười

Giờ cách mạng hôm nay vừa khởi điểm

Ta nhìn lên trời tự do hiển hiện

Đường tương lai gió thổi lá cờ bay

Ôi! Lá cờ dân chủ mến thương thay

Qua thế kỷ lắm than giờ mới thấy

Ta sùng kính trời ơi! là biết mấy.

Suốt trăm năm nô lệ cúi đầu đi

*. . . Ngát màu xanh xanh thắm của yêu
thương*

Ta bước tới nắng tương lai đầy ứ

Phố lớn cười, đại lộ hát nghênh ngang

Xã hội đi về, vũ trụ rộn ràng

Nhà mới dựng, gỗ ngói còn thơm lẫm

Ai mới kẻ chữ Việt Nam tươi thắm

Quách Thoại ôm lấy sự sống, yêu đời, dù tâm hồn mình than khóc và nhìn thấy cái chết đến sát gót. Giọng hát ấy quyến rũ, không là những lời tự kỷ ám thị gượng gạo. Quách Thoại thương chúng ta, muốn chúng ta tin ở sự sống.

Chính ở lòng thương ấy mà thơ Quách Thoại buồn và buồn một cách khác với thơ Huy Cận hay thơ Hàn Mặc Tử. Huy Cận là những rung động của vũ trụ hòa với lòng người; Hàn Mặc Tử là những cái vật vã của đau khổ. Quách Thoại chính là lòng người.

Khi chúng ta nói thơ Quách Thoại là một thế giới riêng biệt — Thế giới Quách Thoại — chúng ta có thể liên tưởng tới một thứ Vô Hạn đối với chúng ta mà hình như Quách Thoại đã đạt tới hai cực điểm. Nhưng Quách Thoại muốn mãi mãi là chúng ta nên chơi vơi ở giữa:

Lòng hữu hạn thương đời vô hạn

Tôi hiểu vì sao Thanh Tâm Tuyền đã nhận rằng thế giới Quách Thoại vây lấy chúng ta. Nhưng bây giờ thì Quách Thoại không có mặt với chúng ta. Một ngày, Quách Thoại đã không còn là chúng ta nữa, như đã tự hẹn trước: Ta ôm mộng ảo nhập vô cùng.

Giữa chúng ta và Quách Thoại chỉ còn có thơ.

* * *

Trên kia tôi đã nói không cần phải là bạn cũng có thể nhận thấy cái chết của Quách Thoại là một cái tang lớn cho văn học của chúng ta từ mười năm trở lại đây. Tôi không thiên vị. Thơ Việt Nam từ hơn mười năm nay đã chuyển mình và hóa thân. Tất cả mọi người thơ — dù đã hay chưa có địa vị — đều bắt đầu đi từ một khởi điểm: cách mạng. Đường thơ chắc còn dài và cũng chưa đi được bao xa. Nhưng các ngành đã xuất hiện. Trong thơ hiện đại đã thấy có mặt thêm những mặt vụ, những cán bộ, những đao phủ. Những người thơ tên tuổi đã mang cả quá khứ của mình để nhúng thơ vào máu. Tôi vẫn thấy cần phải dành sự ca ngợi đối với Quách Thoại, người đã mang trong mình trọn vẹn sự chuyển mình đang thành hình ấy của thơ Việt Nam, từ hình ảnh, tư tưởng cho tới nhạc điệu. Quách Thoại là một cái gạch nối, kết liền chúng

tôi với dĩ vãng. Nhưng không phải là tôi quá quyết rằng Quách Thoại đã thành công. Quách Thoại còn chở theo mình nhiều quá khứ tuy đã phóng được mình lên đoạn đường mới tương lai.

Thơ Quách Thoại đang thành mới.

Nhưng Quách Thoại đã chết nửa chừng, chưa đầy ba mươi. Cho nên sự im lặng của tiếng thơ ấy thiệt thòi nhiều cho văn học, cho nghệ thuật hiện nay của chúng ta. Điều ấy, không ai chối cãi được, dù chẳng phải là bạn của Quách Thoại.

Ngày giỗ đầu Quách Thoại

TRẦN THANH HIỆP

Ở LẠI

Ghi ngày giỗ đầu Q.T

*Nghe tin anh vừa chết
Buổi chiều đầy hoang liêu
Ngày mai tôi phát vãng
Thương nhớ nhau còn nhiều
Anh đi ôi cô độc
Trần gian vắng quá rồi
Buồn đau nên tôi khóc
Mưa rơi và lệ rơi
Cùng tham gia lịch sử
Chiều nay thiếu một người
Cùng mơ làm thi sĩ
Mỗi kẻ một phương trời
Không nghĩ mình gạch ngói*

*Tôi thấy buồn xa xôi
Cúi đầu đi đau đớn
Anh ời thiếu nhiều rồi
Người lữ hành có độc
Là anh hay là tôi
Trùng dương mệnh mộng sóng
Ôi cô liêu cuộc đời
Đón đau nhiều quá làm
Đêm tối sắp đến nơi
Tôi khóc và im lặng
Nhớ nhau có thể thôi
Gác xưa còn ai nữa
Hai đứa hai phương trời
Chia nhau thay lịch sử
Vắng anh nhiều mây trôi*

VƯƠNG TÂN

BÀI THƠ HOANG

người ơi đi gần lại
 mà sao buồn xa xôi
 xin đừng lên tiếng nói
 cho tôi còn gặp tôi
 và hé chút cửa ngoài
 tôi tự làm khán giả
 ca ngợi tôi một mình
 sân khấu buồn mông mênh
 căn phòng như biển lớn
 bàn ghế kể chuyện mình
 thủy triều dâng cuộn cuộn
 điệu thuốc đầu tiên chẳng?
 mọi người là chủ nhật
 riêng tôi là thứ hai
 hoàng hôn to lớn mãi

*tôi nhìn không ra tôi
đêm bắt đầu trở lại
một ngày đi qua nhanh
ngọn đèn không thấy nói
tôi hoàn toàn cô đơn.*

NGỌC DŨNG

TÌM EM

*Anh mới sống hơn
Một phần năm cuộc đời
Mặn nồng pha cay đắng
Biết bao là vị mùi!
Dù nghẹn ngào mỗi lần nhớ về dĩ vãng
Mặc đoạn đường vừa trải qua
Anh vẫn yêu đời yêu em thiết tha
Tai luôn nghe câu hẹn câu hò
Mắt không hề rời bỏ tương lai
Anh cố bước trên đường về nhà em
Hai hàng cây lấm lem bóng tối
Chim chóc nín thở chào e ngại
Chân trời mịt mù, sa mù rơi
Sau lũy tre già còn vắng lại
Tiếng tù và đưa trâu về chuồng*

*Anh cố bước cho kịp ngày mai.
Ngước mắt nhìn xa xôi
Dãy Trường sơn chập chùng
Thông đứng buồn chơi vơi
Nuôi giấc ngủ trưa thung lũng lạnh lùng
Mây Hải Vân gió lúa thoăn thoắt
Nắng đỉnh núi chói lòa
Anh đưa tay che mặt
Anh leo đồi cao chất ngất
Ánh tà dương cúi xuống một bên
Anh sang đèo ngang bóng khuất
Em có nhìn ra anh, hỡi em?
Anh rẽ về phương nam
Đồng Nai trắng khuya lấp lánh
Mấy tàu dừa cười ngả ngón ven sông
Lặn lội khắp cả miền đông
Xanh rừng cao su hồng hào đất đỏ
Nhà ai mở ngõ đón hương đêm
Bóng Hằng nga (sao không phải bóng em?)*

Soi gương ao hồ yên lặng
Anh dẫn bước vào vùng quê nước mặn
Tìm một lối về với em, em ơi!
Xuồng con trôi lững lờ trên sông vắng
Gió Hậu giang trầm mặc rồi xa xôi
Lá thắm ngược dòng
Anh không đợi nước xuôi.
Đêm đêm ngửa mặt lên trời
Tìm em giữa biển sao
Người lảng giềng bảo: đừng rồ dại!
Anh đang đi trên bãi cát trắng phau
Sao lại tìm hạt thóc nhỏ nhoi.
Thông cảm nhau không cần nói
Gió nồm ngàn xưa thầm mong mỗi
Đưa anh về nơi đâu
Nhà em đèn le lói
Trạm nào
Hành tinh nào anh sẽ tới
Chuyến tàu dừng lại giữa không gian

*Anh biết trước từ lâu em đứng đợi
Suối tóc mây buông rủ xuống côi trần
Phải chăng em, hào quang soi đêm tối?
Anh ngại gì không làm kiếp thiêu thân?
Bao giờ còi tàu mến yêu réo gọi
Tay chưa bắt, lời chưa nói
Tìm nhau bốn mắt sáng ngời hân hoan.
Nhà em chưa tới, anh đi chưa hết
Quảng đường dài vạn triệu dặm xa
Mùa xuân chưa nở, anh chưa chết
Dù tóc bạc, dù thân thể héo khô
Tết xưa xa xứ quên trừ tịch
Lỡ chuyến tàu xuân nhớ đuổi theo
Chuỗi ngày thơ ấu trời biên biệt
Ta quyết tìm nhau cho mến yêu
Rồi mai anh chết, em thương tiếc
Đêm nằm mơ em gọi mãi tên
Nhà em xuân đến gieo hương sắc
Bướm lượn cành hoa đẹp mắt em*

Mùa yêu chim chóc vui ca hát
Suối nhạc, đồi thơ, trăng thiếu niên
Đường đi tìm nhau
Nhớ mùa thu trút lá vàng
Giao mùa đông gieo gió bắc
Mặt gian lao mưa rào nắng gắt
Lệ ngâu dầm dề suốt tháng bảy buồn tênh
Anh về đây, anh nhớ hay quên?
Phải chăng vì thế, hỡi em?
Phải chăng vì thế cho nên
Anh còn đi tới
Anh không đợi sớm mai lên
Anh không buồn thương tiếc
Anh vượt bỏ thửa hoa niên
Anh gào anh hét
Anh gọi suốt đêm
Như đôi chim côi lạc đường xa nhau
Kêu thất thanh hơn người điên
Như sông Cửu Long ạt ào

*Dội thấu chín tầng mây chưa em?
Giữa rừng hoang cành lá rì rào
Mãi đánh thức hồn ai
Hồn anh hay hồn chim?
Giữa mùa hoa tươi thắm nắng đào
Thấy lay động
Bàn tay em
Hay lá xuân xanh?
Nghe đàn chim ngũ sắc líu lo gọi nhau
Như nhắc nhở
Tình yêu em
Sống mãi trong trái tim anh.*

HOÀNG BẢO VIỆT

TẠP LUẬN

NGUYỄN SỸ TẾ

TRong khi nghiên cứu văn chương nước nhà và đối chiếu với ngôn ngữ, cử chỉ của người Việt, tôi thấy có một điều hơi lạ. Lạ ở chỗ điều đó dễ đánh lừa nhiều người ngoại quốc. Lạ hơn nữa nó còn làm cho hơn một nhà bình luận văn chương trong nước cũng nhầm lẫn nốt.

Trước hết, xin lấy mấy thí dụ về văn chương ngôn ngữ:

— Đọc câu: “Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều”, có người vội cho rằng Nguyễn Du đã phá thuyết thiên mệnh của Nho giáo và như vậy ông là một chiến sĩ của tự do. Có biết đâu

rằng đặt trong khuôn khổ tư tưởng của Đoàn Trường Tân Thanh, câu thơ trên chỉ là một lối giải thích rộng rãi thông thường về thuyết thiên mệnh theo đó thì khi trời xếp đặt công việc của nhân gian là không võ đoán, là theo những luật tác bất di bất dịch, là vẫn chiểu chi ngôn ngữ, cử chỉ, hành động của con người. Và khi ấy câu thơ chuyển nghĩa thành: muốn thắng thiên chỉ còn một lối là thuận ư kỳ thiên.

— Trong bài “Không chồng mà chữa” Hồ Xuân Hương viết: “Những kẻ không mà có mới ngoan!” Một bình luận gia không ngại ngần kết luận: Hồ nữ sĩ là một nhà cách mạng chủ trương lật đổ tổ chức gia đình, theo hỗn loạn chủ nghĩa, tự do sinh sản . . . Làm như với câu thơ trên, Hồ Xuân Hương tuyên nhận một chân lý mà bà tin tưởng không bằng! Có biết đâu rằng, đặt trong khuôn khổ của lối thơ Hồ Xuân Hương, của ngôn ngữ Việt Nam, câu đó không có nghĩa ghê gớm đến thế. Chẳng cần phải giải thì ai cũng thấy rằng đó chỉ là một thái độ phản ứng, phản ứng lại cái bất công

(mặc dầu bất công đó có phần có lý của nó) trong việc người đòi đối xử với hạng gái chửa hoang, bất công đến cái mực cực đoan cần phải phản ứng, khi mà bà biết rằng cái trách nhiệm chính yếu là về phía người đàn ông mà trước người đó đại đa số đàn bà chỉ có cái đặc tính nhẹ nhàng dễ dãi, cả nể... để xử sự. Có thể nói rằng cả giận thì bà nổi khùng, nhưng rồi cơn giận qua, nghĩ cũng không cần phải rút lại lời nói đó, cái phát khùng cũng có lúc đáng yêu và có giá trị rung cảm nghệ thuật của nó. Vả lại, câu nói của Hồ Xuân Hương thì có khác chỉ câu ca dao:

Không chồng mà chửa mới ngoan,

Có chồng mà chửa thế gian đã nhiều.

— Dựa vào câu:

Ước gì đi học làm ông phán,

Sớm rượu sâm-banh tối sữa bò!

có người đã nhận xét: Trần Tế Xương chỉ là một nhà nho mất lý tưởng, một người vô luân lý, quên nhục vong quốc, bán rẻ linh hồn cho thực dân; nụ cười của ông chỉ là một nụ cười bức dọc, hậm hực chẳng đáng tán thưởng trong văn học Việt Nam. Trong một bài khảo luận về Trần Tế Xương, tôi đã có dịp nhắc nhở tới tấn thảm kịch của nhà thi sĩ tài hoa son trẻ của non Côi sông Vị. Ở đây chỉ xin lưu ý hai câu thơ trên cũng chỉ thuộc về một lối nói thông thường của dân Việt Nam mà thôi. Chúng ta không nên hiểu theo ý nghĩa của một ước mơ tha thiết, hay của một quyết định nội tại. Chỉ cần giả dụ rằng: Nếu thời ấy người Pháp có đem bơ sữa đến để dụ ông, liệu ông có dám nhận hay lại “co giò” chạy sớm? Thành ra câu nói có nghĩa là một lời dọa nạt hơn là một chân lý tuyên nhận.

— Cũng như khi nghe câu hát:

Hôm qua đi chợ Cầu Cần,

Thấy ba ông Bụt cỡi trâu nấu cơm.

*Ông thì sôi sôi đờm đờm,
Ông thì tú hụ nổi cơm đang vẩn.*

chúng ta không thể như một khách ngoại quốc bảo rằng người Việt Nam là một dân tộc hỗn xược, vô thần, vô tôn giáo. Xa thế lắm! Câu hát không hề có ý chống tôn giáo, mà trái lại chỉ là sự biểu hiện lạ kỳ của một lòng kính mến Trời Phật. Trong yêu thương ai chẳng đã từng đùa cợt với thần tượng của mình? Đó còn là một quan niệm rất rộng rãi, rất « hiền triết » nữa về tôn giáo.

Chúng ta có thể bội nhân những thí-dụ tương tự tới vô cùng.

Tiếng nói Việt Nam có muốn ngàn « lối nói » kỳ diệu. Ngữ pháp Việt Nam là thứ ngữ pháp có bản vị là tình cảm và trực giác, gồm nhiều ngoại lệ hơn là chính tắc. Có nắm vững điều đó chúng ta mới không bị đánh lừa bởi cái vỏ chứa đựng rất lung thoát của văn chương Việt Nam.

Về cử chỉ và hành động cũng thế.

– Thấy dáng người Việt Nam đậm chiều, cử chỉ chậm chạp, nét mặt khắc khổ, có người ngoại quốc vội cho rằng: Dân Việt Nam không biết cười. Tôi thì tôi lại e điều ngược lại. Thật thế, ý thức trào phúng xuất hiện rất sớm trong văn chương nước ta, truyền khẩu cũng như viết. Trong văn chương truyền khẩu, đó là những câu về nhiều lúc cực kỳ sâu sắc, tế nhị, hiểm độc. Trong văn chương viết, tưởng Hồ Xuân Hương và Trần Tế Xương nhắc nhở trên đây cũng đủ là dẫn chứng hùng hồn, Tôi đã sống nhiều với người dân quê và đã thấy họ vừa làm việc vừa pha trò với nhau như thế nào. Thế tài sân khấu gọi là chèo rất được họ ưa chuộng. Và cái ý thức trào lộng đó lan mạnh sang cả « tuồng » chỉ còn thiếu làm biến thể thể tài này nữa thôi. Có thể giải thích rằng người Việt ta lam lũ, vất vả, khổ sở trong cuộc sống quá nên thêm khát sự vui đùa, sự giải thoát và nhiều

khi đã phải trả cái vui đùa đó bằng một giá quá đắt. Nhưng rồi chính những kinh nghiệm đã khiến họ có một triết lý cao đẳng về vật chất, cần lao, sự vui, sự khổ ở trên đời.

— Chê người Việt không biết cười đã vậy, ngược lại ông Nguyễn Văn Vĩnh trong một bài xã luận lại trách người Việt « cái gì cũng cười ». Ông đưa ra một lý lẽ: cười là cốt cách của người hiền. Để rồi ông bác lý lẽ đó: nếu thế hóa ra toàn dân Việt Nam đều là người hiền ru? Tôi không nói nhận xét của ông hoàn toàn sai, nhưng tôi nghĩ nó chưa được tế nhị, và lời trách cứ cùng giải thích của ông chưa được xác đáng cho lắm. Thật thế, tại sao không thể coi toàn dân Việt Nam là người hiền, nếu ta chịu khó quan niệm triết học một cách rộng rãi, bình dị và lưu ý tới những đặc tính của triết học Đông phương? Trong khi triết học Tây phương nặng về đường thuần luận, triết học Đông phương thiên về suy nghiệm và ứng dụng trong cuộc đời. Và cái lối sống trầm mặc quân bình của người Việt chính là một thái độ « tự nhiên mà thành hiền

triết » vậy. Rút lại, lời khuyên của ông chỉ còn giá trị của một bài học về phép xã giao mới, không phải một bài khảo về dân tộc tính.

— Cũng thế, thấy người Việt lâm râm khấn vái trước đền, miếu, cây đa, mồ mả . . . người ta có khuynh hướng muốn kết luận rằng dân ta quá dị đoan, mê tín. Vẫn biết rằng làm mấy cử chỉ trên cũng có người tin tưởng ở sự phù hộ của sức lực huyền bí, nhưng còn đại đa số người khác? Ông Phan Kế Bính, bình luận việc người dân quê lập am chúng sinh, đã viết một ý nghĩ triết học khôn khéo: « Nói đến đó thì am nọ, đàn kia, bách linh dầu thiêng dầu chẳng thiêng, dầu biết dầu chẳng biết, chẳng kể làm gì, nhưng cũng chưa xót mà xin gửi tặng vài ba giọt lệ ». Tôi nghĩ thêm rằng ngoài cái dấu hiệu của một cử chỉ nhân ái rộng lớn ra, đó còn là một cử chỉ thành kính, một phút mặc niệm, một phút phản tỉnh để cho hồn mình lại gặp hồn mình trong một nghĩa nhân loại cao xa. Nhận như thế chúng ta không còn lấy làm lạ nữa khi thấy người dân Việt đi lập đền thờ cả

tướng Tàu lẫn thi sĩ Tây.

— Đây đây một bọn người chen lẫn trong một đám hội. Có thể là một cử chỉ vô kỷ luật. Hãy chửi mắng họ mấy câu thô lỗ. Họ có thể chịu sê đầu sứt trán ra về không phản ứng. Hiện thực quá còn gì. Nhưng bảo rằng cử chỉ sau này là một cử chỉ hèn nhát tôi e rằng sai vậy. Người Việt ta rất biết giận, và rất biết phản ứng mạnh. Mà không có phản ứng mạnh sao thoát qua được bao lần nô lệ, tồn tại mãi đến ngày nay?

Kể những cử chỉ như trên, thật khó mà xiết được.

Có sống lâu với người Việt Nam, vượt lên trên những phồn tạp bề ngoài, triệt tiêu những mâu thuẫn ngoại tại trong lối sống của họ, nhiên hậu mới nói là hiểu người Việt Nam được. Đúng như câu:

Thức lâu mới biết đêm dài

Và phải đến với người Việt Nam, không phải với đầu óc tò mò dò xét hay định kiến sai lệch, mà với — chân lý đại đồng — tình thương trang bị sẵn:

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đừng xanh như lá, bạc như vôi!

* * *

Trở lại nhận xét ban đầu, tôi cho rằng những nhận định sai lạc hay vội vàng về dân tộc Việt Nam như trên là do mấy bệnh thái:

— Bệnh « hình thức chủ nghĩa » theo đó người ta xét đoán cử chỉ ở bề ngoài, bình luận văn chương bằng chữ bằng nghĩa, phân chia thời đại văn học bằng chữ viết. Văn học Việt Nam, hơn đâu hết, là một và bất phân, và như vậy phải được nhận định toàn diện.

— Bệnh « bới bèo ra bọt », gắn kể với cái bệnh hay nêu mọi điều nhỏ nhặt thành nguyên tắc.

— Bệnh « nguy biến » để được cái vinh dự hảo làm bố đẻ của những ý kiến gọi là tân kỳ, gần kề với cái bệnh mượn vay một cách máy móc luận lý học của Tây phương. Người đưa ra ý kiến nhiều khi đã không tin tưởng, đến người đọc ý kiến lại cho rằng chân lý. Thật là một trò đùa nguy hiểm.

— Bệnh « chủ nghĩa », bệnh thiên lệch trong đó người ta ưa đặt ra và mắc phải những « vấn đề hư ngụy », những vấn đề vốn không hề có hay không còn có nữa: nghệ thuật vị nhân sinh, bình cũ rượu mới, nghệ thuật với tuyên truyền, nghệ thuật với đại chúng . . .

Trong một dịp thuận tiện, tôi sẽ trở lại những điều này.

NGUYỄN SỸ TẾ

SỢI DÂY

DUY THANH

CÁI màu trắng dùng đục bay trước mắt Đạo, những khối dĩ vãng lập là nổi lên ở đấy. Tất cả đều không thành hình rõ rệt. Óc mết mỗi, Đạo thấy hình bóng ngày xưa của thầy mẹ chàng. Duyên, đứa em gái, chộp chồn hiện lên rồi xa hút đi như những vật đánh rơi ở một chuyến tàu đang chạy nhanh. Con đường rầy xe lửa, quá khứ đi tuốt thăm thẳm, sâu vô cùng. Rồi Đạo ghen thở, cơn ho cộn lên rũ rượi, bật cả thân hình gầy quắt trên chiếc giường sắt khô khảnh. Đầu Đạo ngoặt về một bên tái ngắt, chàng có nhoai ra phía ngoài giường tìm chiếc ống phóng đầy nước crésyl đen sặc. Vị máu tanh tươi từ ngực bốc lên ộc

ra ngoài cùng với rớt rãi. Mấy người bệnh ở giường bên cạnh nhìn chàng không xúc cảm. Vì họ cũng cùng căn bệnh như chàng: lao.

Riêng Đạo thì đến thời kỳ thứ ba. Người ta chỉ còn sống vương vất ở trong thành trì của vi trùng vây kín không khí. Hơi thở khô khè, Đạo tiếp đi giữa cơn đau xé phổi. Trong phòng những tiếng ho khác nổi lên, những tiếng rên rầm u uất. Đạo thấy mang máng mình đi rất xa với những bước chân không phải của chàng. Gần giường Đạo là một người bệnh đứng tuổi lắm nhắm cầu kinh. Mắt y lơ lơ nhìn thẳng vào một điểm vô hình. Cách đây là một cái xác nữa không còn tinh thần mệt nhọc thở. Hai người bệnh giường đối diện có vẻ mạnh hơn trao đổi với nhau vài câu chuyện.

Hơn 8 giờ, người y tá thường trực vẫn chưa đến phân phối thuốc theo đơn của vị bác sĩ cứ mỗi ngày lại thăm các bệnh nhân một lần. Vì là một bệnh viện công nên thuốc men cũng không dư dật lắm. Tuy vậy cũng có thuốc tiêm.

Trông người y tá đến giường mặc áo trắng, mặt bịt trắng chỉ lộ có đôi mắt đen là bệnh nhân đã cảm tưởng như là y đem cho thêm một chút sống nữa. Những ống thuốc lọc sọc trên khay sắt trắng như những nguồn hy vọng lớn, độc nhất. Thuốc, vi trùng, vi trùng, thuốc đánh nhau trong những thân hình quắt queo, giữa bầu không khí hấp hối hơi người.

Đạo vào nằm nhà thương được gần một tháng. Không thân thích, họ hàng. Chàng cũng may mắn lắm mới chiếm được một giường trong cái bệnh viện đầy những kẻ ốm đau này. Đạo là kẻ thay thế cho một con bệnh vừa mới chết. Chàng thừa hưởng cái giường sau khi được tẩy uế qua loa. Gia sản của chàng chỉ còn bộ quần áo, hai cuốn sách long bì. Một cuốn chép lem nhem đầy những thơ, một cuốn chữ si xít những mẫu nhật ký. Mấy bữa đầu Đạo còn tỉnh táo, thỉnh thoảng còn lấy bút viết lại những dòng tâm sự. Về sau chàng mệt quá nên cuốn nhật ký cũng bỏ dở. Anh nằm thẳng nhìn lên trần, cô độc. Những chuỗi năm tháng

kéo nhau đi ở dĩ vãng rất xa. So với hiện tại thì có một sự cách biệt tuyệt vời. Tình nhân, bạn hữu không còn một ai. Không ai nhớ đến Đạo. Chàng bị bỏ quên ở một góc nhà thương thí như thứ đồ vật vứt đi. Chàng nhìn thấy cái chết lạnh lẽo bước từng bước một, chộp chòn ẩn hiện. Những lúc đó, anh thấy yêu cuộc sống lạ thường. Đạo nhớ từng khoảng thời gian trước kia. Nhưng tất cả đều thuộc vào quá khứ..

– Anh Đạo.

Giọng người con gái sáng lên. Đạo cái nhìn vào đôi mắt thăm thẳm đó và khẽ nói:

– Anh yêu em.

Tiếng nói của Đạo mệnh mang một cách lạ. Huyền mỉm cười và nắm chặt lấy tay chàng. Không khí của buổi chiều Đà Lạt lạnh như rừng.

– Giá cuộc đời chúng mình cứ đẹp như thế này mãi anh nhỉ!

– Nếu thế thì còn gì bằng. Chỉ sợ rằng ngày mai sẽ chẳng còn là hôm nay.

– Anh chỉ nói đại. Huyền đập vào vai chàng.

– Em biết anh bị lao đấy chứ?

– Biết, thế rồi sao nữa?

– Anh không có thân thích họ hàng ở Sài Gòn.

– Biết. Thế còn em thì sao?

– À, em thì lại khác. Vả lại anh không muốn dính líu gì đến gia đình em cả.

Huyền cắn móng tay:

– Thế anh còn ở đây nữa chứ anh?

– Chưa chắc. Chừng mai kia anh sẽ về Sài Gòn.

– Anh có bạn bè ở dưới ấy?

– Cũng có dăm người.

Đạo kéo có áo họ nhè nhẹ. Mấy ngọn đồi xa mờ đi trong sương chiều, bờ hồ chỉ còn thừa thớt bóng người.

– Thôi chiều tối rồi đấy. Em về đi Huyền ạ.

Huyền làm ra bộ rồi:

– Em chưa cần về vội. Anh đuổi em đấy à?

Đạo không đáp, cười đại lượng, khẽ lắc đầu. Hai tay thọc vào túi quần, chàng bước trên con đường giải đá gỗ ghề. Huyền đi theo chàng, tà áo bay vương chiều gió.

Đạo quen Huyền cũng tình cờ. Sau khi kiếm được một số tiền nhỏ mọn sau mấy tháng làm việc trong một tòa báo ở Sài Gòn, anh có ý định lên Đà Lạt chơi cho biết và nhân thể đổi gió. Bất đồ lại gặp một người bạn quen ở đấy. Triệu dẫn Đạo lại thăm cô bạn gái là Chi. Hôm ấy hai người lại gặp Huyền. Huyền thấy mến

Đạo ngay từ buổi đầu. Nàng ưa cái bộ mặt xanh xao với những nét thanh tú của Đạo mà Huyền cho là đẹp. Hơn nữa nàng lại biết chàng làm thơ. Huyền có đọc ít bài của Đạo trên báo. Họ nói chuyện với nhau rồi trở nên thân thiết hơn. Riêng Đạo thì mến Huyền vì nàng là một trong những nghĩa đẹp của trời đất. Vả lại Huyền dễ thương và mọi câu nói của nàng đều làm Đạo thỏa mãn tự ái. Nhưng anh không muốn làm hại đời Huyền. Chàng biết mình bị bệnh nguy hiểm. Chưa bao giờ anh nỡ ôm Huyền vào tay để hôn lên cặp môi ấy mặc dầu Đạo biết Huyền sẽ không kháng cự.

Huyền biết Đạo có bệnh nhưng vốn nàng vô tư nên không chú trọng mấy. Huyền yêu một cách lãng mạn, hồn nhiên. Hình như nàng cũng tìm thấy ở hình dáng Đạo một cái đẹp, một mẫu người lý tưởng.

– Khi nào về Saigon anh viết thư cho em biết tin tức nhé.

– Có lẽ anh sẽ viết cho em.

– Sao lại có lẽ? Huyền gắt lên, nhưng Đạo chỉ mỉm cười.

Buổi từ biệt Đạo nhẹ hôn lên trán Huyền. Người con gái để yên nhưng lúc Đạo buông tay thì Huyền kiễng chân lên và hôn rất nhanh vào môi chàng. Cái dư vị nóng và mềm làm Đạo sững sờ cảm động. Huyền quay người đi và Đạo nhìn theo bóng nàng rảo bước trên con đường về nhà.

Anh nghĩ đến những con vi trùng phá phách trong lồng ngực, đến hơi ấm của Huyền, đến nỗi trống trơ của lòng chàng bay trên vòm trời lạnh lạnh.

– Không, mình sẽ để Huyền giữ kỷ niệm như vậy. tình yêu như vậy. Đạo tự nói thầm như thế.

Buổi sáng hôm sau chàng trở về Sài Gòn sớm.

Bằng đi một năm Đạo không cho Huyền biết tin tức gì về mình sau khi gửi một vài lá thư nhỏ mà không đề địa chỉ. Chàng chỉ muốn một mình đứng trước cái sổ phận hẩm hiu một cách buống bỉnh. Bệnh hoạn mà không tiền thuốc thang. Ước vọng độc nhất của chàng trong những ngày bệnh viện là được xuất bản một tập thơ. « Thà rằng sổ phận mình không ra gì thì ít ra cũng để lại một cái gì cho đời ». Ý nghĩ đó trở nên một ám ảnh. Nhưng Đạo làm gì có tiền. Trước kia Đạo chỉ làm đủ nuôi miệng. Anh có thể nhờ bạn bè giúp đỡ ít nhiều nhưng thâm tâm Đạo không muốn nhờ vả ai.

Chàng làm thơ với sự cô độc hoàn toàn. Anh sống như một hoang đảo. Căn bệnh lại tàn phá trong cơ thể mạnh hơn bao giờ hết. Nhiều khi anh ngất lịm đi với những cơn ho xé phổi. Chàng tính vào nằm nhà thương thí để tạm có chỗ thuốc men và ít ra để xem cái thế giới những người đang chết ra sao.

Đạo không sợ chết. Vốn dĩ kiêu bạc cả với những sự đau khổ của mình. Anh níu lấy cái sống nhưng không chịu hàng phục cái chết.

Những mẫu nhật ký của Đạo mang nhiều ý nghĩa đặc biệt về cuộc đời. Chàng nhận rõ những tình cảm nồng nặc hoặc vô tư của một số bạn hữu. Lúc thì vô vấp quá, lúc thì dễ quên quá. Tựu trung những người có vẻ thân thiết hơn đều là có hoàn cảnh và địa vị chỉ vừa tầm với Đạo.

– Thế là thế nào? Cái kiếp sống muôn thuở của người lại có những thế bất quân bình như vậy ư?

Cuộc sống tràn trề. Bài hát, điệu nhạc vẫn nổi lên tha thiết ở mỗi góc phố. Đạo vẫn biết như thế rồi còn gì. Sao? cuộc đời đành là vẫn ịch kỷ.

Bây giờ Đạo sắp chết trong xó nhà thương này cũng không ai cần nhớ đến chàng cả. Đạo chưa chát nghĩ đến niềm tự ái bề thế của chàng

không cho phép kêu xin một tình thương. Đáng lý nếu biết Đạo nằm bẹp ở nhà thương thế nào cũng có dăm người bạn lại thăm, may mắn ra sẽ có dăm cô nhân tình ngày xưa, nếu không ít ra cũng có Huyền. Đạo nghĩ tới khuôn mặt của Huyền mát và tươi. Sự liên tưởng đó làm anh nhớ đến Duyên, đứa em gái bây giờ còn ngoài Bắc. Có lẽ Duyên đã lấy chồng — nàng đã trên 20 tuổi rồi còn gì. Cái hồi mà thầy mẹ Đạo chết đi thì chàng và Duyên mới có một tí tuổi. Cả hai anh em ở với người cô hiếm hoi nhưng tốt. Tuy nhiên Đạo không chịu được cái không khí gia đình đó. Chàng bỏ ra đi sống một mình giữa cuộc đời. Anh lưu lạc một hồi, tự học lấy qua những sách vở mượn được. Rồi khi kháng chiến anh ra khu, sau trở về thành dạy học viết báo kiếm đủ tiền sống một cách bình thường. Thỉnh thoảng lắm Đạo mới ghé về thăm Duyên. Người con gái vẫn sống hiền hòa cùng năm tháng — Lớn lên Duyên cũng đẹp nhưng là cái đẹp buồn buồn giản dị. Đạo nghĩ mình vô trách nhiệm đã bỏ mặc Duyên với số phận. Thật ra đến ngay cuộc đời của Đạo cũng

còn chưa ra sao cả còn nói gì đến sự đèo bồng thêm cả Duyên nữa. Dù sao khi xa nhau, Đạo lại muốn rằng đôi lúc chàng sẽ lại được nhìn thấy khuôn mặt của Duyên, giọng nói dịu dàng và dáng điệu từ tốn của nàng.

– Mình sẽ bằng lòng chịu đựng tất cả để cho con bé nó khá – Đạo vẫn thường tự nhủ như vậy. Sau những khi chợt nghĩ đến Duyên. Anh vẫn ước mong người em gái sẽ kiếm được một tấm chồng khá. Từ buổi vào Sài Gòn tuyệt nhiên Đạo không được tin tức gì về Duyên cả.

Đạo lại bật ho rũ rượi. Trong căn phòng cái mùi đặc biệt của những người bệnh toát ra hòa với các mùi thuốc nặng chịch. Giữa đám vi trùng quay cuồng đó, những hình người nằm dán trên giường sắt cứng, rên rầm.

Mắt lơ lơ nhìn vào bức tường vôi trắng trước mặt, Đạo mệt mỏi đến không muốn nhớ gì. Chỉ những khi cơn ho kéo đến là toàn thân chàng lại bật lên nức nở. Cái thân hình gầy quắt

chỉ còn xương và da xám xịt.

Tay anh chạm phải cuốn sách long bì gối đầu giường. Tập bản thảo chép đầy thơ nằm co quắp. Sao? Những bài thơ rất yêu đời cũng nằm vùi sâu trong đây quên lãng này như tác giả nó ư? Chẳng thế đã có lần Bảo nói đùa với Đạo:

– Cái nghiệp văn chương này là mặt nghề nhất. Nếu muốn theo đuổi mày phải có một nghề nào vững chắc khác thì mới hy vọng sống để làm thơ được.

Đạo không nói gì nhưng trong thâm tâm chàng nhận thấy đúng. Tuy đã mấy lần thử nhưng anh chưa hề bán được tác phẩm cho một nhà xuất bản nào cả. Cái mộng gần gũi nhất là được cầm một cuốn sách mới in của mình. Nhiều khi Đạo lang thang vào các hiệu sách cầm những cuốn sách bày trên giá để tưởng tượng cho đỡ buồn.

“Nếu mình chết đi, thì số phận tập giấy này sẽ ra sao? Trong cơn đau Đạo thấy tâm tư dường như sáng hẳn lại. Anh nghĩ tới sự đại đột của mình đã không biết gửi trước anh em tập di cáo cuối cùng. Chàng tự biết không còn sống ở cõi đời bao lâu.

“Nếu có cách nào đưa cho thằng Hoán thì hay quá. Biết đâu mai sau nó còn có thể xuất bản cho mình. Vì Hoán trước kia là người yêu thơ Đạo nhất. Đạo thiếp đi trong ý nghĩ đó. Chàng mơ thấy những người bạn đến thăm mang theo không biết bao nhiêu quà bánh. Trong số đó có Bảo, có Hoàng, có Hoán. Chàng mơ thấy Huyền mang tới cho chàng một bó hoa tươi. Đạo cảm thấy khát nước khi trông thấy sự tươi mát ấy. Anh ú ớ trong cổ họng và đã tưởng rằng Huyền đến thăm mình khi có tiếng người bên cạnh. Đó chỉ là vị bác sĩ cùng người y tá.

Tay cầm tấm bằng số đề tên tuổi Đạo vẫn mắc ở cuối giường, vị bác sĩ hỏi người y tá:

– Bệnh nhân này không có ai là thân thích sao?

– Thưa không.

– Vẫn tiêm thuốc?

– Thưa vâng.

Vị bác sĩ cầm lấy cổ tay Đạo xem mạch, cái cổ tay bất động gầy khảnh như một đốt trúc. Chàng cự mình đòi uống nước. Người y tá vội vàng rót nước vào chiếc ly rồi vục đầu Đạo cho uống. Dòng nước vương theo mép chảy dọc xuống gò má. Anh thở khò khè khó nhọc.

– Có lẽ khó mà qua được. Người y tá nói.

Viên bác sĩ phác một cử chỉ và không tỏ bày ý kiến gì. Máy bệnh nhân khác ở các giường bên cạnh ngẩn đầu nhìn sang. Những tiếng họ sù sụ lại rời rạc nổi lên.

Mũi thuốc vừa ngấm trong làn da thì Đạo lại vật vã một lúc rồi lịm đi. Hơi thở vẫn cứ khò khè đặc sệt. Không ai có thể tưởng rằng chàng thanh niên ấy cách đây mấy năm còn là một thư sinh phong nhã, đã từng vào sinh ra tử mấy lần khi còn ngoài khu kháng chiến. Vốn sức yếu nên Đạo đã chớm bị bệnh phổi ngay từ lúc chịu đựng gian lao với đồng bọn những năm đầu tiên. Đáng lý ra thì Đạo không thể bỏ hàng ngũ trở về thành được, vì tư cách và tính tự trọng của chàng. Nhưng anh nhận thấy lý tưởng của mình khác với cộng sản. Bởi thế chàng đã bỏ về. Đạo hoàn toàn thấy hành động của mình chính đáng và không có điều gì hổ thẹn với lương tâm cả.

Khi trở về Hà Nội thì Đạo lại thấy lạc lõng và chỉ còn sống một cách bình thường như trăm ngàn người khác sống. Chàng tưởng tìm được con đường sống mới. Nhưng không, hàng ngày anh đọc sách, làm thơ, mơ đến những chân trời mới lạ. Đạo cũng yêu nhưng thật ra chưa bao giờ chàng biết yêu. Anh yêu theo cái ý nghĩa rất

tâm thường của nó. Vấn đề sinh lý chẳng hạn. Hoặc giả có yêu ai Đạo cũng rất vu vơ. Giờ đây anh nhớ đến Huyền vì Huyền là hình ảnh cô gái cuối cùng gần gũi nhất với chàng. Người bạn đầu tiên anh quen ở Hà Nội là Hoàng. Có lần Đạo nói đùa với Hoàng:

– Tao đã mất mấy năm trời để tìm ra cái nghĩa sống của đời mình mà không nổi. Thiên hạ họ sống dễ dàng quá. Mình thèm ở địa vị như họ mà sao không được.

Hoàng cười lớn:

– Cái thứ tâm hồn của mày ở giữa cuộc đời này mà phức tạp như thế thì chỉ có chết. Mày tưởng mày sống được cái kiếp sống của người khác ư. Tao chắc rằng bây giờ đặt mày vào địa vị ấy với nhà cao cửa rộng, với vợ đẹp, với ô-tô thì mày lại còn bị dẫn vật đến mấy mươi nữa.

– Vì sao?

– Vì tao ở với mày nhiều tao biết. Có những thằng sinh ra để đặt vào những địa vị lớn với một tước vị cao. Mày không ở hạng ấy. Mày sống hư vô, ôm ấp cái lý tưởng không bao giờ đạt tới của mày ở giữa cái thế giới hỗn mang này. Zero biết không. Mày đau cái đau của người khác. Mày chỉ làm khổ mày. Rồi trở nên mất tin tưởng, rồi sống vất vưởng. Mày tưởng những bài văn bài thơ của mày sẽ mang lại hạnh phúc cho thế gian này chắc? Ngừng lại một giây Hoàng lại tiếp: Mày không ở được với cộng sản nhưng mày cũng không chịu nổi cái không khí trong thành. Thế là làm sao. Cái lý tưởng của mày thật ra là cái gì Tao không thể cảm thông nổi. Tao biết từ trước mày không hề biểu lộ những điều thầm kín của lòng mày với tao. Vì thế tao mới nói. Mày chưa hề tin tưởng. Mày không tin ở cuộc đời, mày không hề yêu. Nhưng mày cứ sống mà tưởng sẽ đem lại một cái gì tươi đẹp cho thế gian này.

Đạo cũng không hiểu tại sao Hoàng lại trở nên gay gắt với chàng như thế, nhất là lúc đầu

chàng không có ý định biện thuyết gì cả. Có lẽ rằng Hoàng thấy cần phải tàn nhẫn với Đạo để thỏa mãn cái điều ẩn ức sâu kín trong lòng sau bao nhiêu lâu chịu đựng nhau chẳng? Đạo chỉ bảo:

– Mày nói đúng, tao không hề tin ở cuộc đời tuy tao vẫn thèm sống và ca tụng nó bằng nghệ thuật. Quả nhiên đó cũng là một khó hiểu mà tao chưa khám phá nổi.

Đạo thường ngạc nhiên nhất là những con người. Tóm lại họ làm anh kinh lạ với lễ lối sống, với những tính khí tiểu mọn. Nhiều khi anh lạ lùng cả những thứ cơ khí hằng trông thấy. Đó chỉ là những cảm xúc thoáng qua nhưng cũng làm Đạo càng thấy lạc lõng. Ý kiến của Hoàng làm Đạo vừa thấy không có gì vừa làm chàng ngạc nhiên.

– Đạo à, tao chắc rằng một ngày kia mày sẽ tự tử chết vì cái lý do để mày sống tan biến đi với thời gian.

« Cả đến tình yêu nghệ thuật sao? » Đạo tự đặt câu hỏi với mình như thế, nhưng anh chỉ cười bảo Hoàng:

– Chắc không? Mà chỉ có lý khi nào cõi đời không còn là tự do với tao. Hành động tự tử chỉ khi nào nó minh chứng rằng tao đã tự do chọn lựa nó. Nếu tao đi đến giải pháp ấy thì chính là một sự thách thức vậy. Tất nhiên sự tự sát đó khác với những vụ tự tử tầm thường của người đời vì tình duyên chẳng hạn.

Lần Đạo vào Nam thì Hoàng không đi. Hoàng nói:

– Mà cứ làm theo ý riêng, còn tao cũng phải qua một cuộc thí nghiệm đã.

* * *

Sau khi vào nằm nhà thương được một tháng 7 ngày thì Đạo chết. Mắt anh trợn trừng nhìn lên trần như muốn trông suốt lên trời. Trong khi hấp hối anh đã từ chối không chịu lễ rửa tội.

Anh muốn nhìn thẳng cái chết. Cái ước muốn cuối cùng của Đạo trong một phút tỉnh táo là chàng được tự tử để chứng minh rằng không phải thần chết đã chiếm đoạt thể xác chàng.

Cái mũi thuốc hồi sinh thứ ba mà người y tá thường trực bắt đầu đâm vào thịt thì cũng là lúc anh trút hơi thở cuối cùng.

– Thôi xong rồi – vị bác sĩ ngừng tay bắt mạch. Người y tá rút mũi kim tần ngần nhìn Đạo.

– Xin bác sĩ chứng thực rồi để cho khiêng xuống nhà xác.

Khi hai người phu khiêng Đạo đi thì họ thấy vương ở đầu giường hai cuốn vở long gáy của chàng.

– Quyển gì thế này?

Một người vừa nói tay vừa lật lật mấy trang giấy nhàu nát những chữ.

– Lao đấy! Để đốt đi cho ông ấy, cả gói quần áo này nữa. Người thứ hai ném gói giấy lên chiếc băng ca. Mấy người bệnh giường bên cạnh giờ tay làm dấu. Cái xác của Đạo được liệt vào loại vô thừa nhận và được chở đến viện cơ thể cho các sinh viên mổ xẻ để học.

Nếu khi chết mà linh hồn Đạo còn vương vất nơi trần thế thì ắt sẽ phải bật cười. Vì cái thân thể trần trụi của anh nằm tồ hô trên bàn mổ giữa những cặp mắt soi mói. Một cô nữ sinh viên cầm lấy trái tim của Đạo xem xét. Đây là Loan. Trước kia gặp Loan ở đường phố anh đã cảm thấy yêu cái nhan sắc của nàng. Nhưng

không bao giờ Đạo có thể tưởng rằng bàn tay của Loan sẽ có lần cầm lấy trái tim chàng một cách hiện thực như thế.

DUY THANH

NHÂN NGHĨ VỀ HỘI HỌA

THANH TÂM TUYÊN

Tặng DT, ND. TT.

HỘI họa mới bây giờ là trữu tượng vô hình dung (non-figuratisme) trong ấy lại chia làm nhiều đường lối khác nhau nhưng vì không thuộc phạm vi chuyên môn của tôi nên tôi không nhớ hết. Các họa sĩ cất công tìm tòi mọi cách thức phô diễn cho thật trung thành với tâm hồn mình. Không những họ chỉ thay đổi màu sắc đường nét hình thể – những nguyên tố căn bản của tác phẩm họa – mà họ muốn thay đổi đến tận gốc cái nghề vẽ như chế tạo thứ sơn riêng hoặc không dùng bút vẽ lại

dùng ống tiêm hay những hòn bi lăn « cầu âu » hay dùng bàn chân, bàn tay v. v...

Một họa sĩ Pháp ở ngay Saigon đã cho tôi biết có khi ông dùng sơn nhà cửa để vẽ tranh, có khi ông vẽ bằng cách nhúng chân vào thùng nước rồi nhảy lên trên mặt vải đặt nằm dưới sàn và ông bảo đó cũng là những biểu hiện có nhiều sắc thái giá trị.

Trong những phòng triển lãm của các bạn tôi, trước những bức tranh trừu tượng của Duy Thanh và Ngọc Dũng, nhiều khán giả đã thành thực nhờ tôi giảng nghĩa cho họ hiểu. Nếu lần tránh không được tôi đành thú thực rằng tôi cũng mù tịt như họ vậy. Những người ấy được dịp khoái trá bảo rằng: thơ tự do mà cũng không hiểu nổi tranh lập thể sao? Tôi không muốn phê bình ở đây cái thái độ độc đoán ném tất cả những gì mình không ưa về cùng một phía. Tôi chỉ muốn lưu ý sự nguy hiểm tai hại cho nghệ thuật — cho văn hóa — là sự quá đơn giản trong tư tưởng kết quả của tri thức ấu trĩ.



Tôi nói thẳng là tôi không đồng ý về hội họa trừu tượng vô hình dung. Không phải tôi sẽ lên giọng một nhà trí thức tiến bộ để tuyên bố đó là sản phẩm của một thứ tinh thần bế tắc hoang mang, một thứ quái thai của xã hội trụy lạc. Giả thử là như vậy chẳng nữa thì vấn đề cũng không phải là gạt bỏ dễ dàng quá thế đâu. Tư tưởng nghệ thuật nào chẳng xây dựng trên những điều kiện xã hội, nhưng đó chỉ là điểm khởi đầu không phải điểm tận cùng. Nghệ phẩm mang trong nó những điều kiện ấy để thành hình và đời sống của nó bắt đầu khi thoát khỏi được những điều kiện ấy. Nói như Malraux thì bảo nghệ phẩm là những hóa thân (métamorphoses) qua thời gian. Do đó hội họa mới là ý muốn giải thoát ra khỏi một tình trạng bế tắc khủng hoảng của các họa sĩ.

Ý muốn khi đã thể hiện thành tác phẩm — một loại hành động — là tích cực, nghĩa là trong một giới hạn nào người nghệ sĩ đã tự vượt khỏi

tình trạng khủng hoảng trong nội tâm. Bởi vậy không thể vô lý phán đoán người ta ở một chỗ mà người ta đã vượt qua. Tất nhiên tôi loại bỏ những người coi và làm tác phẩm như những hành vi điên rồ vô ý thức.

Tôi đặt câu hỏi họa phái trừu tượng muốn đạt tới điều gì?

Câu trả lời thứ nhất: người ta muốn diễn tả những trạng thái tâm hồn một cách trực tiếp và trung thành, hình thể ngoại vật là những chướng ngại cần tiêu trừ, sự phối hợp đường nét và sắc màu thuần túy sẽ gây những xúc động cũng thuần túy không cần lý trí của người xem tranh. Sự thực thì thế nào? Người ta phải nhận rằng giữa tâm hồn của họa sĩ và tấm vải nhằng nhịt màu sắc kia là hai thế giới cách biệt không có một dây liên lạc nào bền vững ngoài sự xúc động thoáng qua mà ngay chính họa sĩ sẽ quên đi về sau này. Rồi sự xúc động đã được thể hiện bằng cách trừu tượng ấy lại một lần nữa chuyển vào tâm hồn người

xem — một thế giới cách biệt nữa — thì hỏi nó có còn trung thành với tác giả hay không. Mỗi người cảm theo một cách, không sao hết, chỉ làm giàu tác phẩm mà thôi. Tôi không thể công nhận lý lẽ nguy hiểm ấy. Không gì thất bại và sỉ nhục cho một tác giả bằng người ta hiểu sai lạc ý nghĩa tác phẩm của mình. Tận gốc rễ câu trả lời thứ nhất của họa phái trừu tượng biểu tỏ một quan niệm quá giản đơn về nghệ thuật. Tôi cho không có các định nghĩa nghệ thuật văn chương nào ấu trĩ hơn là các định nghĩa này: văn chương nghệ thuật là sự phô diễn những xúc động ở trong lòng của con người. Định nghĩa ấy dẫn đến trong hội họa, họa phái trừu tượng vô hình dung, trong văn chương, một thứ văn chương lải nhải tình cảm (sentimentalisme) — đó là tình cảm lạnh mạnh đi lên và gì gì nữa — Nghệ thuật là hành động siêu việt hóa con người trong chính đời sống thực của nhân loại. Những tác phẩm tâm thường là những tác phẩm chịu trói trong những cái vụn vặt tũn mủn hời hợt của đời sống.

Nhưng cũng từ đó tôi phải xét câu trả lời sau này của họa phái trừu tượng: người ta muốn đạt đến cái thực tại của sự vật (essence des choses); người ta không muốn bị đánh lừa bởi cái hình tượng, người ta muốn bắt được cái chân tướng cái en-soi của mỗi vật vì thế giới hiện tượng đã bị khoa học xâm chiếm. Tôi hoàn toàn biểu đồng tình với cái ý muốn tốt đẹp ấy vì giá trị của nhà nghệ sĩ trong đời sống này là sự cố gắng không ngừng trong công cuộc tìm kiếm chân tướng của sự vật chung với các ngành hoạt động khác của nhân loại như khoa học triết lý đạo giáo. Nhưng tôi bác bỏ cách tìm kiếm của họa phái trừu tượng vì nó vô ích, vô lý và phản nghệ thuật. Chân tướng của sự vật không ở ngoài sự vật, nó ở ngay trong mỗi sự vật và nó biến đổi với sự vật.

Không phải vì kỹ thuật khoa học văn minh có thể chế ra những máy chụp hình tinh vi tả màu như thực nên hội họa phải chạy trốn vào trừu tượng. Máy ảnh có thể chụp đúng hình thể của sự vật nhưng không thể bộc lộ được

chân tướng của sự vật. Và nên nhớ rằng nghệ thuật không phải là triết lý: triết lý là tìm tòi chân tướng sự vật bằng cách xây dựng trù tượng của lý trí; nghệ thuật là cách xây dựng cụ thể của đời sống. Do đó trong danh từ nghệ thuật tự nó đã loại trừ danh từ trù tượng. Không thể bao giờ có nghệ thuật trù tượng, nghệ thuật trù tượng là nghệ thuật nghèo nàn phải tự lừa dối cũng như không có triết lý nào là triết lý thực tế, triết lý thực tế là triết lý phạm tục vô giá trị.

Họa sĩ trù tượng còn có thể coi tác phẩm của mình là một hành động nổi loạn không chấp nhận xã hội, đời sống. Nghệ phẩm là sự chống đối bị đát của những người cố gắng tự do với những lực lượng mù quáng muốn chế ngự khuôn đúc con người, đó là lời nguyên rửa hần học ném lên thành màu sắc hay đó cũng là thứ tự do vô lý nhưng thuần túy nhất. Nổi loạn là không chấp nhận đời sống hiện tại khi thấy trong cái đời sống ấy mình bị đày ra ngoài, thay đổi nó để trong đời sống sắp tới đây mình

được quyền sống. Nổi loạn là một hành động đòi được gia nhập đời sống: kẻ nô lệ nổi loạn để đòi quyền sống như những người tự do. Như thế nổi loạn là điều kiện sáng tạo. Nếu nổi loạn chỉ là sự phá hoại thuần túy thì người ta không thể không nhận rằng sự phá hoại thuần túy nhất là hủy diệt ngay đời sống bản thân của mình, nghĩa là tự tử.

Hội họa trừu tượng là một hủy thể thuần túy. Người xem không tìm thấy ý nghĩa nào ngoài sự đổ vỡ hoàn toàn của mọi hình thể, sự rối loạn vô định của đường nét. Nghệ phẩm bao giờ cũng là tiếng nói của một người nhất định nói với những người sống chung. Tiếng nói ấy cần thiết cho người nói cũng như người nghe. Nó phải là giọng của một người — có thể ấm áp, có thể gay gắt — không vô nghĩa điên khùng. Cẩn thận là đôi khi một người muốn gói ghém sự thật đã lấy giọng điên khùng để nói nhưng hẳn chỉ giả bộ điên chứ không điên thật. Lời nói của người điên vô giá trị. Tôi tìm nghe lời nói của người cùng chịu đày ải như

tôi, cùng chối từ cái thế giới vô nhân đạo này và đưa nhau tìm về cái đời sống của loài người, hội họa trừu tượng dẫn tôi đến nơi xa vắng vĩnh viễn loài người. Các nhà nghệ sĩ « chính thống » sẽ kêu rằng tôi đã hạ giá nghệ thuật khi bắt nó phải theo đuổi một mục đích. Nếu nô lệ hóa bắt nghệ thuật phục vụ một mục đích ở trên nó, phân biệt với nó — dù đó là một lý tưởng cao thượng đến bậc nào — tôi cũng là người đã không bao giờ chấp nhận. Nghệ thuật chỉ là phương cách đạt đến đời sống nhân loại. Đời sống nhân loại không phải ở thế giới siêu nhiên không phải ở thế giới tương lai, nó là hiện tại phải sửa đổi.

Nghệ thuật không phải là cách siêu thoát khỏi đời sống, cũng không phải là sự phủ nhận hiện tại bằng một tương lai không tưởng, nó vẫy vẫy trong hiện tại và mang theo hiện tại cùng với sự phóng tới của chính nó. Tôi biết những nhà nghệ sĩ chân chính đều ao ước tạo thành những tác phẩm bất hủ, những tác phẩm vượt ngoài không gian và thời gian. Điều ao ước

ấy không có gì đáng chê trách. Chỉ đáng chê trách khi điều ao ước ấy bị mang rao bán làm một thứ chiêu bài che đậy cho những người đã tách lìa khỏi hiện tại và nghệ thuật chỉ còn là hình thức nghèo nàn. Tác phẩm bất hủ là điều ao ước thầm kín của mỗi nghệ sĩ, nhưng sự trở thành của tác phẩm vượt ngoài ý muốn của tác giả. Rêu rao một thứ nghệ thuật ngoài không gian và thời gian là tự lừa dối mình và lừa dối người. Khi mang điều ao ước thầm kín không thể thổ lộ nói trên của người nghệ sĩ ra làm một khẩu hiệu là chứng tỏ sự kiêu ngạo của kẻ nông cạn. Vì làm một tác phẩm mà nhằm một mục đích ngoài tác phẩm ấy là làm nghèo nàn tác phẩm.

Một tác phẩm được tạo thành với chủ đích vượt ngoài thời gian và không gian chỉ là thứ đời sống hời hợt ở trên bề mặt. Tác phẩm đi vào lòng hiện tại không phải sẽ vô giá trị với thời gian và không gian trái lại nó có thể đạt được tới bề sâu của đời sống. Nhưng nói như thế không phải tôi nghĩ các nghệ sĩ phải sáng

tác với những đề tài hợp thời. Đời sống hiện tại không phải chỉ giản lược trong một vài vấn đề chính trị kinh tế xã hội hay triết lý. Đời sống này là tấn thảm kịch, tấn thảm kịch ấy không hề in những bản đồng dạng vào tâm hồn mọi người, mỗi người sống tấn thảm kịch ở một phương diện khác nhau. Tấn kịch biến dạng vô lường ở nhà nghệ sĩ, nên không bắt buộc tác phẩm là bản dịch trực tiếp của một vấn đề nào đó. Bởi vậy tôi không thể nào đồng ý với một nhà phê bình gần đây đã phân tích các tác phẩm của các nhà văn Việt Nam bằng cách tìm ở trong ấy những ý tưởng triết lý thịnh hành của Sartre và Camus. Trừ những tác phẩm mô phỏng cóp nhặt không kể làm gì, mỗi tác phẩm đứng đắn là một đời sống độc đáo mà nhà phê bình phải tìm thấy những nét phân biệt — Nhà phê bình phải nhận ra những tác phẩm của hiện tại và những tác phẩm ở trong hiện tại.

Tóm lại nghệ thuật không trói mình trong hiện tại cũng không bay trên một cõi vô hình. Nó lấy đà từ hiện tại để ôm theo hiện tại trong

cuộc hành trình tìm về đời sống nhân loại.

* * *

Trở về hội họa trừu tượng, chúng ta có thể công nhận nó là một nghệ thuật trang trí có giá trị. Quang cảnh các phòng khách, các tủ quần sang trọng, vải vóc của phụ nữ nhờ màu sắc và bố cục phóng túng của hội họa trừu tượng trở nên mỹ thuật hơn xưa. Nhưng nếu chúng ta nói điều ấy với các họa sĩ trừu tượng họ sẽ không bằng lòng. Như thế có nghĩa là hội họa trừu tượng muốn mình là một thứ gì cao thượng hơn là một món trang điểm tầm thường. Hội họa trừu tượng muốn được nhận là nghệ thuật đúng với ý nghĩa của danh từ. Nhưng tôi đã chứng minh ở trên hội họa trừu tượng lạc đường và tự nó đánh rơi nó xuống hàng nghệ thuật trang trí. Chỉ trừ khi bằng tâm mắt thiên cận người ta khẳng khẳng cho rằng mục đích của nghệ thuật là làm đẹp là tô điểm — làm dáng — cho đời sống.

Với quan niệm này hội họa là vẽ thế nào cho đẹp (?), văn chương là viết thế nào cho hay (?). Tôi thấy khỏi cần phải biện luận tìm hiểu đến cùng xem như thế nào gọi là đẹp, như thế nào gọi là hay, để gạt bỏ quan niệm trên. Người ta ai cũng phải nhận rằng nghệ thuật không phải chỉ cốt làm đẹp. Nghệ thuật là hình thức biểu diễn đời sống, mục đích là đạt đến đời sống thực. Tôi nhắc lại không phải đời sống lý tưởng — thật đẹp — chưa có và không có, đó là đời sống đã nhập thế trong hình thức là hiện tại. Giá trị của nghệ thuật được sánh với khoa học triết học là ở chỗ nó cũng là một ngành hoạt động tinh thần của loài người theo đuổi mong bắt gặp đời sống biến động không ngừng của nó.

Vì nghĩ nghệ thuật chỉ là đẹp nên người ta đã chẳng ngớt lời ca tụng những họa sĩ, văn sĩ tỷ hơn là những thiên tài của nghệ thuật. Tôi không chối rằng trước những họa phẩm, những đoạn văn của trẻ em tôi cũng thấy vui mắt vui

tai. Nhưng gán cho các em danh từ nhà nghệ sĩ quả là oan uổng và tội nghiệp cho các em ấy. Vì khi các em vẽ hay viết, các em hồn nhiên như chơi đùa không có một chủ tâm. Trừ trường hợp đặc biệt được một bậc đàn anh dẫn dắt (1) các em có chủ ý làm nghệ thuật, lập tức bức vẽ bài văn của các em sẽ hỏng ngay. Giản dị lắm, nghệ thuật không phải là một trò đùa của trẻ con. Tôi bảo thủ lập trường này của tôi nên chẳng khi nào tôi trả lời thư của các học sinh gửi đến tỏ ý muốn viết văn. Tôi nghĩ có thể dùng nghệ thuật — tập vẽ, tập viết, tập nhạc — làm phương tiện giáo dục tâm hồn trẻ em. nhưng khuyến khích trẻ em làm nghệ thuật với bộ mặt nghiêm chỉnh là đầu độc chúng.

Vì nghĩ văn chương là cốt viết cho « hay », người ta đã viết những tác phẩm giá trị ở những đoạn tả cảnh tả tình thật tinh vi tế nhị, một thứ văn chương có thể đặt tên là văn chương của bài tập đọc, luận mẫu cho học trò. Những đoạn văn như thế có thể được trích giảng trong lớp

học hết đời này đến đời khác làm kiểu mẫu, nhưng nếu chỉ có ngân ấy thôi không hơn nữa, không thể bảo tác giả những đoạn văn ấy là những nhà văn có giá trị được. Tôi nghĩ rằng toàn bộ tác phẩm của một nhà văn phải hợp thành khuôn mặt của nhà văn ấy, thời gian qua đi rất xa hăng vài thế kỷ có khi người ta không đọc tác phẩm của nhà văn ấy nữa — nhưng khuôn mặt kia vẫn không phai mờ luôn luôn hiện diện, đó là một nhà văn giá trị vậy.

Tôi rất kính trọng những nhà văn thành thực không muốn thần thánh hóa công việc làm của mình, chỉ coi việc viết sách là một nghề như những nghề đứng đắn khác trong xã hội. Nhưng tôi không chịu được những người giả bộ ngây thơ coi việc viết văn là một nghề — chỉ cần làm tốt, làm đẹp — để che đậy cái thái độ tách lìa khỏi hiện tại của họ. Tôi công nhận nghệ thuật là một nghề như mọi nghề khác khi tôi hiểu rằng muốn làm được nghệ thuật người ta cũng cần học hỏi luyện tập như tập sự bất cứ

nghề gì. Đến đó thôi. Khi những nhà nghệ sĩ chân chính để bảo đảm sự thành thực của tác phẩm đã mang sinh mệnh chính mình ra thách đố thì lúc ấy nghệ thuật không còn là một nghề nữa, nó là hành động siêu việt của nhân loại trong cuộc tìm kiếm đời sống chính đích. Và kẻ thống trị khi xử tội các nhà nghệ sĩ chân chính ấy, đã công nhận nghệ thuật là tiếng nói trung thành của đời sống nhân loại mà chúng muốn bóp nghẹt, hủy diệt.

Những kẻ thống trị bao giờ cũng hài lòng với các nghệ sĩ quay mặt lại với hiện tại với đời sống — có thể là chỉ dám nhìn hiện tại bằng con mắt giả — vì đó là những đồng lõa của chế độ. Nghệ thuật không nhắm vào làm cho đẹp, nghệ thuật muốn chiếm được sự thật cụ thể. Nghệ thuật không tô son vẽ phấn cho đời sống, nghệ thuật bắt đời sống phải hiện nguyên hình.

Đời sống không bao giờ xua đuổi nghệ thuật, chỉ có những kẻ muốn mang nghệ thuật

ra khỏi đời sống, để dễ bề thao túng đời sống. Nên mỗi tác phẩm phải là một hành động đòi gia nhập — một chặng trên đường trở về đời nhân loại — không phải là một hình thức bỏ trốn.

THANH TÂM TUYỀN

THÂN PHẬN CỦA THI SĨ

1.

Cô đơn bằng Thượng Đế

Yếu đuối như linh hồn

Làm sao tôi trèo lên

Vực thăm tở bản thảo

Trắng như bằng giá băng

Ngó thấy từ đằng xa

Cuộc đời hàm tiếu thật

Tôi lẽ đại ôm ghì

Làm dập hoa sườn gai

Còn gì tuổi trẻ nữa

Chắc tôi sẽ cắt đứt

Huyết mạch cánh tay buông

Tất cả máu có thêm
Dòng nào cho tiểu sử
Có xóa giùm nó chẳng
Chẳng bao giờ danh vọng
Mọc đôi cánh lang thang
Triết lý dạy cần răng
Tôi kiệt sức kiệt sức
Cuộc đời cuộc đời ơi.

2.

Thần thánh rủ huyệt chân
Rớt xuống trần bụi bặm
Thấy nhà thờ kính cẩn
Thành lưỡi gươm tuốt trần
Có đọc thuộc thánh thư
Linh hồn tôi vẫn vậy
Tôi vẫn không thể lạy
Dù đứng trước hư vô

*Đầu tôi cứng và trơn
Thượng Đế làm sao ngự
Tôi đành trốn chủ nợ
Định mệnh đòi linh hồn
Năm tháng nhưng hoàng hôn
Đến rồi rời thể xác
Tôi thấy đã mất mát
Tất cả trừ cô đơn
Cuộc sống nhiễm lấm than
Năm liệt trên buồn bã
Thượng Đế điem nhiên lạ
Tôi đánh liều cười khan.*

ĐÊM QUA BẮC VÀM CỐNG

*Đêm qua bắc Vàm Cống
Mối sầu như nước sông
Chảy hoài mà chẳng cạn
Cuốn phăng kiếp bèo trôi
Tôi đi xuống Lục Tỉnh
Để rắc bỏ ven đường
Tài tâm hồn kỷ niệm
Giữ làm gì đau thương
Đã đôi lần nhầm lẫn
Còn gõ cửa ái tình
Van nài chút lưu luyến
Cửa không về người xin
Tôi chầm điếu thuốc nữa
Đốt tàn thêm tháng năm*

*Chiếc bắc xa dần bến
Đời xa dần tuổi xanh
Nước tách nguồn về biển
Sâu lại chảy về hồn
Khi tôi vượt lấy mặt
Nghe bàn tay ướm mem*

TÔ THÙY YÊN

CÓ AI

*không còn gì đâu trên những con đường cũ
nhưng chiều sao chiều đường tàn trong hồn tôi
đây*

có ai trở về đâu phố mưa bay

có ai đợi chờ một người không hẹn

lòng rét mướt như chợt mùa đông đến

mắt rưng rưng hồ mấy bến sông qua

sâu biết bao nhiêu sâu mấy mươi giờ

bàn tay lạnh với mây trời vắng nổi

ngàn thương nhớ vẫn đây hồn yếu đuối

úp mặt vào thư em chiều nay mưa đây

có ai đi xa xôi xin sâu với phút này

có ai dừng chân nghe chiều thấm đây vai

*mà tôi buồn tôi buồn không dám kể
màu gió bắc chừng se mù mắt lệ
môi đã run rồi mà nói gì chưa
mưa còn rơi còn rơi đến bao giờ
người muôn trùng người đã thấy bơ vơ
có ai về chưa mà sao tôi mong chờ.*

MỘNG ĐÀU

*Heo may sâu nửa gối ngoài
Vàng trắng sâu nửa mắt ai một lần
Cuối thu vàng là đây sân
Năm nghe mùa để đây sân lá vàng
Rừng phong chim cũng động ngàn
Người đi chừng cũng qua ngàn bến sông
Cồn hoang với cát lưng giòng*

Với sương bãi với trăng đồng đầy tay
Sầu khuya lắng một dòng đầy
Mắt hương khói cũng lên dây đó em
Nghiêng vai trở lạnh qua thêm
Đà nghe giấc mộng đầu hiên trắng rồi
Áo người cũng trắng hồn tôi
Vắng trăng cũng lạnh một đời nhớ nhung.

BƯỚC ĐI

dòng đèn đường thấp lên. mùa thu rồi đấy
thành phố nhớ nhung, ôi buồn, chiều thứ bảy
ai quên hẹn hò để bước cô đơn
nhạc Schubert sầu dạ khúc đầy hồn

*có cánh tay nào đang níu đôi viên của
chiều dương tàn chiều dương tàn đường nhờ
tôi tìm ai đây, tôi đi tìm ai đây
người cách xa hoa lá nở chưa đây
những vì sao hoang chúng giờ ngày hấp hối
trời rộng đó và linh hồn đã mỗi
làm sao tìm nhau làm sao chờ nhau
làm sao thương nhau làm sao nhìn nhau*

TRẦN DẠ TỪ

THỜI GIAN

*ngón tay vàng trán động
duyên tình mười năm xưa
tấm gương vỡ nói chuyện lòng mình
thì thâm sợi dây nghìn mộng ảnh
lục huyền cầm
cánh cửa mở hoài chưa khép
linh hồn mười năm
tiếng đàn chìm sâu quá vãng
hư ảo bùng nổ mắt tròn
hòn sỏi trắng tinh
và mũi giao trinh nữ*

ĐÊM

*có phải em là tiếng khóc
chạy trên cánh đồng cỏ một chiều không mặt trời
im lặng ngó vào thung lũng
vách đá chơi vơi
nước mắt em rơi trên đầu con rắn vàng
cuộn mình trong bụi cỏ
làm anh nhờ đôi cánh tay ngăn
ôm lấy những buổi chiều vĩnh biệt
làm sao em vẫn còn ngồi khóc
khi sương lên buông đầy
cánh đồng hoang vu chỉ còn dãy núi đen
và con rắn độc cuốn lấy em
vừa mới chết*

DUY THANH

THƠ NHẬT BẢN

HỒ NAM

Có người bảo rằng nước Trung Hoa là quê hương, xứ sở của thi ca, tôi không muốn phủ nhận điều điều đó, nhưng riêng tôi nghĩ có lẽ không ở đâu nhiều người làm thơ và người thưởng ngoạn thơ bằng ở Nhật Bản. Điều đáng chú ý ở Nhật Bản là thi sĩ phần đông đều có thiên tài sáng tạo, và kẻ thưởng ngoạn thi ca rất « mắt xanh ».

«Thơ ở Nhật Bản lan tràn như ánh sáng », Lafeadro Hearsa nói quả không ngoa là mấy! Ở Nhật Bản người ta đã làm thơ như uống trà, (việc uống nước trà ở Nhật Bản là một việc làm

rất trịnh trọng và được coi như một tôn giáo) người Nhật coi thì ca là một trong những nhu cầu của cuộc sống, nhu cầu đó có tính cách huyền nhiệm và thiêng liêng. Thi sĩ Nhật Bản có mặt ở khắp các tầng lớp trong xã hội, họ có thể là người nông dân, người thợ và cũng là người công chức, nhà khoa học. Vì thế thì ca Nhật Bản có một không khí kỳ lạ vô cùng.

Hiện tượng này đã gây cho những người mới bắt đầu tìm hiểu thi ca Nhật rất nhiều khó khăn. Nhưng càng đi sâu vào thi ca Nhật Bản những khó khăn ban đầu càng mất hút đi. Thi luật Nhật Bản là một thứ thi luật rất cởi mở và tự do, vì thế ta có thể nói rằng thi ca Nhật Bản là một thứ thi ca ít ràng buộc nhất.

Với thi ca Nhật Bản vấn đề vần điệu đã gần như được buông thả và giải phóng. Khi sáng tạo người thi sĩ Nhật Bản hầu như không phải thắc mắc nghĩ ngợi một tí gì về vấn đề vần điệu cả, họ chỉ có việc mang cảm xúc để rải bày tâm hồn vào từ ngữ, vào thơ. Điều quan trọng trong

một bài thơ Nhật Bản là số chân (pied). Tuy thế sự ràng buộc này thật ra cũng rất mong manh. Vì ngôn ngữ Nhật Bản có đặc điểm là mỗi tiếng thường tận cùng bằng nguyên âm nên khi đọc nghe khá êm tai, do đó thi ca Nhật không cần chú ý tới âm điệu đọc vẫn để nghe như thường.

Những người mới làm quen với thơ Tanka thì người ta bảo rằng không nên làm mỗi bài thơ dài quá ba mươi một chân (1). Và thơ Haikai cũng thế, chỉ nên làm mười bảy chân là cùng (2). Nhưng điều này không đến nỗi ràng buộc quá như André Gide đã quan niệm về nghệ thuật: « Nghệ thuật bao giờ cũng là kết quả của sự ràng buộc. Nghĩ rằng càng được buông thả nghệ thuật càng cao siêu thì chẳng khác gì tưởng nhầm chính sợi dây đã hãm không cho chiếc diều bay bổng... Nghệ thuật sinh ra bởi sự ràng buộc và sống nhờ phần đấu rồi chết vì tự do ».

Thơ Nhật Bản là thứ thơ « thi tại ngôn ngoại » thứ thơ đọc ít phải hiểu nhiều, giống

như hình ảnh tranh chấm phá loại mực tàu giấy bản của người Trung Hoa. Đọc thơ Nhật Bản người thưởng ngoạn nghệ thuật bắt buộc phải có một thái độ cần thiết là: khám phá và sáng tạo. Có người cho rằng cá tính của thơ Nhật Bản là thẩm nhuần tinh thần triết lý dưỡng sinh của người Đông phương và ảnh hưởng nặng nề học thuyết Lão Trang. Thơ Nhật Bản rất gần thiên nhiên và ở Nhật Bản thiên nhiên với thi ca cũng đã hòa đồng. Quan điểm nghệ thuật « Văn phi sơn thủy vô kỳ khí » của thi sĩ Trần Bích San với thi ca Nhật Bản tôi thấy thật gần gũi nhau.

Người thi sĩ Nhật Bản là người ở Hải đảo, thú hải đảo Thái bình dương có núi lửa có nắng gắt. Cảnh vật ở hải đảo thật đẹp, cây cối tốt tươi, trời xanh gió mát, nhưng đời sống ở hải đảo thì lại rất mong manh. Con người trở nên quá ư nhỏ bé và rất bơ vơ, núi lửa thường trực đe dọa cửa mình, sóng biển gió mùa hung hãn luôn lăm le reo rắc giông bão. Do đó đời sống của người ở hải đảo thường lắng xuống và họ

sống trầm lặng trong suy tư như những triết nhân. Ta có thể nói rằng người ở hải đảo tâm hồn siêu thoát lâng lâng như bầu trời bát ngát cao xanh trên đầu họ. Không khí ấy cảnh vật ấy thêm học thuyết Lão Trang và Thần đạo nữa tất cả đã làm cho thi ca Nhật Bản thật huyền bí và tân kỳ.

Sau đây xin trích dịch ít vần thơ Tanka và Haikai của Nhật Bản. Thơ Tanka và thơ Haikai là hai loại thơ phổ thông nhất ở Nhật Bản, đọc nó người thưởng ngoạn nghệ thuật sẽ bắt gặp những sự ngạc nhiên thích thú và những hình ảnh mới lạ kỳ diệu:

THƠ TANKA

Chim trong lồng treo trước cửa nhà tôi không
hót

Và sớm nay mây mù

(Masaoka)

Những chiếc kim đồng hồ trong hiệu bán đồng hồ này chỉ giờ khác nhau — Các kiếp người cũng thế

(Josano)

Lửa nhà chài leo lét ban đêm buồn vô hạn

Nhưng trái đất hiện vẫn buồn hơn biển cả

(Aniko)

Ba mươi tuổi người ta cảm thấy đời chua chát

Cũng như hoa quả chưa chín ngay hè

(Wakayama)

Nhìn bụi cây ngoài đường

Tôi thầm tự hỏi cây kia có phải bóng hình ta chàng, tôi chạnh lòng

(Sasaki)

THƠ HAIKAI

Từ buổi em đi ta không còn tìm thấy hoa nào
trên trái đất này

(Soschi)

Hoa của trời là sao

Sao của đất là hoa

(Bansal Tsuchii)

Một cái hoa rơi lại bay lên cành

Không đó là con bướm

(Moritaki)

Hai ngọn tre non kẹp trăng vào giữa

(Chigoni)

132 | Sáng Tạo số 26 _ 11.1958

Mùa xuân êm dịu quá

Mây phủ trong lồng đức Phật từ bi

(Shiki)

Nhà tôi đã cháy

Không còn gì ngăn cản tôi ngắm trăng sáng

(Masahide)

Ồ chim gáy sao mi lại gáy xua mẹ ta ra khỏi
giấc mộng của ta

(Shokaku)

* * *

Tôi thường nghĩ bản tính của thi ca là sự
hồn nhiên và thơ ngây. Tôi không ngờ mình
bắt gặp được bản tính ấy ở những vần Tenka và
Haikai của người Nhật Bản.

Cái trong sáng và bình dị của những vần Tanka và Haikai đã đi thẳng vào tâm hồn tôi, nó chinh phục tôi nhanh quá. Có người bảo Tanka và Haikai là một trò tiểu xảo. Tôi không muốn phản đối điều ấy nhưng tôi yêu cái tiểu xảo đó lắm. Chỉ có thế thôi.

HỒ NAM

1) Sự bố cục một bài thơ Tanka thường được xếp đặt như sau:

Câu thứ nhất năm chân — Cẩn thứ hai bảy chân – Câu thứ ba năm chân – Câu thứ tư bảy chân – Câu thứ năm bảy chân.

Thí dụ bài thơ sau đây Minh trị Thiên hoàng phiên âm theo mẫu tự La Tinh:

Sachi noboru

Asahi no gotoku

Sawayaka ni

Motama hoshiki wa

Kokoro narikeri

“Ta muốn

Luôn luôn

Lòng ta quang đãng

Như thái dương ngồi sáng

2) Sự bố cục một bài Hailai thường được xếp đặt:

Câu thứ nhất năm chân – Câu thứ hai bảy chân
– Câu thứ ba năm chân.

MỘT CÔNG TÁC KIẾN THIẾT MIỀN HẬU GIANG

NGUYỄN THIỆU LÂU

CHÚNG ta đọc sử, thấy ghi sơ sai, vào năm Đinh Sửu (1817) tức là năm thứ mười sáu, triều vua Gia Long, tháng mười một, ta đào sông Tam Khê.

Thế nào là sông Tam Khê? Vào năm 1817, cách đây 140 năm, các cụ ta đã đào một con sông to, ấy là sông Tam Khê.

Người phụ trách đào là Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy.

Sông đào xong, vua Gia Long đặt tên là Thụy Hà. Gần đấy có một trái núi, tên nôm là núi Ấp (nói là Lạp cũng được), Ngài đổi ra tên chữ là Thụy Sơn.

Sở dĩ có việc đặt tên sông, tên núi này, lấy chữ Thụy làm đầu, là vì Ngài nghĩ rằng non sông miền Kiến Giang phải ghi tên người đã lãnh đạo có kết quả mỹ mãn, không những về hành chính, chính trị, quân sự mà còn về nhân sinh nữa.

Người đó là Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy.

* * *

Bây giờ chúng ta đi thăm miền Kiến Giang, sau khi ta đã xem bản đồ một trăm phần nghìn. Ta thấy gì?

Ta thấy biết bao nhiêu con sông đào, ngang dọc như đường bàn cờ.

Tổ tiên ta đã đào các sông này, từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ đời vua Gia Long đến bây giờ, chỉ dùng cái thường, cái cuốc mà thôi.

Phải đào sông, rồi đào mương để lấy nước vào ruộng.

Nhưng, nếu bây giờ ta đi thăm miền Kiến Giang, ta thấy ruộng lúa bát ngát, xanh um khi lúa mọc, vàng ửng khi lúa chín ta nên nhớ lại cảnh miền này trước đây một thế kỷ rưỡi.

Trước đây độ khoảng một trăm năm mươi năm, miền Kiến Giang như thế nào?

Miền này hồi đó rậm rạp lắm.

Sử cho biết là đường thủy đi qua Kiến giang toàn bùn và cỏ, thuyền không đi được.

Vậy đường giao thông bị bế tắc và trong những đám bùn cỏ đó, các giống rắn tha hồ sinh sôi nảy nở. Các cây dại mọc khắp nơi. Và

chất đất là đất phèn. Trong các thứ cây dại thì cây chàm là nhiều nhất, mọc thành rừng. Chất đất phèn là điểm tai hại. Vì phải rửa đất phèn này đi thì mới cấy được lúa gạo.

Vẫn biết rằng trong mùa mưa, nước mưa tràn ngập, thấm xuống đất chìm chất phèn xuống sâu, nhưng trong mùa hanh, chất phèn lại do sức nóng hút lên trên.

Vậy phải làm lạt đất phèn, phải rửa đất này... bằng nước ngọt của sông Cửu Long.

Nghĩa là thế nào?

Nghĩa là phải vét sông Tam Khê, phạt bờ cho hết cỏ, đào sâu mà phải đào cho khéo, để lấy nước sông Cửu Long vào.

Con sông Tam Khê đã là một con sông chết, bây giờ phải cho nó sống lại, phải cho nó thuộc lại hệ thống các sông nhánh của sông Cửu Long.

Mở rộng và vét sông Tam Khê là việc thứ nhất phải làm.

Việc thứ hai là phải đào mương, ngang dọc như bàn cờ, ăn sâu vào các làng xa lánh.

Nước ngọt của con sông Cửu Long, mỗi ngày một lần, hoặc ngày, hoặc đêm, tùy theo giờ nước thủy triều dâng lên, nước ngọt này sẽ theo các đường mương mà ăn sâu vào các làng, rửa đất phèn.

Nhờ các mương này mà nông dân mới có ruộng tốt. Đất không phải là miền đồng chua nước mặn nữa. Lúa mọc tốt ở ruộng và các cây ăn trái mọc tốt ở vườn.

Bây giờ ta xét việc đào sông Tam Khê đã như thế nào.

Ta đọc sử, thấy ghi mấy chi tiết như sau này:

« Năm Đinh Sửu (1817) tức là năm thứ mười sáu triều vua Gia long, tháng mười một, đào sông Tam Khê

Sông ấy cách trấn Vĩnh Thanh đến hai trăm mười bốn (214) dặm. Từ phía Tây bốn dặm rưỡi (4 1/2) chảy qua sông Tam kỳ rồi hiệp với sông Cần Đăng. Phía Tây nam năm mươi chín (59) dặm chảy qua sông Lạc dục. Từ phía ấy, qua phía Nam năm mươi bảy dặm rưỡi (57 1/2,) đến Khe song ».

Sử còn ghi:

“Ngài nghĩ chỗ ấy gần Chân Lạp, địa thế rậm rạp lắm, đường thủy đi qua Kiến Giang thời bùn và cỏ thuyền không đi được. Ngài khiến Trấn thủ Nguyễn Văn Thụy sửa sang đường sông. Bắt dân mình và dân Cao man một nghìn năm trăm (1.500) người phát tiền, gạo cho, khiến nhân đường cũ mà đào cho rộng.

Hơn một tháng mới xong. Rộng mười trượng, sâu tám trượng, lợi ích cho dân lắm.

* * *

Việc đào sông Tam Khê, cũng như các sông khác, đối với các cụ ta, không phải là việc khó, cũng như việc đào mương, dẫn nước vào ruộng. Vì chúng ta vốn là dân cày ruộng, từ vài ba ngàn năm nay. Phá rừng nước, rửa đất phèn, cày, bừa, đắp bờ, lấy nước vào ruộng khi hạn hán, tháo nước ra khi nhiều quá, ấy là công việc thường năm.

Nhưng phải có sự hướng dẫn của Chính phủ thời người nông dân mới canh tác được.

Và mới:

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Trần thủ Nguyễn Văn Thụy đã chẳng có kỹ sư, chẳng có máy móc gì cả. Nhưng Người đã

có cái địa bàn, cái dây thừng, cái cọc tre, có khi thật dài, cả một cây tre cao. Cũng như nhân công chỉ cần có ít gạo, ít mắm, muối với cái thuốc, cái cuốc mà thôi.

Muốn ngắm phương hướng thời có địa bàn. Muốn đo đường thẳng, ngang, dọc, thời ta đóng cọc, căng giây. Muốn vét lòng sông sâu đến đâu thời ta cắm cây tre ở giữa lòng. Muốn cho bờ sông hai bên đều nhau thời ta căng dây.

Ấy chỉ có thể thôi.

Mà cách đây một thế kỷ rưỡi, Trần thủ Nguyễn Văn Thụy đã có một công to với dân tộc, với miền Kiến Giang, ấy là đem cơm cho dân ăn bằng sự khai thác thiên nhiên.

Công cuộc đó bây giờ vẫn tiếp tục.

NGUYỄN THIỆU LÂU

ĐÒ DỌC

THAO TRƯỜNG

Tôi đi nhận việc ở Huế như đi vào mùa xuân. Từ lâu tôi vẫn hằng ao ước được sống ở miền sông Hương núi Ngự. Huế với những danh từ quyến rũ, với những bài ca thơ mộng, những điệu hò tha thiết, ảo não... đòi đoạn. Thần kinh với bao lời tán tụng thi vị hóa đã làm tôi thêm muốn được đặt chân tới Huế, hít vào đầy lồng ngực bầu không khí Huế mà tôi cảm thấy nó vô cùng tươi mát khi bắt đầu xuống đèo Hải Vân. Cái sự hấp tấp si tình của tôi với Huế như thái độ một gã con trai đi tìm người yêu. Hẳn hằng ao ước, hằng chờ đợi cái ngày được gần người đẹp, nếu không thì

chưa phải là yêu nhau. Cũng như tôi, tôi vẫn cho rằng nếu chưa biết Huế thì tôi chưa phải là người Việt Nam thuần túy.

Buổi chiều đầu tiên ở Huế, tôi thả bước dọc theo bờ sông. Gió Hương Giang lùa lên ngấm vào thân thể. Con đường bờ sông chạy dài đẹp trong sạch. Qua trường Đồng Khánh bóng dáng các nữ sinh là những đường nét màu sắc vô cùng linh động, vô cùng rực rỡ, vô cùng tế nhị của một bức tranh vô cùng quý giá của dân tộc. Nước nào trên thế giới có được một cảnh đẹp như cảnh nữ sinh Huế tan học ra về trên bờ sông Hương? Các em là sắc thái đặc biệt nhất của Việt Nam. Tôi có những cảm giác thơm lành và trong mát khi được nhìn các em cắp sách rời trường.

Khi ngang cầu Tràng Tiền, cùng chiều với tôi, những chiếc lưng nhỏ nhắn trên những chiếc xe đạp vút qua, vút qua. Tôi sung sướng nhìn những cái eo, những mớ tóc lò xo xa

dần xa dần ở bên kia cầu. Đẹp vô cùng là trang nhã.

* * *

Từ ngày buông chiếc cặp học trò xuống để với tay ra cuộc đời, chưa bao giờ lòng tôi thanh thản như bây giờ. Tôi không nghĩ đến những phiền toái đã qua. Tôi cũng không thắc mắc về sự diễn tiến của cuộc sống, cũng không có ước vọng cầu kỳ cho tương lai. Cả đến những hình ảnh của những người yêu cũ cũng chỉ còn là những kỷ niệm mơ hồ, không còn làm tôi xúc động mỗi khi nghĩ đến. Và cái thái độ của Nguyệt khi về nhà chồng còn gửi cho tôi một tấm ảnh chụp chung với chồng – nàng đứng nghiêng đầu dựa vào chồng, mắt cười sung sướng thỏa mãn – khi lễ cưới với hàng chữ « Ngày sung sướng nhất, của vợ chồng chúng tôi ». Tôi nhớ, hình như thời kỳ còn yêu nhau, đã có lần Nguyệt đón đến bật mắt tôi và hôn lên môi tôi rất lâu rồi hỏi:

– Đố. Ai?

Tôi trả lời:

– Người con gái « chiếm đóng » hôn tôi.

Nguyệt lúc ấy cũng dựa vào tôi, nghiêng đầu cười:

– Anh lãng mạn như một... nghệ sĩ!

Chuyện Nguyệt lấy chồng rồi gửi ảnh cho tôi không còn là chuyện đau khổ nữa. Và những lá thư phân trần của Nga, của Thân viết cho tôi để cắt nghĩa tại sao họ phải đi lấy chồng, tại sao họ không thể lấy tôi bây giờ cũng là những hành động rất hợp lý. Tôi nhìn nhận rằng tôi đã thua, chịu hết cả. Những chuyện tâm tình cũ đã chìm về chiều sâu của dĩ vãng. Hoàn toàn thư thái. Cuộc sống tưởng như có thể tầm thường hết chỗ nói. Ban ngày dạy học, tôi phụ trách về Việt văn tại một trường Trung học. Công việc trôi chảy theo lương tâm của một người mang

nhiệm vụ truyền bá. Lớp học là nơi để tôi diễn tả các hiểu biết của tôi cho các học sinh.

Buổi học tan bao giờ tôi cũng nán lại thưởng thức cái đẹp vô cùng của bức tranh nữ sinh ra về. Trong lớp các em là học trò tôi, nhưng khi ra về các em chỉ còn là những đường nét của một bức họa — bức họa của tôi, tôi tự nhủ thế — tiếng nói, tiếng cười, tiếng guốc ngân trên hè phố, gió quện tà áo trắng và mơn trớn trên mái tóc đen. Các em chỉ còn là bức họa của tôi, bức họa sống động nhất trong phòng triển lãm rộng lớn của cuộc đời. Tôi nghĩ rằng, không nhìn bức họa ấy rồi phòng triển lãm sẽ đóng cửa; rồi người ta sẽ cất bức họa ấy đi. Như thế là mất. Biết đâu ít năm nữa, đời sống thay đổi, Thần kinh biến dạng. người con gái Huế đi học không còn là người con gái Huế ngày nay. Hết áo trắng, chẳng tóc thế, không nón bài thơ, người nữ sinh Huế sẽ như những người nữ sinh Hà Nội thừa nào hay Sài Gòn ngày nay, nếu không biến thành những người con gái đăng hình trên bìa những tờ tuần báo.

Nghĩ thế nên tôi sung sướng vô cùng và cho rằng chỉ có tôi mới có bức họa ấy, chỉ có tôi mới nhìn thấy cảnh đẹp ấy, chỉ có tôi mới biết yêu và hưởng lấy cái đẹp của những đường nét màu sắc ngoài cổng trường. Những giờ nghỉ tôi đọc sách. Ban đêm tôi thức đến mười một giờ để soạn một tập sách giáo khoa sắp xuất bản. Ngày nghỉ tôi ưa đi thăm thắng cảnh và những di tích lịch sử. Tôi đã đứng rất lâu trước những bức tranh quân Pháp đánh Việt Nam treo trong lăng Đồng Khánh. Cũng có khi tôi đứng lặng, tì mũ vào cửa kính tủ sách ở lăng Tự Đức ngửi cái mùi mông mốc xông ra. Sờ từng bộ râu, vỗ vai từng ông tượng đá Đại thần trong lăng Thiệu Trị cũng là một cái thú.

Có một lần tôi chợt có ý tưởng: « Chết mà để lại một nắm mồ như những vua chúa này cho người ta đến xem thật là một điều nhục nhã. Tôi chết, tôi sẽ chết một mình ở một nơi thanh vắng, như biển khơi chẳng hạn. Bởi ít nhất đời mình đã đau khổ nhiều vì sự thối mả của cuộc sống, đến lúc chết mình cũng

phải được chết trong thanh thản, trong tự do; không tiếng khóc, không người tiếc thương, không đưa đón rầm rộ, không để lại một nắm đất, một lùm cỏ. Bỏ hết cả. Chỉ trừ những gì tôi viết được để gửi cho cuộc đời. Và chết cũng cần phải được tự do.

Ngoài những cái thú đi ngoạn cảnh, tôi còn một sở thích nữa là đi ăn phở vào những hôm trời mưa. Đi ăn phở một mình, chỉ một mình thôi, ở một hàng đường Gia Long vào những ngày mưa. Tôi cũng không có ý định sẽ rủ người bạn nữ trợ tá xã hội bên hàng xóm cùng đi, dù nàng là người rất vui tính, bất thiệp và dễ thương. Những bát phở nóng gọi lại cho tôi cái không khí Hà Nội. Tôi ngồi ăn một mình để được hưởng tất cả cái cảm giác nhớ về quê hương ấy.

* * *

Đời sống giản dị như vậy. Bức họa của tôi vẫn còn và vẫn đẹp. Thắng cảnh còn nhiều để

tôi tiếp tục thưởng ngoạn. Những bát phở Bắc vẫn nóng, vẫn thơm, dễ gợi cảm cũng chỉ có mười đồng. Và người bạn nữ trợ tá vui tính, bất thiệp, dễ thương vẫn đi làm ngày hai buổi đều đặn, có đôi khi nhờ tôi giảng cho một bài ngoại ngữ học thêm.

Công việc hàng ngày của tôi xảy ra như thời khắc biểu, và mùa xuân đến như xấp lịch phải hết. Dù muốn dù không những ngày nghỉ cuối năm cũng làm tôi buồn một mình. Tôi nhớ Hà Nội của tôi. Tâm tình đang phảng lảng, rồi tết đến, chợt xao động. Tôi nhớ những người thân yêu còn ở lại, những phố xá quen thuộc xưa cũ, những kỷ niệm học trò bên bờ hồ Gươm, những buổi chiều đi chơi với Kim trên đường Cổ Ngư gió lộng. Tôi còn nhớ rõ một lần tà áo dài của Kim bị vướng vào bánh sau xe đạp, tôi vừa gỡ ra cho Kim vừa nói khe khẽ đủ cho hai người chúng tôi yêu nhau:

– Em hoảng hốt vì tà áo mắc kẹt, trông đẹp như thiên thần giận dữ.

Kim cúi xuống gần tôi:

– Anh cúi húi gỡ tà áo cho Kim, cũng đẹp như hình ảnh một người chồng.

Nhưng chúng tôi chưa thành vợ chồng. Kim ở lại ngoài ấy. Hôm quyết định tôi nói:

– Anh đi.

Kim buồn:

– Em thì ở lại.

Tôi không hỏi vì sao Kim ở lại. Tôi cũng không tìm cách cho Kim thay đổi ý định. Chúng tôi bao giờ cũng tôn trọng tự do của nhau. Mặc dù lúc ấy chúng tôi đau khổ. Mặc dù lúc ấy chúng tôi hiểu rằng không cùng chung một quyết định chúng tôi sẽ vĩnh viễn xa nhau. Mỗi người một hướng đi riêng biệt. Kim ở lại, tôi đoán chừng là nàng không muốn xa Hà Nội hoặc nàng có xu hướng cộng sản chăng?

Hôm tôi già từ Hà Nội, Kim đưa tôi chiếc khăn san đỏ của Kim và nói một câu độc nhất:

– Anh giữ lấy. Kim đấy.

Tôi bỡ ngỡ:

– Kim... đỏ?

Kim cười buồn không nói, nàng nhìn tôi rồi đưa mắt ra chiếc máy bay sắp cất cánh. Tôi hiểu. Thế là vĩnh viễn xa nhau. Tôi nghĩ như vậy và chắc Kim cũng cùng ý nghĩ như tôi.

* * *

Ngày cuối cùng của một năm buồn hơn bao giờ hết. Tôi bỏ sách vở, bỏ những công việc thường ngày để đi lang thang. Trời lành lạnh lại càng giục tôi nhớ Hà Nội. Hồi chiều tôi mua một chiếc khăn san đỏ khác choàng cổ để nhớ Kim, vì chiếc khăn Kim đưa hồi còn ở Hà Nội tôi đã cho một người con gái trên Đà Lạt. Điều

này nếu Kim biết chắc nàng cũng không giận tôi – vì tôi là đàn ông.

Tôi đi dọc theo đôi bờ sông Hương. Không bao giờ hút thuốc lá nhưng hôm nay tôi hút thuốc lá, mà hút rất nhiều. Cũng chẳng hiểu như thế để làm gì. Tôi đồ chừng là tại buồn. Đến đầu cầu Gia Hội thì có một người đàn bà đi gần lại hỏi khi tôi có đi đò không? Tôi nhìn người ấy. Mụ cười, nháy mắt:

– Đò dọc. Đẹp lắm. Thày buồn nhiều phải không?

Tôi gật đầu ưng thuận, nói một tiếng không phải là tiếng Việt Nam:

– Oui.

Mụ dẫn tôi vòng xuống mà sông, chỗ có một cây to. Lúc đó trời đã chạng vạng tối. Những con đò nằm chết lạng trên sông đã hé mắt. Tôi bước xuống khoang đò theo mụ. Mụ chui vào

trong kêu khẽ « Ngọc » và mời tôi vô trong, rồi mụ về đằng lái đẩy đồ ra dòng chèo theo chiều nước chảy. Tôi chui vào trong khoang với Ngọc.

Người ta có những phút vừa mừng vừa tủi thì cái phút mừng tủi nhất của đời tôi và Kim là cái lúc tôi chui vào khoang đồ với Ngọc. Tôi tưởng Ngọc là đứa gái điểm lén lút xa lạ nào chứ tôi có ngờ đâu Ngọc lại là Kim của tôi. Gặp nhau bất ngờ mắt chúng tôi cùng sáng lên bờ ngô. Tôi ôm lấy Kim vào lòng. Còn Kim thì im lặng không nói. Nàng cúi xuống nhìn chiếc chiếu như nhìn vào quãng đời vừa qua của nàng.

Chúng tôi ngồi ôm nhau lâu lắm. Kim vẫn im lặng. Nàng gục vào vai tôi chảy nước mắt. Tôi định hỏi vì sao nàng ra nông nỗi này nhưng tôi không dám. Tôi có nhiều câu để hỏi Kim nhưng tôi nghĩ rằng không nên nói ra. Gặp nhau trong trường hợp này không nên hỏi han, không nên biết những điều đã qua của nhau.

Tôi biết rằng Kim đang đau đớn. Rằng Kim cắn chặt lấy môi dưới. Ngày xưa mỗi lần Kim buồn khổ điều gì Kim cũng làm như thế. Tôi vuốt tóc nàng:

– Em còn tin anh chứ?

Kim đang cúi đầu, nàng còn gật xuống thấp nữa.

– Vậy thì anh bảo: Anh yêu em.

Kim ngược mắt lên nhìn tôi hoảng hốt rồi lại cúi xuống.

Tôi nói:

– Hà Nội sao hờ Kim?

– Hư hỏng.

Một lát nàng tiếp:

– Như em...

Tôi hôn vội lên môi nàng. Hôn xong tôi bảo Kim:

– Nhưng còn Sài Gòn.

Rồi cũng ngừng một lát tôi tiếp:

– Và còn anh của em nữa.

Lúc đó Kim hôn tôi như tôi đã hôn nàng. Hai chúng tôi ngã người ra chiếc gối. Ánh đèn dầu lơ mờ, Kim sờ chiếc khăn đỏ ở cổ tôi:

– Khăn ngày xưa?

– Không phải. Khăn ngày xưa anh đã cho một người con gái trên Đalat. Khăn này anh mua hồi chiều. Nhưng bao giờ anh cũng yêu em.

Kim dụi đầu vào ngực tôi:

– Anh vẫn chân thật như hồi nào. Em thì chả còn gì, lại già và xấu nữa.

Tự nhiên tay tôi đỡ lấy người Kim, nằm nghiêng, và tôi nói:

– Em có những cái đẹp mà em không biết. Em đẹp ở cái trầm lặng, em đẹp ở cái chân thật. Anh yêu những thứ đó. Em là vợ anh. Đêm nay là đêm tân hôn. Em là vợ anh. Đêm nay là đêm tân hôn của chúng mình. Lúc đó tôi là một người đàn ông nhiệt tình. Nằm cạnh Kim, có lúc tôi nghe rõ cả tiếng ò ọ sôi bụng của nàng,

* * *

Nửa đêm thì đồ chúng tôi bị kiểm tục vấy bắt. Khi mục chèo đồ báo động, Kim hốt hoảng bảo tôi:

– Anh mặc quần áo vào. Nhanh lên.

Rồi nàng vợ vội lấy cái quần định xỏ hai chân vào. Tôi choài người ôm lấy Kim:

– Chả cần phải thế, em. Chúng mình sẽ là vợ chồng. Anh muốn chúng mình cứ vẫn đang hoàng. Việc này để xác nhận với mọi người chúng mình yêu nhau, chúng mình là vợ chồng, dù chúng mình có phải đi xa khỏi nơi này.

Kim ngoan ngoãn không phản đối. Nàng nằm im với tôi.

Chúng tôi bị dẫn về Ty kiểm tục và người ta còn nói rằng người ta bắt được quả tang. Kim thì từ lúc lên bờ nàng luôn luôn đi sát tôi, có lúc gần như dựa vào tôi mà đi. Tôi choàng cho nàng chiếc khăn đỏ để bớt lạnh, tay tôi ôm ngang lưng nàng.

Thế rồi tôi mất việc làm. Nhà trường có lý là không thể mướn một giáo sư bị kiểm tục bắt quả tang. Nhưng tôi với Kim thì đã chính thức thành vợ chồng theo tập quán xã hội. Tôi với Kim dự định rời Huế về một trại định cư ở Cái

Sấn. Tôi sẽ đi cắm tra lấy cá và viết sách ca tụng những người yêu nhau.

Kim thì vẫn yêu tôi như hồi còn Hà Nội.

THAO TRƯỜNG

THỦ KHOA BÙI HỮU NGHĨA

THÁI BẠCH

NÓI đến văn học miền Nam, chúng ta không thể bỏ qua hoặc không biết đến ông Bùi Hữu Nghĩa, người đã vang bóng trong một thời ở thế kỷ 19 với vở tuồng « Kim thạch kỳ duyên » cùng nhiều thi phẩm khác mà đồng bào ở đây đã có câu khen ngợi:

Đồng Nai có bốn rồng vàng

Lộc họa, Sang đàn, Lễ phú, Nghĩa thi

Và:

Vĩnh Long có cặp rồng vàng

Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thần.

Ông Bùi Hữu Nghĩa tuy đã thành người thiên cổ từ lâu, nhưng danh ông vẫn còn ghi lại ở nhiều học đường, thi văn ông vẫn còn tồn tại trong chương trình giáo dục, và gần đây, tên ông lại được đặt cho một con đường lớn của thủ đô. Xem đó chúng ta đã biết người Việt nói chung, và đồng bào miền Nam nói riêng đã đối với ông như thế nào. Ông người làng Bình Thủy, tỉnh Vĩnh Long (nay thuộc quận Ô Môn tỉnh Cần Thơ) sanh năm 1807 và mất năm 1872, hưởng thọ 66 tuổi, biệt hiệu là Nghi Chi và Liễu Lâm cư sĩ. Con cháu ông ngày nay đã rời đi nơi khác, không mấy người biết ở phương nao. Nhưng mộ ông vẫn còn rầu rĩ tuế nguyệt ở đất Trùm neo, cách thị xã Cần Thơ độ 5 cây số và trước mộ còn tấm bia khắc chữ: “Đại Nam, hiền khảo giải nguyên, Bùi phủ quân chi mộ, tốt ử Nhâm Thân niên chánh nguyệt, năm nhất nhật”. Năm 1943, Hội khuyến học Cần Thơ có tổ chức xây lại mộ phần. Trong dịp này, một nhà thơ miền Nam là Tây Đô cát-sĩ tức cảnh làm một bài thơ viếng mộ, đoạn kết có nói rằng:

*Hiu hắt phòng vắng một bóng đèn,
Nhớ ai lần giờ tập Kỳ duyên.
Lẳng nghe cảnh vắng đêm u tịch;
Như khoảng bên thêm nổi tiếng quỳên.*

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP ÔNG BÙI HỮU NGHĨA

Xuất thân trong một gia đình bình dân, thân phụ ông là cụ Bùi Văn Vi làm nghề chài lưới. Ông là người có tướng mạo khôi ngô, trán rộng, râu dài, dáng người thật oai phong. Nên có lần đi dẹp giặc bị quân Miên bắt được, tướng giặc thấy dung mạo đem lòng kính nể mà tha cho về nước.

Ông theo học cụ Đồ Hành bên Gia Định, ở trọ nhà ông Nguyễn Văn Lý làng Mỹ Khánh, rồi kết hôn cùng con gái ông này là Nguyễn thị Tồn.

Thi đỗ Thủ khoa năm Ất Vị (1835) tại Gia Định. Ông ra Huế thi Hội nhưng rớt, và được vào tập sự bộ Lễ để đợi ngày thuyên bổ.

Kế đó, ông được bổ làm Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Ít lâu sau đổi về Trà Vang, tỉnh Vĩnh Long.

Tính ông cương trực và tự kiêu nên không được lòng các quan trên lúc đó, đa số là những kẻ tính ưa thiên vị và bợ đỡ, nên sau đó nhân việc giải quyết sự tranh chấp thủy lợi ở Láng Thè, viên bố chính tỉnh này đã làm cho ông suýt bị rơi đầu, nếu không nhờ được bà vợ đảm đang, quyết đoán ngồi ghe bầu ra tận ngoài kinh để kêu oan.

Sau vụ án này, ông thoát tội tử hình, nhưng phải cách chức xung quân đi làm thủ ngữ đồn Vĩnh Thông ở biên giới Miên, Việt. Nhờ công dẹp giặc ở biên giới, ông được lên chức Quản cơ. Nhưng rồi trong một trận khác, ông thua và bị bắt rồi được tướng giặc người Miên tha

về như trên kia đã nói. Ít lâu sau thì ông xin từ chức về nhà hốt thuốc và dạy học. Trong những ngày này, ông thường đi lại với các ông Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Văn Lạc, Tôn Thọ Tường v. v...

Năm Đinh Mão, niên hiệu Tự Đức thứ 20, quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Qua năm sau tức năm 1868, phong trào khởi nghĩa nổi dậy khắp các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Trong một cuộc tấn công của Pháp vào tỉnh Vĩnh Long, ông bị bắt đưa về thị xã. Người Pháp nghi ông có nhúng tay vào cuộc khởi nghĩa nên giải về bộ tư lệnh đóng ở Gia Định. Nhờ có Tôn Thọ Tường và Đỗ Hữu Phương can thiệp nên được thả về, và sau đó 14 năm thì mất.

SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

Bình sinh Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa sở trường về các lối văn thơ vô luận là nôm hay là chữ. Về chữ thì nay chỉ còn truyền lại ít câu đối

ít bài thơ, như câu đối dán nhà thầy bởi, ông
Bùi viết:

*Thiên địa quỷ thần, tâm trung hữu thành
Đông, Tây, Nam, Bắc, mục hạ vô nhân,*

Nghĩa là:

*Trời đất quỷ thần, trong lòng có thành
Đông, Tây, Nam, Bắc, dưới mắt không người.*

Khi tức cảnh ngồi thuyền câu cá lúc trời
mưa, ông vịnh:

Thu vũ liên hà giáp ngạn phôn;

Như ca ái ái náo tiền thôn.

Thiên biên nhất nhất hoành không lộ;

Giang thượng song song phá lãng đồn.

Cao thu loan đao phong tự chiến

Lạc hoa bất tự thủy như bồn.

Biển châu nhất trạo tri hà vãng?

Tháp thượng đàm tàn tửu mãn tôn.

Ông Nguyễn văn Nghĩa dịch:

Sen gặp mưa thu rộ loáng bờ;

Rộn nghe thợ lưới hút u ơ.

Chân mây cỏ rập cánh dài đặc

Mặt nước sóng đùa đầu bạc phơ.

Gió thổi cây chòm rung lập cập;

Nước đưa hoa rụng chảy lờ đờ.

Thuyền dong nào biết ai đâu hử?

Cùng khách chuyện riêng sau gặt gờ.

Về thơ Nôm thì còn lại khá nhiều, như các bài: “Nói còn chị cưới con em”, “Ngũ tử Tư suy tiêu”, “Thế cuộc”, “Đũa bếp”, “Cây bần”, “Cây vông”, “Thợ bạc”, “Câu cá”, “Đi thuyền qua Thoại sơn”, “Hà âm mộ cảnh”, “Quan công thất thủ Hạ bì” và bài thơ “Bị bắt giam ở Vĩnh Long” v. v.... Trong các bài này có bài Hà âm mộ cảnh (tả cảnh trời chiều ở Hà Âm, một chiến trường

cũ ở Hà Tiên, nay thuộc tỉnh Châu Đốc) là cảm động, và được nhiều người truyền tụng lại hơn hết. Dưới đây là nguyên văn:

Mịt mù mây đen kéo tối dầm:

Đau lòng năm trước chốn Hà âm.

Đống xương vô định xương phau trắng,

Giọt máu phi thường cỏ nhuộm màu.

Gió tốt vật về nơi chiến lũy:

Đèn trời leo tắt ngọn u lâm.

Nôm na xin mượn câu thơ điệu;

Dẫn dỏi đêm trường tiếng dế ngâm.

Kế đó là bài Quan công thất thủ Hạ bì, bày tỏ tâm sự khi bị giặc Miên bắt:

Hạ bì thừa nọ chẳng nhường nao;

Gương sáng chi lắm chước tòng thao,

Chén rượu anh em keo gắn chặt

Tấm lòng tôi chúa đuốc chong cao.

*Theo rồng dốc nhóm mây trời Hán;
Xuống ngựa đâu tham bạc đất Tào.
Hai mối cương thường gồm đặn cả,
Ngàn năm thơm để tiếng anh hào.*

Ngoài các bài thơ trên, ông Bùi Hữu Nghĩa còn có một vài bài văn tế lưu lại như « Văn tế con gái », « Văn tế vợ » và « Văn tế vợ thổ tế chồng chết ». Song những bài này vì dài và nhiều điển cố, nên cũng ít ai truyền tụng mà chỉ còn ghi trong sách vở.

HỌA THƠ TÔN THỌ TƯỜNG

Khi Tôn Thọ Tường ra cộng tác với Pháp có làm bài thơ tự thuật để tỏ cho sĩ phu và bạn hữu biết cho lòng mình là ngộ biến tòng quyền, toàn bài 10 đoạn gồm 80 câu, mỗi câu 7 chữ,

tổng cộng là 560 chữ. Tục truyền sau khi đọc bài họa lại của ông cử nhân Phan Văn Trị, ông Bùi Hữu Nghĩa cũng đáp lại họ Tôn, nhưng bây giờ chỉ còn thấy ghi lại có 8 câu ở đoạn đầu:

*Anh hùng sáu tình thiếu chi đây,
 Đâu để giang sơn đến thế này,
 Ngọn lửa Tam Tần bùng đốt cháy,
 Chòm mây Ngũ quý rợp trời bay.
 Hùm nường non rậm toan chó thả;
 Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.
 Một góc cảm thương dân nước lửa.
 Đền Nam trụ cả dễ lung lay!*

Sau đó, Tôn TTường bị bí lối nên phải làm bài « Từ Thứ quy Tào » với những vần điệu rất khó để tự ví mình khi ra theo Pháp cũng chẳng khác nào như Từ Thứ phải bỏ Lưu Bị mà qua Tào:

Thảo đâu dám sánh kẻ cày voi.

Muối sát lòng ai nấy mặn mòi.

Ở Hán hãy còn nhiều cột cả.

Về Tào chi xá một cây còi,

Bâng khoảng nhớ mẹ khôn nâng chén

Bịn rịn thương vua biếng giở roi

Chẳng đặng khôn Lưu đành đại Ngụy.

Thân này xin gác ngoại vòng thoi

Thủ khoa họ Bùi được bài ấy, không lấy để họa đề như ông Phan Văn Trị, người quyết liệt kết luận cho Tôn là kẻ « Về Tào miệng ngậm như bình kin; Trân trọng lời vàng đáng mấy thoi ». Đây bài « Đũa bếp » để họa vắn, trả lời Tôn:

Đẽo đã không nên cái búa voi.

Để làm đũa bếp nhắm ra mòi.

Sợ là ngũ đĩnh chi sồn nóng.

Khuấy vạc tam thai chẳng sợ còi.

Gặp cục than hồng đã sẵn gấp,

Giận con đôi lại khỏi quơ roi.

Xông sơn nước lửa dư trăm trận

Công nghiệp nay đã đáng mấy thôi.

So với Phan Văn Trị, Bùi hữu Nghĩa kém hơn cả về tài lẫn ý. Nhưng qua đó, cũng thấy rằng, gặp lúc tai dân nạn nước, ông Bùi vẫn giữ vững được lập trường của mình, không bị những luồng gió bão thời đại làm siêu ngả như những kẻ tầm thường khác. Cho nên đối với ông, người đời sau chẳng những khen ông là một người có tài học mà còn có tiết tháo làm người, trước sau không bị bả vinh hoa ràng buộc lôi kéo làm mất phẩm hạnh của những con người đã từng bao năm rèn luyện trước sân Trình của Khổng.

VỞ KIM THẠCH KỲ DUYÊN

Vở Kim thạch kỳ duyên đã nổi tiếng thi văn ở Đồng Nai, Bến ghé. Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa còn là một tay viết tuồng trứ danh hồi thế kỷ thứ 19. Ông có soạn ba vở tuồng hát bộ là: Tây du, Mậu tông và Kim thạch kỳ duyên. Hai vở trước không còn, nhưng Kim thạch kỳ duyên vẫn còn được nhiều người nhắc đến và đã có những bản in bằng quốc ngữ từ năm 1895. Sau đây xin lược qua cốt chuyện:

« Kim Ngạn Yêm một danh sĩ đời Tống thi đỗ Giải nguyên được bổ làm tri huyện Bồ châu. Trên đường đi nhậm chức, Ngạn Yêm cùng con trai là Kim Ngọc đến Tô châu gặp nhà phú hộ Lâm Vượng. Lâm nhà giàu nhưng hiếm hoi, vợ chồng chỉ sanh được hai con gái, chị là Ái châu và em là Tô châu. Cả 2 cùng hương trời sắc nước.

Thấy Kim Ngọc đã là con nhà quan lại tướng mạo khôi ngô, Lâm liền nhờ người mối

lái để gả Ái Châu cho Kim Ngọc. Hai họ Lâm, Ngạn cùng nhau đính ước làm thông gia, và đợi sau khi Ngạn Yêm nhậm chức xong rồi sẽ làm lễ thành hôn cho đôi trẻ.

Nhưng khi Ngạn Yêm đi đến nửa đường thì bị một tên tướng cướp ở Lư sơn là Tiêu Hóa Long chặn đánh bắt được. Kim Ngọc thoát khỏi tay giặc, té xuống sông bị dòng nước cuốn đi tới một nơi hoang vắng. Chàng phải vào trú một ngôi chùa, rồi sau đó lại bị bệnh cùi. Chàng được người bạn của cha là Thành Trai làm giáo thụ ở Hà Nam sai quân hầu đem thơ cho Lâm Vượng làm lễ thành hôn cho chàng với Ái Châu theo lời đã hứa. Nhưng thấy bị bệnh và rách rưới, họ Lâm và con gái đều âm mưu bội ước, đem đứa tở gái là Vô Hà để tráo cuộc hôn nhân. Nhưng may cho Kim Ngọc sau đó lại được cha vợ là Thạch đạo Toàn chữa cho hết bệnh.

Tới khoa thi Kim Ngọc thi đỗ Giải nguyên. Nhà vua sai chàng đem binh đi dẹp Tiêu Hóa

Long. Khi chàng cùng Vô Hà kết nghĩa thì Ái Châu đi lấy con trai viên tri huyện Lợi Đề là một viên tham quan khét tiếng. Tưởng sẽ phong lưu mãi mãi. Ai dè Lợi Đề lại bị bắt và tịch thu gia sản vì tội thâm lạm tiền công quỹ. Nhà Lâm Vượng cũng bị liên đới và sạt nghiệp vì Ái Châu cung khai có oa trữ tiền bạc của Lợi Đề. Kết quả sau vụ án, Ái Châu phải đi ở đợ, và xin ở lại vào nhằm nhà của vợ chồng Kim Ngọc và Vô Hà. Nghĩ tình chủ tớ, Vô Hà khuyến chồng cưới Ái Châu và xin nhường ngôi vợ cả lại. Nhưng Kim Ngọc không chịu. Ái Châu xấu hổ bỏ đi và bán mình vào một cửa lầu xanh rồi mắc bệnh phong tình. Nàng bị mụ chủ đuổi đi, phải đến tu ở một ngôi chùa.

Khi dẹp tan được giặc Tiêu Hóa Long, vợ chồng Kim Ngọc và Vô Hà lên chùa lễ phật, Ái Châu trông thấy, tủi phận thất cổ tự tử. Kim Ngọc cho quân lính chôn cất tử tế. Sau đó trở về cả bọn đều được thăng quan tiến chức ».

Vở tuồng chia làm ba hồi và viết bằng đủ

lỗi văn vẫn khác nhau. Tác giả khéo sáng tác làm cho mẩu chuyện lúc càng thêm lắt léo và gây cần. Khi viết xong tác giả có đưa cho người bạn là ông cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt, tuần phủ Hà Tiên nhuận sắc.

Về phương diện nội dung và hình thức ngày nay nhận xét thấy còn nhiều khuyết điểm. Song nói về mặt văn chương, Kim Thạch Kỳ Duyên đối với đương thời là một áng văn thơ xuất sắc tập trung được tất cả các bộ môn nghệ thuật mà chính đó cũng là phản ảnh khi cụ thể cái tài về văn chương và cái năng lực về học thức của tác giả gồm đủ cả y, nho, lý, số, những sự lẩn lộn từng trải ở đời, khi thi đỗ, lúc làm quan, khi trong tù ngục, lúc ra chiến trường, khi về với ruộng vườn v. v... Đã có lần vở này công diễn ở kinh đô Huế và được vua Tự Đức đích thân ngự lãm.

Nói đến ông Bùi HNghĩa còn phải nhiều trang giấy nữa mới đủ trình bày được hết toàn bộ thân thế và sự nghiệp văn chương của ông.

Mấy đoạn trong bài này chúng tôi chỉ nêu lên những nét chính và những phần đặc sắc mà thôi. Nhưng đại lược như vậy, chắc hẳn chúng ta cũng thấy rằng ông rất xứng đáng với bằng cấp Thủ khoa, xứng đáng là một nhà nho học uyên bác, và không hổ với cái danh hiệu mà người đương thời đã tặng cho là một con rồng vàng số một ở Vĩnh Long, và là một con trong số bốn con của đất nước Đồng Nai này vậy.

THÁI BẠCH

NGƯỜI HÀ NỘI

HUY QUANG

TÚ rời Hà Nội vào Sài Gòn từ lúc sông Bến Hải còn đảm mình ẩn danh trong xứ dừa đạn lửa. Tú đi trước tất cả những người Hà Nội trong đoàn người một triệu. Cũng là một chuyến đi bất đắc dĩ. Nhưng Tú mang một tâm tư riêng biệt: lạc lõng, hờn tủi,

Sáng hôm Tú ra đi, có những mảng nắng vàng trải thơ mộng trên mặt nước Hồ Gươm, những tà áo tím, xanh duyên dáng bay sau hàng cây ven hồ. Ở Hà Nội, không cần biết thiên văn, khỏi tốn công xem lịch cũng biết trước được tiết trời. Màu áo các thiếu nữ là

chim én chim nhận, là tiếng ve. Trời chưa sang Hạ, đường phố đã sáng lên màu áo trắng, áo vàng. Trời còn mát dịu trong thu, đã thấy xuất hiện những tấm áo len, áo « vét », những màu áo xám đậm của mùa Đông.

Hôm ấy tiết trời nhằm cuối Thu, sắp trở rét. Tú ăn hận không được hưởng thêm một mùa đông đất Bắc. Vào Sài Gòn, đô thị của miền nhiệt đới, hẳn là không bao giờ Tú còn được biết rét! Tú mỉm cười. Không phải vì ý nghĩ vợ vẫn ấy. Tú nhìn xuống chiếc cặp ôm trong tay. Tất cả hành trang và cũng là gia tài của anh nằm trong đó. Vài chiếc quần áo cũ và mấy cuốn sách vô giá, vô giá vì các hiệu sách cũ đã từ chối không mua Tú đã bán tất cả những thứ gì có thể bán được, kể cả chiếc áo len, để mua một tấm vé máy bay vào Sài Gòn nhận việc làm mà một người bạn đã dành sẵn cho anh. Sau mấy tháng trời thất nghiệp, Tú không còn phương kế nào hơn là ra đi. May mà đi được trước mùa rét!

Tú nhìn tất cả những người thiếu nữ Hà Nội gặp trong buổi sáng hôm ấy. Nhan sắc nào cũng khiến lòng anh xao xuyến. Xao xuyến rủi xốt sa, hờn tủi. « Hà Nội đâu có dung riêng những người tiền vong bạc vãi Hà Nội đón nhận cõi mở cả những người chỉ kiếm được vừa đủ một số lương tư chức hàng tháng, như mình trước đây vài tháng. Chỉ cần số lương ít ỏi ấy để mà sống, còn niềm hứng thú của cuộc sống thì chính Hà Nội đã mang lại cho mình... » Trong lá thư gửi người bạn ở Sài Gòn nhờ tìm giúp việc làm Tú đã viết những dòng ấy, và anh kết luận: « Nhưng bây giờ, mỗi tháng mình không kiếm nổi một phần ba số lương ấy. Mình xoàng quá! Cậu phải giúp mình ».

Cũng vì hờn tủi cho rằng « mình xoàng quá » nên Tú đã xa dân Khanh. Tú còn không cho Khanh biết việc ra đi. Tú định sau khi vào Sài Gòn nếu công việc có cơ vững khá thì sẽ viết thư cho Khanh, bằng không thì thôi. Thôi thôi! Nhưng suốt trên dọc đường khởi hành từ một hãng Hàng không đường Gia Long ra đến

phi cảng, Tú đã nghĩ nhiều tới Khanh.

Lúc phi cơ cất cánh, Tú áp má vào cửa kính nhìn xuống. Kia, con sông Nhị Hà đỏ màu gạch non, những nhịp cầu Long Biên đen xẫm. Bên kia cầu là đường Hàng Đậu, qua đường Hàng Đậu sang đường Quan Thánh, nhà Khanh! Tú yên lặng nhìn xuống cảnh vật phía dưới cho đến khi chỉ còn trông thấy một màu tím menh mông. Phi cơ đã ra khỏi đất bằng, bay trên hải phận Bắc Việt.

Tú bắt đầu tìm niềm khuây khỏa bằng cách tận hưởng những cảm giác mới lạ trong chuyến đi lần đầu bằng đường hàng không.

Khi phi cơ bay ngang qua lằn mức dòng Bến Hải, Tú đang ngả đầu trên lưng ghế nghe tiếng động cơ hòa tấu giữa không trung. Một lúc sau Tú đi lại căn buồng nhỏ đằng cuối phi cơ để tìm giải đáp cho một điều băn khoăn hiểu kỳ ngày thơ ấu – Tú còn nhớ một lần cùng lũ bạn tuổi nhỏ đứng ngựa cổ nhìn chiếc phi cơ

bay qua đầu chợt bị vài giọt nước không biết từ đâu rơi xuống mặt, thế là cả bọn nghi hoặc rồi dắt nhau đến một máy nước ở đầu đường rửa mặt.

Tâm trí Tú đã trở lại mức độ bình thản. Nhưng suốt cuộc hành trình, không lúc nào anh nghĩ rằng phi cơ đã bay qua lần mức một dòng sông mang tên Bến Hải, con sông sẽ đi vào lịch sử sau này.

* * *

Tới Sài Gòn, nhờ có bạn hết lòng giúp đỡ, Tú đã tìm được việc làm với một số lương dư dật hơn hồi ở Hà Nội. Tú có ý viết thư cho Khanh. Nhưng có người đã thay Khanh viết trước cho Tú bằng những giống Tin mừng trên mặt báo. Tú không oán hận. Anh cho rằng Khanh đã muốn chứng tỏ nàng không mất anh mà anh thì đã mất nàng. Khanh lấy chồng. Dù thế nào thì trong mùa rét trở về Hà Nội, Tú cũng không còn được nắm lại bàn tay Khanh

trắng muốt, mềm mại, ấm áp như mùa rét năm trước. Trong thâm tâm Tú vẫn hy vọng có dịp trở về Hà Nội. Công việc cứ vững chắc điều hòa thì chẳng mấy lúc. Nhưng chưa đầy một năm thì đất nước phân đôi. Bến Hải trở thành một danh từ khó quên. Nam Bắc ngăn cách không thời hạn. Hàng vạn người Hà Nội cùng đoàn người một triệu nườm nượp vào Nam.

Niềm hy vọng kia không của nhưng Tú được an ủi là gặp lại những người Hà Nội. Anh thường ra đón họ tại phi trường và ở bến tàu. Anh đến thăm họ trong những trại tiếp cư. Tú đã tìm lại được ở đó những cá tính Hà Nội. Có những gia đình Hà Nội năm bảy người sống chen chúc trên một khu đất không đầy sáu thước vuông mà vẫn không bệ rạc, trên chiếc chiếu hoa lúc nào cũng phẳng phiu vẫn còn thấy bộ đồ trà. Có những thiếu nữ không còn lấy hai chiếc áo dài, nhưng áo lúc nào cũng thẳng nếp. Có những bà mẹ lo âu bận rộn suốt ngày mà vẫn giữ được những dáng điệu nền phết, những cử chỉ thanh nhã, vẫn không từ

bỏ những lời nói kiêu cách. Có những mâm cơm rất thanh đạm nhưng trông vẫn tươi tốt. Chẳng thế, ở Hà Nội đã có những gia đình quanh năm túng thiếu mà vẫn không ai biết. Lúc mới hồi cư về Hà Nội, khi còn thất nghiệp, Tú đã cho những cá tính ấy là rơm là trọng hình thức. Bây giờ Tú nghĩ khác. Anh tự hỏi: Những cá tính ấy không làm cho đời sống thêm phần hứng thú sao? Tú nhớ lại lời nói của một cụ già sành ăn: “Có tốn kém gì hơn đâu khi thêm một lá rau húng vào bát tiết canh. Nhưng có phải ai cũng biết thưởng thức cái vị rau húng, cái sắc mầu trong một lời nói, ý nghĩa tế nhị của một cử chỉ.

Những người Hà Nội trong các trại tiếp cư vẫn còn giữ được cốt cách Hà Nội nhưng không còn được thanh thoi sống ra con người Hà Nội. Họ không mang lại được cho Tú một Hà Nội nguyên vẹn mà Tú vẫn hằng mang trong tâm tưởng.

Thời gian trôi đã năm năm, kể từ ngày Tú

rời Hà Nội vào Sài Gòn không còn cái không khí tấp nập rối loạn của những ngày chính biến 1954. Đoàn người một triệu đã được phân tán vào cuộc sống miền Nam trong các đô thị, dưới miền quê, trên vùng Cao Nguyên. . . Trong thời gian ấy, việc làm của Tú vẫn vững chãi điều hòa. Tú đã để ra được một số tiền dư mua tấm vé máy bay khứ hồi Sài Gòn – Hà Nội. Thời thế cứ yên bình như ngày đi thì hẳn Tú đã về thăm Hà Nội. Không phải về để tìm lại cái cảm giác nóng ấm của bàn tay, nhất định thế.

Bây giờ Tú gặp lại bàn tay ấy ở đây. Sự bất ngờ gặp Khanh trên đường phố Sài Gòn vào một chiều vừa tắt nắng khiến cho Tú không tự chủ được trong những giây phút đầu. Anh lúng túng hồi hộp như buổi hò hẹn lần thứ nhất. Nàng cười nói vốn vã luôn miệng:

– Anh nhận ra Khanh đấy chứ?

– Hình như anh rời Hà Nội trước ngày di cư phải không?

– Khanh ở trên Đà Lạt có chút việc qua Sài Gòn vài ngày thôi.

– Anh có thấy nhớ Hà Nội không? Lâu quá, bốn năm năm rồi chứ còn gì?

Tú nhìn vào mắt Khanh đáp:

– Tôi nhớ nhất những con đường mùa đông của Hà Nội.

Khanh không cười nữa. Đến lượt nàng lúng túng. Nàng đi chậm lẩn vào đám đông chảy trên đường phố. Da mặt Khanh vẫn hồng nhưng không còn mịn màng như trước. Tú nghĩ đến một trái cam chín quá độ, đang rúm lại. Đôi môi tươi mọng ngày xưa cũng đã se rồi. Khuôn mặt không còn một nét nào tươi trẻ, nhưng vẫn thùy mị diễm đạm, cái vẻ diễm đạm chứng tỏ một mẫu người giàu nghị lực, chịu đựng. Khanh bây giờ là hiện thân của những người vợ trẻ an phận.

Lẽ ra Tú không nên khơi lại chuyện cũ.
Anh vội nói chữa:

– Ở Sài Gòn nóng nổi thành ra cứ thích mùa đông, thích rét. Nhiều lúc đã định lên Đà Lạt để hưởng rét. Có người nói Đà Lạt chẳng khác gì Hà Nội. Khanh thấy có đúng không?

Khanh ngập ngừng đáp:

– Đà Lạt có rét đấy, nhưng Khanh không thấy vẻ gì có thể ví với Hà Nội được. Đà Lạt đôi khi có cái khí hậu của Hà Nội nhưng không có cái không khí của Hà Nội, không có cái nếp sống của Hà Nội.

Tú mỉm cười:

– Khanh cũng khó tính lắm nhỉ. Thế thì chẳng bao giờ tôi tìm thấy Hà Nội ở đây!

– Chắc thế! Bởi vì tạo vật muôn vàn cảnh sắc, mỗi nơi một vẻ, có nơi nào giống nơi nào!

Hai người cùng cười. Nhưng cho đến lúc chia tay. Tú vẫn chưa được rõ về chồng Khanh và không biết Khanh đã được mấy con. Tú tự hỏi tại sao anh đã tránh những câu hỏi ấy! Tú tần ngần nhìn theo Khanh. Tà áo hồng mỏng bay về phía sau. Bàn tay nàng trắng nuột. Tú thấy lạnh giữa một chiều Sài Gòn vừa tắt nắng. Anh lại nghĩ đến cái cảm giác nóng ấm của bàn tay.

Mấy năm qua, Tú đã gặp những người bạn gái mới. Nhưng Tú vẫn chưa tìm thấy bàn tay đó. Tú biết sẽ không còn tìm thấy được vì cảm giác kia chỉ đến có một lần ...

* * *

Tú sẽ về Hà Nội, sống giữa những người Hà Nội sắc mắ trong khung cảnh Hà Nội nên thơ, với nếp sống riêng biệt của Hà Nội, nếp sống gồm những niềm vui nhỏ nhấ nhưng tế nhị thích thú, phức tạp mà đẹp như những kẻ yêu nhau.

Tú vẫn sẽ về Hà Nội tìm lại mỗi tình thú nhút dù bàn tay thú nhất không còn. Mỗi tình ấp ủ trong từng quăng phố, dưới từng khoảng trời Hà Nội. Mỗi tình xa cách lắng xuống nhưng không bao giờ phai nhạt. Phải, Tú sẽ về Hà Nội trong đoàn người một triệu. Tú về ngay trong chuyến máy bay thú nhất. Tú sẽ ngồi chiếc ghế kế ngay bên cửa máy bay. Khi máy bay đáp xuống phi cảng Gia Lâm, cánh cửa vừa mở, Tú sẽ nhảy xuống đầu tiên.

HUY QUANG

NỖI BUỒN TRÊN ĐẤT LIỀN

THỦY THỦ

Trời đêm trong vắt. Ngàn sao như đổ xuống ngọn đồi thâm màu đêm. Huy chậm chậm lên dốc cao. Tự bao giờ Huy vẫn thích những con đường đưa lên cao. Tiếng gót giày nghiêng sỏi đá lạo xạo. Huy tưởng mỗi tiếng động khẽ đó vang dội vào tận đáy hồn và để lại một âm hưởng đê mê. Tự nhiên Huy muốn bật lên tiếng khóc. Từ nhỏ, Huy sống hầu như biệt lập với mọi người. Cha mẹ Huy mỗi người một ngã vì những xích mích vặt vãnh cứ mỗi ngày một chồng chất vào cuộc sống gia đình. Huy mơ ước mãi một bàn tay êm dịu vuốt tóc Huy, ban cho Huy chút tình thương êm ấm của người

mẹ, cái nhìn hài lòng của người cha. Chưa bao giờ Huy có những thứ đó. Ông bà Huy đã già, già lắm và cũng chẳng cho Huy được những thứ trời chỉ dành riêng cho người cha người mẹ. Huy lớn lên trong thiếu thốn những báu vật cả kho tàng thế gian cũng không đòi được. Đến bây giờ, hết cả rồi — niềm mong ước khô khan thành tuyệt vọng. Có chăng chỉ còn một mảnh trời, một màu biển xanh níu kéo tình cảm Huy.

Nhạc phổ phường vắng lại mơ hồ. Huy thấy buồn thê thảm. Huy nhớ không biết bao nhiêu lần mình trở lại đó với người bạn độc nhất. Huy không biết « cái ấy » bắt đầu từ bao giờ.

Một buổi sớm lạnh. Sương vương trên ngàn thông tạo cho cảnh vật vẻ khả ái một bức tranh Nhật huyền ảo. Đã nhiều lần Huy ngắm những bức tranh Nhật ở các phòng triển lãm và nghĩ rằng chỉ có trong trí tưởng tượng của người nghệ sĩ. Một ngày nghỉ ngắn ngủi của

năm đầu tập thể không cho Huy một chút thỏa mãn tâm tư. Mẹ Huy đã đổi khác sau khi cha Huy mất. Người chồng thứ hai đã xua đuổi dần hình ảnh Huy ra khỏi tâm trí người đàn bà ấy – người đàn bà mà Huy đặt tất cả hy vọng của cuộc đời. Cái cầu xin nhỏ bé một chút tình thương không bao giờ được nữa làm Huy chán nản. Năm tháng, không gian đã bao kín tình mẫu tử không cho vươn tới Huy.

Giữa niềm u sầu cô độc, Huy tưởng tìm lại ấm áp cuộc đời trong đôi mắt người đàn bà trẻ hơn. Huy đón nhận tất cả thao thức từng giọt cà phê đặc sánh nâu xẫm để được nằm trong vùng không gian huyền diệu của người đàn bà ấy. Có đêm trần trọc Huy tưởng tượng rất nhiều. Huy nghĩ sẽ đem tất cả thể gian để dâng nàng. Huy chỉ cần một chút yêu thương. Huy sẵn sàng đổi cả cuộc đời. Đáng thương cho Huy! Niềm thành khẩn của Huy không đủ đổi dòng định mệnh.

Ngàn sao vẫn rưng rưng ánh sáng. Huy bước

ngừng mặt tưởng tượng mình ở trên đường lên trời và cuối chặng hành trình cuộc sống Huy sẽ trèo vào khoảng không gian cô quạnh. Cuộc đời là hình ảnh nhỏ bé nhất của vũ trụ những vì sao. Mỗi người đã một đường khiêm tốn như những ngôi sao nhỏ bé kia chuyển vận cho đến một ngày tan vỡ. Lòng Huy gợn lên niềm chua xót.

Huy đặt tất cả hình ảnh đẹp nhất của cuộc đời vào hình ảnh nàng, Huy tôn nàng lên ngôi bậc một người yêu. Có những phút nhìn nàng Huy tự hỏi: tại sao nàng lại không thể của Hay? Tại sao nàng lại thuộc về gia đình nàng, các con nàng, chồng nàng. Cái thế giới của người yêu ấy không còn chỗ cho Huy chen vào. Xã hội và luân lý đã dạy Huy như vậy!

* * *

Huy sức nhớ đi đưa tiễn người bạn. Huy bỗng nhớ lại cận kề từng nét mặt, từng cử chỉ, từng lời nói — riêng biệt Huy tìm thấy ở Linh

bây giờ. Linh bị đau phổi phải đi điều trị ở một bệnh viện xa. Huy có ý nghĩ rất đen tối là Linh sẽ đi mãi không bao giờ trở lại. Ý nghĩ ấy làm Huy thấy thương xót Linh vô cùng. Hai người quen biết nhau khá lâu – Linh nhỏ hơn Huy hai tuổi. Họ chia nhau từng đồng bạc những ngày ra phố.

Linh học giỏi hơn Huy. Điều này không làm Huy ghen tức mà còn gây cho Huy niềm kiêu hãnh. Mỗi khi bất hòa vì một chuyện không đâu rồi lại thân nhau hơn; Huy thầm cảm ơn Trời đã cho người ta mỗi giận hờn để tô đậm nét sống thường nhật. Đã có lần Huy giận Linh vô cùng. Không nguyên nhân. Chủ nhật Huy lủi thủi đi một mình ngoài phố vừa mong không gặp Linh lại vừa ao ước bắt gặp trên đường đi. Phố phường hôm ấy tẻ nhạt lạ. Rồi Linh đến trong tầm mắt Huy. Hai người nhìn nhau ngượng ngùng. Huy dè dặt mời Linh hút thuốc. Họ không bắt tay nhau. Linh lạnh lùng từ chối tất cả làm Huy tủi vô cùng. Huy không biết đã làm lạnh với Linh ra sao.

Mùa lạnh năm nay, Huy rời trùng dương đến gần hai năm. Linh ho rất nhiều tuy đời sống không có gì là kham khổ. Đôi khi Huy tưởng chừng Linh là mức níu kéo cuối cùng của mình vào cuộc sống một chiều hướng đi lên. Huy nâng Linh lên ngôi bậc người bạn đường. Từ hồi chiều nhìn Linh sắp xếp hành lý. Huy thấy buồn vô cùng Huy cứ nghĩ không biết lấy gì lấp đầy đặn khoảng trống những ngày sắp tới.

Bận rộn công việc, Linh đi lúc nào Huy cũng không hay. Huy chắc sẽ tìm gặp bạn giờ này chờ đợi ở bến xe.

Qua dốc, Huy đi dần vào ánh sáng và âm thanh. Một chiếc xe hơi lộng lẫy vụt qua trả lại cho không gian một điệu Blues buồn não nuột bốc ra từ quán nước nào. Nhạc xoáy vào hồn Huy như mũi khoan sắc nhọn. Huy vẽ ra trong tâm tưởng nét mặt hốc hác vì bệnh hoạn của Linh. Huy nghĩ đến những ngày sẽ buồn thảm nơi bệnh viện. Có lẽ Linh chỉ ốm yếu thêm giữa

thế giới bệnh hoạn. Làm sao được! Đau yếu thì phải vào bệnh viện để điều trị. Huy bỗng nhận thấy mình cúi đầu rất lâu.

Những ngày phía sau vẫn còn mãnh lực quyến rũ Huy. Huy nghĩ đến những chuyến hải hành. Có lần Huy xa đất bờ tới hai tháng. Trong những đêm sao, Huy sung sướng gọi tề người yêu và gió biển mang đi mất không trả lại một tiếng vọng nhỏ bé.

Những vì sao ngoài biển cả đẹp và gần gũi Huy lạ lùng. Có khi Huy tưởng chỉ nhón người khẽ với tay là đụng tới. Gió mơn man luôn bên má Huy như bàn tay hay hơi thở trùng dương vuốt ve.

Khi tàu neo trong vịnh nhỏ, Huy ưa lên boong đứng lặng lúc nửa khuya nghe tiếng trùng dương thì thâm tâm sự. Huy tưởng tượng mình đã rời cuộc sống biển thành những thứ linh hồn chờn vờn trong không gian và chỉ còn gió đất liền nổi Huy với lục địa. Trong gió Huy

cảm thấy thành phố, đồng quê phía trong. gửi ra ít nhiều hơi thở lan man của cuộc sống con người. Đôi khi Huy tưởng sờ mó được niềm ấm áp của bếp lửa gia đình, và niềm sung sướng bé mọn của đời sống thu gọn trong một xã hội nhỏ hẹp tỉnh lỵ quen thuộc. Huy thì thầm gọi người yêu. Huy mong ước trở về. Nhưng khi nghe lệnh con tàu quay về bến, Huy lại tiếc chuyến đi không kéo dài mãi. Tất cả những cái đó biến thể trong Huy duy có hình ảnh người yêu Huy vẫn ôm ấp mãi như một viên vọng, một thứ đích không bao giờ đạt tới.

* * *

Huy không biết tại sao mình bỏ cuộc sống trùng đường phía sau. Thảng hoặc đôi khi một hình ảnh gợi đến ngày xưa cũ. Huy lại thấy tiếc rẻ một cái gì đã rơi mất. Đã tới bến xe. Lạnh vắng, chỉ còn một chuyến cuối. Linh không còn ở đấy. Huy gặp người thiếu phụ mà Huy

đã tôn lên ngôi bậc người yêu. Nàng cười nhìn Huy.

– Kìa, anh tìm ai đấy? Tôi vừa gặp anh Linh.

– Linh đâu hả chị? Huy hỏi vội vàng.

– Anh ấy đi chuyển xe trước rồi!

– Chị cũng . . .

– Vâng, chúng tôi dọn về dưới ấy. Trên này lạnh quá cháu bé sau này chịu không được.

Nàng vừa nói vừa chỉ hành lý gọn gàng quanh mình, Huy bắt tay người chồng, vuốt ve mấy đứa con nàng.

Trong lòng Huy dâng lên niềm hoang loạn. Tâm tư bỗng trống trải lạ lùng. Huy muốn níu lấy chút hình ảnh người yêu, cố gọi lên hình ảnh Linh để đặt vào khoảng trống ấy, nhưng thấy không còn đủ sức.

Chuyến xe cuối cùng rời bến. Hoang lạnh nửa khuya, Huy đã ra bờ hồ ngồi xuống khoảng tối trên bãi cỏ khóc lặng lẽ.

THỦY THỦ

TRUYỆN KIỀU HẤP HỐI

LỮ HỒ

NĂM 1958, mùa thu giữa thủ đô miền Nam cộng hòa, có kẻ không khóc cho Tố như, không buồn cho Văn học mà chỉ tiếc cho một tác phẩm đang rời bỏ nếp gấm hoa trong thượng uyển thi văn, bước dần vào bóng tối lãng quên. Giờ phút hấp hối của tác phẩm cũng không kém phần bề bàng như hơn trăm năm trước tác giả nó đã trải qua. Đoạn Trường Tân Thanh sau hơn một trăm năm đắm đuối không biết bao nhiêu sứ mệnh đành chịu cảnh thờ ơ của thế nhân. Thật vậy, nếu ai quan tâm suy nghĩ tới sự trường tồn của giai phẩm hẳn không khỏi băn khoăn tự hỏi: Tại sao mới ngày

nào Đoàn Trường Tân Thanh còn thường trực ở đầu lưỡi nhà biện thuyết, nhà khảo cứu, đầu ngọn bút nhà văn, nhà phê bình, đầu tử sách của giáo sư, đầu giường của hầu hết đại chúng mà nay không gian phổ biến chỉ còn thu hẹp lại trong khung cảnh học đường, trong chương trình khoa cử mà thôi.

Đã đến lúc Đoàn Trường Tân Thanh rời bỏ địa vị độc tôn để vào tàn tạ rồi chẳng? Đã đến lúc tác phẩm tràn đầy dân tính này hấp hối rồi chẳng? Bao nhiêu thắc mắc khiến ta nghĩ đến số phận truyện Kiều, cái số phận mà tác giả Nguyễn Du, nhân vật Thúy Kiều đã mang chịu trong bao nhiêu chua xót.

Nhớ lại lúc truyện Kiều lên văn đàn mà tiếc. Năm 1898 Trương Vĩnh Kỳ đem truyện Kiều diễn ra quốc âm trong khi ảnh hưởng của nó đã ngấm sâu vào quần chúng. Từ em bé chăn trâu tới chị hàng cau; từ kẻ lao công cho tới vị thượng thư, đâu đâu truyện Kiều cũng đóng vai tiêu khiển đắc lực cho mọi người, nhờ đó

truyện Kiều chính thức bỏ áo chữ Nôm, khoác lấy bộ áo Quốc ngữ và được thế nhân gán cho không biết bao nhiêu vai trò chính yếu.

A. Vai trò chính trị. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ hai mươi, cơ sở đô hộ của Pháp đã có cơ bền vững mà ngọn khói bất bình của dân chúng do cưu phái gây nên cũng còn âm ỷ. Người Pháp muốn mưu mô đánh lạc tư tưởng thanh niên liền dùng lối đòn xóc hai đầu. Một mặt đề cao giá trị tôn quân, duy trì chế độ phong kiến; một mặt ném tiền sai bọn học phiệt Đông dương tạp chí và Nam phong tạp chí đem văn học mới từ phương Tây lại để ru ngủ phỉnh phờ. Thêm vào bọn hàng thần: Hoàng Cao Khải, Lê Hoàn, phụ họa tán dương loại văn học lệ thuộc. Phản kháng lại, các chí sĩ trong khối Đông Du tan rã quyết tâm bảo vệ dân trí mà lúc bấy giờ đã cụ thể hóa trong hai tầng lớp độc giả của hai phe báo chí Đông, Tây.

Tiền bạc phe mới đã có Tây cấp: Vayrac giúp Nguyễn Văn Vĩnh, L. Marty và Hoàng Trọng

Phu ám trợ Phạm Quỳnh. Hai cơ quan « Đông dương tạp chí » và « Nam phong tạp chí » nổi nhau trong khoảng mấy mươi năm, quyết tâm tranh đoạt nhân tâm để hòng lợi dụng. Muốn tranh thủ độc giả hai cơ quan này đã nhập cảng những tư tưởng mới lạ của Lữ-thoa (Jean Jaacque Rousseau), Mạnh-đức tư-cửu (Montesquieu), ... những tư tưởng Tây phương mà suốt bốn nghìn năm văn hiến dân Việt chưa bao giờ được nghe nói tới. Thế là một lớp người, nhất là bọn tân học do hai trường École des Droits và College des Interprètes đào tạo ra lại sẵn sàng xung phong làm tay hướng đạo. Hàng ngũ dân tộc mất mát cũng nhiều.

Thế nhưng, không dễ một sớm một chiều đánh gục được uy tín của phái Nho cho nên phải tìm nhược điểm của phái này để hạ thủ.

Xét lại trong văn học ta, từ xưa, văn nôm vẫn bị các nhà nho khinh rẻ. Câu: « nôm na là cha mách qué » đã làm cho bao nhiêu tinh hoa dân tộc phải chôn vùi trong ao lầy nước đọng

của nền văn học ngoại xu. Bây giờ đả phá đúng vào nhược điểm ấy thì phải nho ắt ngã. Lập tức phải tận thực hành ngay ý định. Trong tờ Nam phong số 31 năm 1919, Phạm Quỳnh đã đề cao truyện Kiều, một tác phẩm nôm không tiền khoáng hậu đã bị nhà nho hắt hủi như sau:

“Phàm văn chương hay là thứ nhất ở lời văn điêu luyện, thứ nhì ở ý tứ thâm trầm. Có ý tứ hay mà lời văn không đạt, thời ý tứ cũng không biểu lộ ra được; có lời văn đẹp mà không có ý tứ gì thời khác nào có vỏ mà không có ruột, có xác mà không có hồn. Xét trong truyện Kiều thật là kiếm được cả hai, lời văn rất điêu luyện mà ý tứ rất sâu, lời văn luyện cho đến nỗi tưởng không ai có tài nào đặt hơn được nữa, và trong một câu không thể nào di dịch đi một chữ, đòi lại một tiếng, giọng hồn nhiên như trong ống thiên lại mà ra, ý tứ sâu cho đến nỗi càng đọc càng cảm, càng nghĩ càng thấm lời lời trầm trọng như mang nặng một gánh tình, thiết tha như kêu oan nỗi sâu khổ, cảm động vô cùng » và ông hô hào: « Truyện Kiều còn tiếng

ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn ». Ông muốn đưa truyện Kiều lên địa vị thánh kinh vừa làm một đề che, vừa để làm giáo mà đâm ngay lưng phái cựu. Tiếng hét của Phạm Quỳnh đã có ảnh hưởng lớn. Độc giả tăng thêm nhiều và cái đà say men Kiều cũng dậy sôi nổi khắp nơi.

Quyển: « Kim Vân Kiều truyện, transcrit pour la première fois en Quốc Ngữ » của nhà in Claude et Cie ở Saigon in ra được Nguyễn Văn Vĩnh dịch ra Pháp văn đăng ở Đông dương tạp chí từ trước, lại được hai người Pháp Abel Michel và R. Crayssae dịch, phê bình và đề cao: « Áng văn kiệt tác của Nguyễn Du có thể so sánh mà không sợ kém với văn chương kiệt tác; vô luận ở thời nào và ở xứ nào » (!) Ban biên tập Nam phong, độc giả Nam phong và các Học giả Pháp Nho khoan khoái vô cùng. Thế là mục đích chính trị đã đạt, một làn sóng Kiều nổi dậy khắp nơi. Năm 1924 Hội khai trí Tiến Đức ở Hà Nội, hội Quảng Tri ở Huế khởi xướng việc xây lăng dựng bia và hằng năm truy điệu Nguyễn Du. Bỗng nhiên một tác phẩm

của nhà nho bị phổng mất. Các cụ đâm hoảng sợ cuống cuống.

Các nho sĩ khí tiết: Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng cẩu vô cùng nhưng rốt cuộc cũng phải đợi, trong lúc đó thì các nhà tân trí thức đua nhau phê bình, nghị luận, nào làm tựa, nào vịnh thơ, nào làm án Kiều, nào làm phú Kiều, nào làm bài hát về Kiều, và... đem dịch truyện Kiều ra chữ Hán!!!

Phía dân chúng thì người ta tập Kiều, hát Kiều lấy, hát chèo về Kiều, trai gái nhật Kiều để viết thư tình, nhà buôn dùng Kiều để bán dầu... quảng cáo.

Vai trò chính trị, thu đoạt nhân tâm của nhóm xu Tây đã rõ rệt. Một mặt các đảng phái chính trị phải tan rã vì đàn áp... Ông Đào Duy Anh bị bắt, quản thúc ở Huế, dạy một tuần một giờ annamite (!) cho trường Việt Anh cũng xoay ra khảo luận Kim Vân Kiều! Trên bình diện chính trị phái tân học hay chính quyền đô

hộ đã thắng rồi.

B- Bình diện luân lý. Phái nho sĩ chí sĩ cay đắng nhìn tác phẩm của mình bị chiếm đoạt, nhìn thanh niên lao đầu vào một vấn đề vô dụng. Sau một thời gian do dự các cụ quyết phản công. Huỳnh Thúc Kháng học thuộc lòng quyển Dictionnaire Larousse để viết văn Tây, các cụ khác lo dịch các tư tưởng Tây từ các sách Tàu!! Riêng đối với truyện Kiều thì mở miệng mắc quai vì cái vết chính trị phản động, các cụ quay sang bàn luân lý. Cụ Ngô Đức Kế hăng hái nhất: « Kim Vân Kiều là sách gì? Chưa nói sự tích thiệt không, chưa kể văn chương hay dở, chỉ nhắc đến tên sách thì nghe đã không thể nào ngủ được: Vì sao thế? Phàm bộ truyện nào, dầu trong có bao nhiêu nhân vật mặc lòng, chỉ là một người làm chủ nhân; sự tích là sự tích một người chủ nhân ấy, thì tên sách cũng theo đó mà gọi. Nay truyện ấy lấy sự tích cô Vương Thúy Kiều, mà tên sách đặt ba người, một người thì lấy họ mà mất tên, hai người thì lấy chữ tên mà mất họ, thì thiệt

là dốt vô cùng. Cái tên ấy, chắc là tự nhà khắc bản in đặt ra, chứ ông Nguyễn Du không đặt tên dốt như thế? Dù cái tên ấy là nguyên bản của Tàu, thì cũng biết truyện ấy đặt ra bởi anh Tàu dốt nào đó thôi. Nói đến sự tích thì phàm truyện tiểu thuyết đều là lấy một chút sự tích trong lịch sử hoặc là tự ý nhà văn sĩ bịa ra, chứ bất tất có truyện thật. Chuyện Thanh tâm tài nhân (tức là truyện Kiều) là một bộ tiểu thuyết tầm thường không có giá trị gì. Xem bộ « Tình sử » của Tàu, biết bao chuyện ly kỳ hơn nữa. Và dù sự tích ấy có thật đi nữa thì một đôi thiếu niên nam nữ đem thanh người vắng trèo tường trở ngõ, ước hội chuyện trò với nhau với phong hóa, đạo đức đã là việc bất chính; mở đầu quyền sách như thế, dù sau có tỏ vẻ hiếu nghĩa gì đâu nữa, cũng không đủ làm gương tốt cho đời.

Nói về văn chương quốc âm của ông Nguyễn Du, thì vẫn là hay thật, song cái lối văn vận, ngâm nga ngợi hát, chỉ là một lối trong đạo văn chương. Văn tuy hay, mà truyện

là truyện phong tình thì có vẻ ai dâm sâu oán, đạo dục tăng bi, tám chữ ấy không tránh đàng nào cho khỏi. Cái bản ý Ông Nguyễn Du làm truyện Đoạn Trường Tân Thanh ấy (tức là truyện Kiều) chỉ là mượn văn chương mà ngụ chút tâm sự mình, cho nên ông đã có câu: « Lời quê góp nhặt nên bài, mua vui cũng được một vài trống canh ». Xem thế thì biết chuyện ấy chỉ là một thứ văn chương ngâm vịnh chơi bời, để lúc thanh nhàn mà đọc đôi câu cho tiêu khiển, chứ không phải là một thứ văn chương chính đại theo đường chính học, mà đem ra dạy đời được đâu.

Ngày trước các cụ tiền bối thường cấm con em xem truyện Kiều: trong xã hội ai hay đọc truyện Kiều nhêu ngoa, thì cho là kẻ đàng điếm. Ý các cụ nghĩ rằng: Các gã thiếu niên chí khí chưa định tình dục đang nồng, xem truyện thì mê, rồi sinh cái tư tưởng trông ngọc cắp hương, trêu hoa, ghẹo nguyệt, say đắm trong trời tình bể ái, mà mềm nhũn cái gan lòng sắt đá, bỏ mất cái chí nguyện cao xa. Cái phép gia

đình giáo dục của các cụ như thế thiệt phải lắm. Vì cái tính trộm ngọc cắp hương, say hoa đắm nguyệt, người sinh ra không dạy cũng biết, vẫn cầm mà không được, huống chi lại thấy trong sách trong truyện, ngâm nga ngợi hát thành ra một việc rất phong nhã rất hào hoa,

(Chánh học cùng là thuyết quốc văn, Kim Vân Kiều, Nguyễn Du. Hữu Thanh tạp chí số 21-1924).

Mục đích của cụ Ngô Đức Kế là tránh đường chính trị, nghĩa là không thêm nhắc tới bọn tân học mà tha thiết kêu gọi các bậc huynh trưởng lo giữ gìn con em, bảo tồn luân lý. Nhưng trước cao trào văn học đang dâng công, việc của các cụ đã lạc lõng và tàn tạ theo giai tầng nho sĩ. Sự thất bại của cụ là sự khuất phục của luân lý Đông phương trước sức xâm lấn của phe thống trị. Hàng ngũ các cụ ngoài một số bị hạ sát, một số được cho ra ngâm vịnh và đập đá, phá rừng ở Côn Lôn hiu quạnh, còn sót lại bỏ trốn ra nước ngoài. Các cụ vắng, địa

vị Đoạn Trường Tân Thanh trở nên vững chắc vô cùng. Phe học phiệt reo cười đắc thắng mà lại quên rằng tác phẩm thánh kinh của mình lại là sản phẩm của phái chống đối đẻ ra!

C- Giá trị văn học: Phù thủy cao tay ấn đến đâu cũng khó biến cục đá ra con người. Nếu Đoạn Trường Tân Thanh chiếm địa vị độc tôn thì nó cũng đã có những yếu tố tự tại để được vinh quang.

Đoạn Trường Tân Thanh là cô đọng giai đoạn hoàn thành của thể văn lục bát đã chuyển mình từ mấy nghìn năm trong lạc lõng. Thế kỷ 18, hai dòng văn học Bác học và Bình dân đã bắt đầu dung hợp. « Từ xưa trong xã hội ta, học vẫn là đặc quyền của giai cấp sĩ phu là giai cấp sang trọng, giàu có, phong lưu, còn dân quê ở chốn nước đọng bùn lầy thì chỉ thỉnh thoảng vớt được một chút học ở trên rớt xuống. Cái trạng thái chia rẽ ấy ta thấy rõ ràng trong văn học. Ở trên thì văn học chữ Hán, tầm chương trích cú mài chữ đẽo câu của các nhà nho; ở

dưới thì dân chúng lấy những tiếng nô nôm na mộc mạc đặt thành câu hát, những bài vè, cũng là kể những chuyện khôi hài, chuyện cổ tích. Một bên thì văn chương phù hoa để thủ phụng, văn chương cử nghiệp để cầu danh; một bên thì những lời nói tự nhiên, có lúc cục cằn để bày tỏ những cảm tình oái oăm thắc mắc. Văn của kẻ trên thì chữ nghĩa thâm ảo, điển cổ rườm rà; kẻ dưới không thể hiểu được, cho nên cứ để cho nó vu vơ. Văn của kẻ dưới thì chất phác thực thà, kẻ trên cho là nô nôm na mách qué không cần đoái đến, cho nên nó cứ lẹt đẹt ở trình độ bình dân. . .

Nguyễn Du là nhà văn xưa thứ nhất và cũng là nhà văn duy nhất đã làm mất cái trạng thái huyền cách đó, vì ông gồm được tài học vấn uyên thâm với tính tự nhiên chất phác, về cái hoa Hán học của ông đã nhờ được khi chất của đất nước nhà dinh dưỡng, cho nên ông đã gồm được cả tinh thần nước nhà kỳ thác trong bình dân. (Khảo luận Kim Văn Kiếu Đào Duy Anh, trang 100). Thể thơ lục bát rất dễ làm mà

lại khó hay, nhất là diễn qua một mạch hơn 3000 câu tưởng nguồn hứng của Nguyễn Du quả là thần thánh vậy. Thế nhưng đó là phần văn chương, sang đến địa hạt triết học, Đoàn Trường Tân Thanh cũng được gán cho vai trò quan trọng.

D- Minh chứng triết học: Trong tập san Khai trí Tiến đức số 1 xuất bản tháng 12 năm 1940. Cụ Trần Trọng Kim nhà giáo tân cựu vừa là hội viên sáng lập hội Việt Nam Phật giáo đã viết bài: « Lý thuyết Phật giáo trong truyện Kiều » để cho rằng Triết lý truyện Kiều là Triết lý Phật giáo và Đoàn Trường Tân Thanh lại mang cái danh hiệu tác phẩm Phật triết qua thuyết Nhân quả: “cái thuyết nhân quả cốt ở chữ Nghiệp bên nhà Nho gọi là chữ Mệnh. Chữ Nghiệp đây không có nghĩa như bên nhà Nho thường dùng để chỉ công việc của người ta làm, như sự nghiệp, công nghiệp, nghề nghiệp, hay nghiệp nông, nghiệp thương v. v. Chữ Nghiệp của nhà Phật là dịch theo tiếng Phạn là Karman, tức là những việc làm kiếp trước

thành kết quả ở kiếp sau ». Đạo Phật quan niệm chúng sinh trong vòng luân hồi đã phải qua hằng hà sa số kiếp. Trong lúc thụ quả của tiền nhân thì chúng sinh lại tự tác ra hiện nhân cho hậu quả. Trong khi Thúy Kiều cố gắng trả nợ đoạn trường nặng nề kiếp trước thì chính nàng lại tạo nhân cho kiếp sau vướng vít. Tự nàng buộc mình trong vòng sinh tử. Như vậy con đường giải thoát của đạo Phật dẫn người ta đến chỗ thoát ra khỏi vòng tròn luân hồi mà kiếp người chỉ là chấm nhỏ. Nhưng trước khi muốn thoát ly tất nhiên phải thoát ra cái hình hài gò bó trong sắc giới, trong cõi đời để dẫn thần thức ra khỏi tam đồ, lục đạo mà lên cõi vô sắc giới mà thẳng vào chân như vắng lặng. Phải chết trước đã. Trái lại sau khi Thủy Kiều nhảy xuống Tiền đường thì được hai sư Tam hợp và Giác duyên hội ý thu bông cho nàng và lại vớt lên, nghĩa là ném con người sạch nợ vào đời, vào chốn luân hồi đầy đọa! Thật là trái với quan niệm giải thoát của đạo Phật, nhưng lại rất hợp với tín ngưỡng thông thường của dân chúng. Đã là người, ai cũng muốn kẻ mình thương

yêu hạnh phúc, mà phải hạnh phúc ngay trước mắt, tại cõi đời này... Chứ một khi vượt quá biên giới hữu hình, thì dù có lên Thiên đàng, hay qua Tây phương cũng chỉ là hoài vọng sau khi đã nhớ mà chết rồi mà thôi.

* * *

Tắt lại: Những năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi. Dân tộc Việt Nam đã xao xuyến quá trong sự xê dịch cả mọi nền tảng báo hiệu một biến chuyển lớn như biến cố 1916? Về chính trị, cuộc tranh chấp giữa hai phái Cựu nho, Tân học không còn một tiếng vang; Về văn học, thể văn lục bát cũng không chứa nổi tình cảm của con người hoài nghi, xáo động ngày nay trước ngưỡng cửa của vườn văn học quốc tế. Về luân lý, cái luân lý thực tiễn dần dần ăn sâu vào tâm khảm, le lói hiện ra trong vài hành động vượt bậc. Dân Việt 1958 phải tự tạo ra luân lý mà tu thân, xử thế... đến như Triết học thì kinh nghiệm chia đôi với áp lực của súng gươm đã cho trước những chiều suy tưởng. Cái thế giới

vô sự của ta với tà áo tứ thân, pháp phối giải thắt lưng hoa đào trên đường cái quan, những chiếc lọng xanh, con ngựa bạch, chiếc cáng son đã qua hẩm, cái nếp sống mặc áo sa, mang bài ngà tìm vẻ đẹp đường cong trước cái bụng của tay tài chính cũng hết nốt. Đã đến lúc người ta vươn vai trút bỏ những vết cũ, người ta không chịu được cái bình thường, cái dễ dãi nữa mà tự chuốc lấy, tìm lấy, thực hiện lấy những lối thoát cá biệt hơn.

Không oán trách Đoàn Trường Tân Thanh đang hấp hối.

Mong rằng ngay bây giờ, để tỏ lòng hoài vọng, xin nhà khảo cổ hãy giải cho một tấm thảm nhung, lau chùi cho một chỗ cao trong viện Bảo tàng để chờ đợi... chờ đợi hơi thở tàn phải đến của cái tác phẩm đã quá già nua vì phải thủ lĩnh vai trò.

LỮ HỒ

HÀ NỘI CÒN MƯA?

*Hà Nội có còn mưa không em
Chiều nay miền Nắng mưa êm đêm
Ước gì một phút làm mây trắng
Và nhẹ hồn nghiêng đôi cánh chim
Hai đứa mình hai bên sông sâu
Dây thép gai giăng mắc ngang cầu
Đôi tay anh cuốn tròn thương nhớ
Đôi mắt em đầy như mưa ngâu
Dòng sông! Dòng sông! Ôi mệnh mong
Sầu lên chót vót tim đôi lòng
Đại dương sóng vẫn găm muôn thừa*

Đón nước sông Hồng sông Cửu Long

Vô lý suốt đời ta tha phương

Như người Do Thái không quê hương

Bây giờ họ có quê hương đó

Và đã dừng chân một ngã đường

Ngày mai ta về thăm Thăng Long

Mà nghe em hát ở trong lòng

Mà nghe em dệt niềm tin mới

Bằng nước sông Hồng sông Cửu Long

HOÀNG KHANH

TÂM HỒN

Nhớ nhung chiều xuống lưng đồi

Băn khoăn tiếng bước nhịp đời hai mươi

Bơ vơ mây đóng khung trời

Có con thuyền nhỏ về khơi một mình

Đêm dài trải bóng trùng dương

Gặp em không dám phớt phờng hỏi thăm

Không gian nửa khoảng cách gần

Vượt qua vẫn sợ ngại ngừng làm quen

Mưa đan giăng mắc nhà nghiêng

Chia tay lối rẽ ánh đèn vào khuya

Hồn đi lạc ngã hoang sơ

Bóng ai khung cửa vẫn ngờ chiêm bao

DUY NĂNG

HIU QUẠNH

Buổi sáng đầy cơn sốt

Nắng vàng nắng vàng run

Một mình tôi nằm khóc

Thương nhớ em không cùng

Tình yêu vừa mới rụng

Hai đứa mình xa nhau

Những ngôi sao cách trở

Mỗi đêm một lần sầu

Đôi lúa người bé nhỏ

Thương nhớ nhau cúi đầu

Ngoài sân nắng vàng đỏ

Mắt tôi mờ lệ sâu

Đã ba ngày trông đợi

Áo cơm đời vắng teo

Bạn bè đi đảo nhỏ

Mây bay mây bay nhiều

Nắng run và giấc ngủ

Nhắm mắt không người theo

Tôi trở về trẻ nhỏ

Cơn sốt gió chiều hiu.

VƯƠNG TÂN

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: Nguyễn Thụy – Mạc Sơn – Nguyễn
Đăng – Vương Tân

GIÀN NHẠC ĐẠI HÒA TẤU CỦA VIỆT NAM NHẠC HỘI.

Đêm 22-10-1958 tại rạp Thống Nhất, Việt Nam Nhạc Hội đã ra mắt công chúng lần đầu tiên qua một chương trình gồm có đại hòa tấu và hợp ca.

Mở đầu, ba nhạc sĩ Nguyễn Cầu, Nguyễn Văn Giáp và Nguyễn Tri Nhường tam tấu bản Trio op 1 số 3 cung Do thứ của Beethoven. Chọn bản này để khởi đầu chương trình là một ý hay nhưng tiếc rằng sự trình bày chỉ trung bình. Nguyễn Cầu làm đầy đủ bốn phần trong

phần dương cầm. Nguyễn Tri Nhường chỉ có một tiếng nói yếu ớt có lẽ vì phần trung hồ cầm đã không cho phép hơn. Còn Nguyễn Văn Giáp không giúp được gì cho hai bạn mình, nếu không hẳn một đôi khi còn là trở ngại.

Phần hợp ca Hải Linh và các ca sĩ của ông đã trình bày hai tác phẩm do ông sáng tác đều là thơ phổ nhạc: *Cung Đàn Bạc mệnh* và *Trăng Mờ Đà Lạt*. Hai bản này cho ta thấy rằng ông Hải Linh rất thận trọng trong việc sáng tác và ông đã thành công. Nhưng sự thành công này chỉ giới hạn trong bản *Trăng Mờ Đà Lạt*. Trong một toàn thể duy nhất trên những tiếng rì rào bay lượn những nét nhạc tươi sáng diễn tả bằng một giọng tenor rất quý giá. Với bản *Cung Đàn Bạc Mệnh* ông Hải Linh không làm cho chúng ta hài lòng dù sự cố gắng của ông rất rõ rệt. Ông vận dụng tỉ mỉ nhạc điệu, tiết tấu, hòa âm theo thể nhạc kịch trường bằng yếu tố Đông phương và kỹ thuật Tây phương. Nhưng ông đã dẫn mình vào một cuộc phiêu lưu: diễn tả truyền Kiều mà lại ở đoạn quan trọng bức

nhất. Cung đàn ấy chứa đựng tất cả huyền bí của số mệnh Thúy Kiều. Kiến trúc âm thanh của ông Hải Linh chỉ đưa được chúng ta tới một thế giới tầm thường — như thế giới một đêm trăng — không phải thế giới của truyện Kiều mà ta đã mà chúng ta đã gặp qua thơ Nguyễn Du.

Truyện Kiều trước hết là một vấn đề ngôn ngữ. Vì vậy, để khỏi bất công với ông Hải Linh, chúng ta có thể cho rằng ông có thể thành công trong việc sáng tác nhạc kịch trường nhưng chắc chắn ông đã thất bại trong việc diễn tả truyện Kiều. Có điều chúng ta có thể nêu lên đây nghi vấn: liệu kỹ thuật âm nhạc Tây phương có thể diễn tả được truyện Kiều không? Cho đến bây giờ và trong khi chờ đợi câu trả lời đã rõ rệt là: không.

Giàn nhạc đại hòa tấu của Việt Nam Nhạc Hội với trên 40 nhạc sĩ đã trình bày hai bản “le Barbier de Séville” của Rossini và “Symphonie à la Reine” của Haydn dưới sự điều khiển

của ông Đỗ Thế Phiệt. Chúng ta tưởng không nên quá khe khắt đối với Giàn nhạc này mà sự trình tấu không khỏi không có khuyết điểm — thí dụ: phần đệm rất yếu, các vĩ cầm nhiều lúc không ăn ý — những khuyết điểm để khởi đầu một cách đáng khuyến khích. Ông Đỗ Thế Phiệt am hiểu nhiệm vụ nhạc trưởng nhưng đáng điệu không đẹp mắt.

Dù sao buổi ra mắt của Việt Nam Nhạc Hội cũng là một dấu hiệu đáng mừng.

Nguyễn Thụy

DUY THỨC HỌC THÔNG LUẬN
của THẠC ĐỨC — Phật Học Đường Nam
Việt xuất bản.

Những sách về Phật học bằng tiếng Việt, dù là phiên dịch hay trước tác, lúc này ở đây không lấy gì làm nhiều cho lắm. Đã vậy, những sách ấy thường rất khó đọc một phần vì khô khan, một phần vì chịu nhiều ảnh hưởng Hán học.

Giáo sư Thạc Đức của Phật Học Đường Nam Việt đã có một cố gắng đáng khen là đã trình bày Duy Thức Học qua lăng kính của một người nghiên cứu triết học Tây phương tuy vẫn còn giữ nhiều bản sắc Hán học. Ưu điểm của cuốn Duy Thức Học Thông Luận là trong một khuôn khổ rất giới hạn – trên một trăm trang — nó đã đề cập tới nhiều vấn đề liên quan tới

nhận thức luận. Được vậy là nhờ ở cách trình bày vấn đề, lối hành văn sáng sủa của tác giả. Nhưng ưu điểm này đồng thời cũng lại là một khuyết điểm vì nó đã tóm tắt quá đại cương về triết học Tây phương cũng như về Duy thức luận.

Tuy nhiên, cuốn Duy Thức Học Thông Luận này có thể là một tham chiếu rất tốt cho những ai muốn thâm cứu môn học ấy vì ít nhất nó cũng giúp cho chúng ta làm quen được với thuật ngữ của duy thức luận mà không lúng túng. Chừng ấy đã đủ cho những người ham học hỏi về Giáo lý Phật học cảm ơn tác giả. Với “Đạo Phật Qua Nhận Thức Mới” và “Duy Thức Học Thông Luận” giáo sư Thạc Đức đã tỏ rõ ý định hiện đại hóa công cuộc Phật học và đã thành công ít nhất là trên nguyên tắc.

Người đọc chắc chắn sẽ chờ đợi nhiều ở giáo sư Thạc Đức.

Mạc Sơn

GIẢI THƯỞNG NOBEL VĂN CHƯƠNG NĂM 1958

Năm nay, Hàn lâm viện Thụy Điển đã quyết định trao giải thưởng văn chương cho nhà văn Nga là Boris Pasternak với cuốn *Docteur Jivago*.

Thái độ của chính quyền Nga đối với việc Boris Pasternak được giải Nobel thật đáng cho ta chú ý. Chính quyền Nga tỏ vẻ lạnh nhạt và cố ý ngăn cấm Boris Pasternak đi lĩnh thưởng, đồng thời báo chí cộng sản cho rằng việc phát thưởng Nobel cho Boris Pasternak là một âm mưu chính trị và tố cáo Pasternak là một nhà văn trốn tránh cuộc đấu tranh của dân tộc. Điều đáng lưu ý hơn nữa, cuốn *Docteur Jivago* của Boris Pasternak bị cấm lưu hành ở Nga. Nhưng vừa rồi đài BBC của Anh có dịch cuốn

Docteur Jivago qua Nga văn để dân chúng Nga thưởng ngoạn văn chương của Boris Pasternak, một nhà văn bị đảng cộng sản coi là thù nghịch. Boris Pasternak là một văn sĩ thuộc thế hệ tiên cách mạng vô sản, bạn thân của những Es-sénine, Maiakosky nhưng không ưa cộng sản.

Boris Pasternak sinh trưởng trong một gia đình nghệ sĩ có học đại học ở Mạc Tư Khoa và du học ở Đức, Pháp, Ý đại lợi (lấy vợ người Ý đại lợi).

Boris Pasternak sống gần như bị bỏ quên; ông ở một trang trại nhỏ cách Mạc Tư Khoa mười cây số, ngày ngày âm thầm sáng tác nhưng không hề phổ biến tác phẩm ở Nga.

Năm 1957, có một nhà báo Tây phương gặp Boris Pasternak hỏi ông hiện đang làm gì thì ông cho biết “đọc thánh kinh và sáng tác”. Đầu năm nay, Boris Pasternak cho phát hành ở Pháp cuốn Docteur Jivago, một trường thiên

tiểu thuyết dày hơn năm trăm trang, diễn tả bối cảnh, tâm trạng nước Nga thời cách mạng và nội chiến có một không khí phảng phất văn chương Tolstoi và Dostoïevski với luận đề “Chủ nghĩa Mác xít chỉ là một cứu cánh nhất thời của dân tộc Nga”.

Hàn lâm viện Thụy Điển có đánh điện mời vợ chồng văn sĩ Boris Pasternak qua Stockholm (kinh đô Thụy Điển) vào ngày 10-12-1958 để dự lễ phát thưởng.

Việc Boris Pasternak được phát thưởng Nobel về văn chương đã gây ra nhiều chuyện lôi thôi rắc rối cho ông. Đảng cộng sản Nga đã ra lệnh cho liên đoàn các nhà văn Nga sô trục xuất và khai trừ Boris Pasternak khỏi đoàn thể. Ông bị cô lập và tước đoạt tự do. Chính quyền Nga sô đã nài có Boris Pasternak bị bệnh, ngăn cấm không cho các ký giả Tây phương ở Mạc Tư Khoa gặp Boris Pasternak đồng thời đe dọa và khủng bố tinh thần nhà văn này, bắt ông ký

vào bức điện văn gửi Hàn lâm viện Thụy Điển tức hỏi không lãnh nhận phần thưởng Nobel.

Hành động tàn bạo của nhà cầm quyền Nga Xô với Boris Pasternak đã gây ra nhiều phần nộ trong giới văn nghệ và trí thức toàn thế giới. Các nhà văn Thụy Điển gửi điện văn yêu cầu nhà cầm quyền Nga tôn trọng sự tự do của Boris Pasternak. Hội Văn bút quốc tế yêu cầu hiệp hội các nhà văn Nga bảo vệ Boris Pasternak. Một số các văn sĩ, triết gia và bác học người Anh, trong số đó có nhiều người từng được giải thưởng Nobel, ký vào một bức kiến nghị như sau gửi hiệp hội các văn sĩ Nga:

– Chúng tôi xem tác phẩm Bác sĩ Jivago của Boris Pasternak là một bằng chứng nhân đạo chứ không phải bằng chứng chính trị.

– Chúng tôi kêu gọi đến quý Hội nhân danh tập quán văn chương mà quý hội đại diện để đừng làm mất phẩm giá một văn sĩ được toàn

thể thế giới văn minh ngưỡng mộ.

Ký tên ở bức kiến nghị có: Sommerset Maugham, Bertrand Russel, T. S. Eliot, Aldou Huxley, Julian Huxley, G. B. Priesley, Graham Green, Stephen Spender, Herbert Read, Allan Wright....

Tước đoạt tự do, khủng bố văn nghệ sĩ, bôi nhọ con người là những thủ đoạn thường xuyên được các người cộng sản dùng tới. Họ chỉ có thể thôi. Nhưng từ sự kiện đó chúng tôi thấy nhiều điều đáng nhận định và suy nghĩ. Nửa thế kỷ hai mươi chúng ta vừa sống đã chứng kiến biết bao nhiêu thảm kịch. Những bạo hành của người Phát xít rồi tới của người Mắc xít đã dạy chúng ta rằng: tương lai nhân loại là ở thái độ của người trí thức, đã đến lúc người trí thức cần phải đòi hỏi cuộc sống thật của mình.

Boris Pasternak rất xứng đáng là một nhà trí thức, ông đã can đảm đứng đầu gió, đứng một mình. Những nhà trí thức đứng một mình cần có mặt ở khắp các chân trời trên thế giới hỗn loạn này.

Vương Tân

TIẾNG BÊN TRỜI thơ của HÀ LIÊN TỬ

Lời giới thiệu ở đầu sách nói Hà Liên Tử đã từ giã vườn thơ có kinh để bước sang lĩnh vực thơ tự do. Nếu có thì cái bước đi ấy cũng chẳng là bao và người giới thiệu cũng hiểu thơ tự do một cách quá ư đơn giản. Tiếng Bên Trời vẫn là một tiếng thơ cổ điển. Từ thể điệu đến danh từ, đến hình ảnh. Tôi đọc nhiều đoạn thơ có vẻ tự do, kỳ thực chỉ là những câu lục bát chặt thành khúc nhỏ. Tại sao không để nguyên là lục bát? Một vài câu phá thể mới nhú lên như những vượt thoát nửa chừng sau đó lại ngã vào cái khuôn thước cố định của thất ngôn, của lục bát, cái kỹ thuật “tổng hợp” thường thấy của một số nhà thơ Việt Nam thiếu bản chất độc đáo ấy, rất rõ ở Hà Liên Tử.

Lối chế biến các thể thơ này chỉ có thể coi như một nhược điểm. Nó tạo thêm những câu thơ trung gian, làm yếu hẳn tính chất tác động của bài thơ. Một điểm nữa là Hà Liên Tử dung những danh từ rất sâu, rất công thức. Chơi chữ nhưng toàn chữ rất cũ. Rõ ràng là toàn thể tập thơ không có một dấu hiệu nào khiến chúng ta nhận định được cái tương lai thơ của tác giả.

Với Tiếng Bên Trời, Hà Liên Tử vẫn còn nằm trong trường hợp những nhà thơ không muốn đứng ở chỗ cũ, nhưng ncu4ng chưa mở được lối đi nào mới, cất được một tiếng nói lớn.

Nhận xét về Hà Liên Tử qua tập thơ Tiếng Bên Trời của ông, tôi đã có một thái độ khắc nghiệt. Sự thực tôi chỉ muốn thúc đẩy một cố gắng cần thiết, để đón đợi ở nhà thơ một bước đi dài và táo bạo hơn. Vấn đề vẫn là mở một con đường riêng, đem lại cho thơ những lượng rung động mới, tạo một kỹ thuật biểu hiện độc đáo. Trên một hiện tượng trưởng thành

rất đáng vui mừng của thi ca Việt Nam hiện đại, bởi sự thành hình, sự phát triển của phong trào thơ tự do, những thi phẩm xuất bản, mới hay cũ, cổ điển hay không cổ điển, phải có một chứa đựng và một vóc dáng thế nào mới có chỗ đứng dưới mặt trời.

Nguyễn Đăng

GỖ ĐẦU TRẺ

truyện ngắn của NGUYỄN SA

Tập truyện ngắn đầu tay này mặc dầu tính chất và giá trị giáo dục của nó không thể làm chúng ta quên được những vần thơ tự do của Nguyễn Sa. So sánh, Nguyễn Sa thơ trội hơn Nguyễn Sa văn thật nhiều. Kỹ thuật thơ, Nguyễn Sa nắm vững và sử dụng rất thoải mái.

Cái vẻ dàn trải bỗng bênh làm cho mỗi bài thơ Nguyên Sa là mỗi giải lụa uyển chuyển, vào thể truyện ngắn, lại làm loãng nhạt cả những đoạn sự việc sôi nổi, động tác dồn dập nhất. Tôi vẫn thấy mến yêu Nguyên Sa qua tiếng chim trên cành ca ngợi cuộc sống và tình yêu hơn là hình ảnh một nhà giáo mô phạm, tay cầm thước kẻ, nhìn xuống thế giới học trò bằng một cái nhìn nghiêm khắc. Viết truyện dạy học, đi chấm thi, tả một đồng nghiệp. Nguyên Sa già hẳn đi. Tôi không muốn nhìn thấy trong tác phẩm một thói quen nghề nghiệp. Ở đây, đã thấp thoáng những khuôn thước, những ảnh hưởng nghề nghiệp. Tôi muốn tin con người thơ Nguyên Sa, và trong văn xuôi nữa, vẫn được gặp một tâm hồn thi sĩ sẵn sàng yêu thương và chưa thôi rung động.

Nguyễn Đăng

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TƯ THỰC TRUNG HỌC ĐỆ NHỊ CẤP

TRƯỜNG SƠN

155A Tự Đức — Dakao — Saigon.

các lớp đệ Nhị A.B.C và đệ Nhất A.B.C

Hiệu trưởng: Nguyễn Sỹ Tế

Giới thiệu các báo bạn:

SINH LỰC

Tuần báo ra ngày thứ Năm với sự cộng tác của
nhiều cây bút quen biết. Chủ nhiệm: Võ Văn
Trưng – Chủ bút: Phan Sơn Vũ – Thư ký tòa
soạn: Thái Thủy

TRUYỆN PHIM

Tuần báo điện ảnh – kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ nhất của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc Tế.

HỘP THU

Các bạn. Mặc Thanh, Hiền Nhân, Hưu Hỷ, Hoàng trúc Linh, Hoài Lữ, Thái Hùng, Hoàng việt Tùng, Vũ thì Yêm, Lệ thủy Vân, Ngọc My, Phượng Tử, Thế Lai, Việt Sơn, Mộ Gia, Vương Trúc, Như Sơn, T. Minh. Khác mà Lớn, Trí Tân, Nguyễn văn Phúc, Nhị Nhị Thái việt Châu, Trúc anh Tâm, Trần Thanh, Tấn Trọng Đàm, Hoài huyện Thương, Hoàng Anh, Bích Hoài, Giang Hà, Hà Nhân, Hy Lan, Lan Anh, Vũ nguyên Quân, Ngô đức Chương. Ngô đức Bửu, Siêu ngọc Vải, Nam Gioo.

Đã nhận được thơ, truyện ngắn và tùy bút của các bạn. Chờ sáng tác mới. Thân ái.

Ban Hy Tam: D. L. B. K. không đăng. Gửi cho sáng tác mới. Thân ái.

Duy Đông: Đã nhận được thư. Cảm ơn.

Cao Thiên Lương: « Mây đầu núi » đăng kỳ sau. Thân ái.

Huy Luân: Mấy bài trước không đăng. Gửi cho kịch thơ.

Lan Khuê: Không đăng. Chờ sáng tác mới.

Huyền Dung: Rất hoan nghênh. Cứ gửi bài về nếu hay sẽ đăng.

Hoàng Khanh: Đã đăng một bài thơ trong số này.

Thu Yên: S. T. không đăng thơ dịch.

Thao Thao: Đã nhận được. Đang xem. Chúc cố gắng.

Đăng Thái Hiệp: Tòa soạn sẽ lưu tâm đến đề nghị của bạn.

TRẢ LỜI CHUNG: 1. Bài vở bạn gửi đến đã đăng hay không đăng, tòa soạn không trả lại bản thảo. 2. Còn một số thơ và sáng tác gửi về tháng này chưa trả lời, chúng tôi sẽ trả lời trong số sau.